

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Sở Xây dựng/Ủy ban nhân dân cấp huyện**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1247/TTr-SXD ngày 03/05/2017 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Văn bản số 511/STP-KSTT ngày 27/04/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 34 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng và 07 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 09/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng; Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành

chính mới ban hành và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng/Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực xây dựng đã được công bố trước đây tại Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 05/02/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp huyện và Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 05/02/2013 về việc công bố Bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp xã hết hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *ky*

- Văn phòng chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP (Lg,V), Thù;
- Lưu: VT. *ky*



CHỦ TỊCH *ky*

Trần Thanh Liêm

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ XÂY DỰNG/ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm
2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính		Cơ quan thực hiện	Trang
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
I. Lĩnh vực Quy hoạch – Kiến trúc				
1	1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Sở Xây dựng	1
2	2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Sở Xây dựng	3
3	3	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quản lý	Sở Xây dựng	5
II. Lĩnh vực Phát triển đô thị				
4	1	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Sở Xây dựng	11
5	2	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Sở Xây dựng	20
		Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu		

6	3	tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt	Sở Xây dựng	24
7	4	Lấy ý kiến của sở Xây dựng đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh	Sở Xây dựng	33
III. Lĩnh vực nhà ở				
8	1	Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	Sở Xây dựng	36
9	2	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Sở Xây dựng	38
10	3	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Sở Xây dựng	44
11	4	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Sở Xây dựng	50
12	5	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	Sở Xây dựng	53
13	6	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	Sở Xây dựng	57
14	7	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	Sở Xây dựng	73
15	8	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	Sở Xây dựng	84
16	9	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	Sở Xây dựng	88
IV. Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản				
17	1	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư.	Sở Xây dựng	94
18	2	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.	Sở Xây dựng	110
19	3	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản:	Sở Xây dựng	116

		3.1 Do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng 3.2 Do hết hạn (hoặc gần hết hạn)		
V. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng				
V.1 Thủ tục hành chính về thẩm định dự án, thiết kế, dự toán				
20	1	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (<i>quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Khoản 4, Điểm b Khoản 5 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP</i>)	Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	124
21	2	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (<i>quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD</i>)	Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	132
22	3	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (<i>quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP</i>)	Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	143
V.2 Thủ tục hành chính về cấp giấy phép xây dựng				
23	1	Cấp giấy phép xây dựng (giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	Sở Xây dựng	153
24	2	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các	Sở Xây dựng	167

		tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.		
V.3 Thủ tục hành chính về cấp chứng chỉ năng lực và chứng chỉ hành nghề				
25	1	Cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý, thẩm tra chi phí đầu tư xây dựng.	Sở Xây dựng	172
26	2	Đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực của tổ chức (<i>chỉ áp dụng cho tổ chức không thuộc đối tượng cấp chứng chỉ năng lực</i>)	Sở Xây dựng	183
27	3	Cấp/ cấp lại (<i>trường hợp CCHN hết hạn sử dụng</i>)/cấp chuyên đổi/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng.	Sở Xây dựng	187
28	4	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III (<i>Trường hợp CCHN rách nát/thất lạc</i>) đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá XD.	Sở Xây dựng	198
V.4 Thủ tục hành chính về cấp Giấy phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài				
29	1	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động	Sở Xây dựng	201

		xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C		
30	2	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	Sở Xây dựng	207
VI. Lĩnh vực về Giám định tư pháp xây dựng				
31	1	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng	210
32	2	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động	Sở Xây dựng	215
33	3	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	Sở Xây dựng	224
VII. Lĩnh vực về quản lý chất lượng công trình xây dựng				
34	1	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	226
B. Thủ tục hành chính cấp huyện				
I. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng				
I.1 Thủ tục hành chính về thẩm định dự án, thiết kế, dự toán				
35	1	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán	UBND cấp huyện	228

		xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (<i>quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD</i>)		
I.2 Thủ tục hành chính về cấp giấy phép xây dựng				
36	1	Cấp GPXD (GPXD mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	UBND cấp huyện	239
37	2	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	UBND cấp huyện	251
II. Lĩnh vực Quy hoạch – Kiến trúc				
38	1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	UBND cấp huyện	256
39	2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	UBND cấp huyện	258
40	3	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý	UBND cấp huyện	260
III. Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật				
41	1	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	UBND cấp huyện	266

PHẦN II
NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

I. Lĩnh vực Quy hoạch – Kiến trúc

1. Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Sở Xây dựng sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Tờ trình đề nghị thẩm định; thuyết minh nội dung nhiệm vụ; các bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có) như: văn bản chấp thuận làm chủ đầu tư thực hiện dự án hoặc Quyết định chủ trương đầu tư; văn bản chấp thuận điều chỉnh quy hoạch trong trường hợp điều chỉnh quy hoạch tổng thể; Quyết định phê duyệt quy hoạch cấp trên: Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch nông thôn mới ...; hồ sơ năng lực đơn vị tư vấn; hồ sơ khảo sát địa hình đối với đồ án quy hoạch chi tiết; văn bản lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan; văn bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật...

b) Số lượng hồ sơ: 03 (bộ)

1.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

1.8. Lệ phí: Quy định tại Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 8/02/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

2. Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Sở Xây dựng sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án; thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch; dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; các phụ lục tính toán kèm theo; các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có) như: văn bản chấp thuận làm chủ đầu tư thực hiện dự án hoặc Quyết định chủ trương đầu tư; văn bản chấp thuận điều chỉnh quy hoạch trong trường hợp điều chỉnh quy hoạch tổng thể; Quyết định phê duyệt quy hoạch cấp trên: Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch nông thôn mới ...; hồ sơ năng lực đơn vị tư vấn; hồ sơ khảo sát địa hình đối với đồ án quy hoạch chi tiết; văn bản lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan; văn bản thỏa thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật...

b) Số lượng hồ sơ: 03 (bộ)

2.4. Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án đầu tư

xây dựng công trình.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết.

2.8. Lệ phí: Quy định tại Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 8/02/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

3. Thủ tục cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý

3.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Căn cứ vào thông tin quy hoạch, chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép quy hoạch theo các trường hợp quy định tại Điều 32 của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Điều 36 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Sở Xây dựng sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

Bước 4: Căn cứ vào yêu cầu quản lý, kiểm soát phát triển của đô thị, khu chức năng đặc thù, quy định quản lý theo quy hoạch chung, đề xuất của chủ đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan và báo cáo UBND cấp tỉnh cấp giấy phép quy hoạch về nội dung giấy phép quy hoạch. Thời gian thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến không quá 30 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép quy hoạch hợp lệ.

Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và cấp giấy phép quy hoạch trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định cấp

giấy phép quy hoạch của cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng.

Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ tại khu vực trong đô thị chưa có quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế đô thị trừ nhà ở; công trình tập trung hoặc riêng lẻ trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt, nhưng cần điều chỉnh ranh giới hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất, trong quá trình thẩm định hồ sơ cấp giấy phép quy hoạch, cơ quan quản lý quy hoạch phải tổ chức lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư có liên quan về nội dung cấp phép. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép quy hoạch;
- Sơ đồ vị trí địa điểm đề nghị cấp giấy phép quy hoạch;
- Dự kiến phạm vi, ranh giới khu đất, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch;
- Dự kiến nội dung đầu tư, quy mô dự án và tổng mức đầu tư;
- Báo cáo về pháp nhân và năng lực tài chính để triển khai dự án.

b) Số lượng hồ sơ : 01 (bộ)

3.4. Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép quy hoạch sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung quy định tại mẫu số 2 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015, mẫu số 2 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010.

- Giấy phép quy hoạch sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ quy định tại mẫu số 4 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015, mẫu số 4 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010.

3.8. Phí, Lệ phí: 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 giấy phép.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép quy hoạch (sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung); quy định tại mẫu số 1 Nghị định số 44/2015/NĐ-

CP ngày 06/5/2015, mẫu số 1 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010.

- Đơn đề nghị cấp giấy phép quy hoạch (sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ) quy định tại mẫu số 3 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015, mẫu số 3 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.
- Thông tư số 171/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép quy hoạch.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

Mẫu số 1

(Ban hành kèm theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung)

Kính gửi:

1. Chủ đầu tư:

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:

- Số nhà: Đường Phường (xã)
- Tỉnh, thành phố:
- Số điện thoại:
- 2. Vị trí, quy mô khu vực dự kiến đầu tư:
- Phường (xã) Quận (huyện)
- Tỉnh, thành phố:
- Phạm vi dự kiến đầu tư:
- Quy mô, diện tích: (ha).
- Hiện trạng sử dụng đất
- 3. Nội dung đầu tư:
- Chức năng dự kiến:
- Cơ cấu sử dụng đất dự kiến:
- 4. Tổng mức đầu tư dự kiến:
- 5. Cam kết: tôi xin cam đoan thực hiện đúng theo giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

MẪU GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

Mẫu số 2

(Ban hành theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

(Trang 1)

(Màu xanh - khổ A4)

**UBND tỉnh, TP trực thuộc TW
hoặc UBND quận, huyện,
thành phố thuộc tỉnh, thị xã**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

Số: /GPQH

(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung)

1. Cấp cho chủ đầu tư:

.....

- Địa chỉ:

.....

- Số nhà: ... Đường ... Phường (xã): Tỉnh, thành phố:

.....

2. Nội dung cấp phép:

- Tên dự án:

- Địa điểm xây dựng:

- Phạm vi ranh giới:

.....

- Quy mô đất đai: ha

- Quy mô dân số (nếu có): người

- Cơ cấu sử dụng đất: %.

(tỷ lệ đất giao thông, cây xanh, công trình công cộng)

(Trang 2)

- Mật độ xây dựng toàn khu vực: %

- Chiều cao tối đa xây dựng công trình:m.

- Hệ số sử dụng đất:

- Các yêu cầu về không gian, kiến trúc, cảnh quan:

- Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, môi trường:

3. Thời hạn giấy phép quy hoạch:

Nơi nhận:

....., ngày ... tháng ... năm

- Như trên;

Cơ quan cấp giấy phép quy hoạch

- Lưu:

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

Mẫu số 3

(Ban hành theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH
(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Chủ đầu tư:

.....

- Người đại diện: Chức vụ:

.....

- Địa chỉ liên hệ:

.....

- Số nhà: Đường Phường (xã)

- Tỉnh, thành phố:

- Số điện thoại:

2. Vị trí, quy mô xây dựng công trình:

.....

- Phường (xã) Quận (huyện)

- Tỉnh, thành phố:

- Phạm vi ranh giới:

.....

- Quy mô, diện tích: (ha).

- Hiện trạng sử dụng đất

3. Nội dung đầu tư:

- Chức năng công trình:

- Mật độ xây dựng: %

- Chiều cao công trình: m.

- Số tầng:

- Hệ số sử dụng đất:

- Dự kiến tổng diện tích sàn: m².

4. Tổng mức đầu tư dự kiến:

.....

5. Cam kết: tôi xin cam đoan thực hiện đúng theo giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

MẪU GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

Mẫu số 4

(Ban hành theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

(Trang 1)

(Màu xanh - khổ A4)

**UBND tỉnh, TP trực thuộc TW
hoặc UBND quận, huyện,
thành phố thuộc tỉnh, thị xã**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

Số: /GPQH

(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ)

1. Cấp cho chủ đầu tư:

.....

- Địa chỉ:

.....

- Số nhà: ... Đường ... Phường (xã): ... Tỉnh, thành phố:

.....

2. Nội dung cấp phép:

- Tên dự án:

- Địa điểm xây dựng:

- Phạm vi ranh giới:

.....

- Diện tích lô đất: m²

- Mật độ xây dựng đối với lô đất: %

- Chiều cao công trình: m.

- Hệ số sử dụng đất đối với lô đất:

(Trang 2)

- Khoảng lùi công trình: m

- Các yêu cầu về kiến trúc công trình:

- Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật và môi trường:

.....

3. Thời hạn giấy phép quy hoạch:

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

....., ngày ... tháng ... năm

Cơ quan cấp giấy phép quy hoạch

(Ký tên, đóng dấu)

II. Lĩnh vực Phát triển Đô thị

1. Thủ tục chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, chấp thuận dự án đầu tư xây dựng tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Sở Xây dựng sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

Đối với dự án Khu đô thị mới:

- Dự án có quy mô sử dụng đất từ 20ha đến dưới 100ha, Sở Xây dựng trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận đầu tư sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng.

- Dự án có quy mô sử dụng đất < hơn 20ha Sở Xây dựng trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận đầu tư.

Đối với dự án tái thiết khu đô thị:

- Dự án có quy mô sử dụng đất từ 10ha đến 50ha, Sở Xây dựng trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận đầu tư sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng.

- Dự án có quy mô sử dụng đất < hơn 10ha, Sở Xây dựng trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận đầu tư.

Đối với dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị:

- Các dự án thuộc khu vực có ý nghĩa quan trọng về an ninh quốc phòng, khu vực di tích cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt được cấp thẩm quyền công nhận tại các đô thị; các dự án thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong các đồ án quy hoạch chung) của đô thị loại đặc biệt. Sở Xây dựng trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận đầu tư sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng.

- Các dự án còn lại, Sở Xây dựng trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận đầu tư.

Đối với dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị

Không phân biệt quy mô. Sở Xây dựng trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận đầu tư.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp:

- Dự án có phần diện tích tái thiết có quy mô sử dụng đất từ 10 ha trở lên, phần diện tích tái thiết của dự án nằm trong: Khu vực có ý nghĩa quan trọng về an ninh quốc phòng; khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong các đồ án quy hoạch chung) của đô thị loại đặc biệt, đô thị có di tích được cấp thẩm quyền công nhận là di sản cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt. Sở Xây dựng trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận đầu tư sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng..

Đối với các dự án còn lại:

- Dự án có quy mô sử dụng đất từ 20ha đến dưới 100ha, Sở Xây dựng trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận đầu tư sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng.

- Dự án có quy mô sử dụng đất < hơn 20ha, Sở Xây dựng trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận đầu tư.

Đối với dự án trong ranh giới dự án có công trình được cấp có thẩm quyền xác định là di sản văn hóa.

- Các dự án thuộc khu vực có ý nghĩa quan trọng về an ninh quốc phòng, khu vực di tích cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt được cấp thẩm quyền công nhận tại các đô thị; Các dự án thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử

(được xác định trong các đồ án quy hoạch chung) của đô thị loại đặc biệt. Sở Xây dựng trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận đầu tư sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng.

- Các dự án còn lại: Sở Xây dựng trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận đầu tư.

Bước 4: Đến ngày hẹn Chủ đầu tư nộp biên nhận hồ sơ và nhận Quyết định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng, ký tên vào sổ giao nhận hồ sơ.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Chủ đầu tư trực tiếp nộp hồ sơ trình Sở Xây dựng tại trụ sở cơ quan hành chính.

- Việc gửi hồ sơ giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau được thực hiện trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi qua đường văn thư.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị chấp thuận đầu tư thực hiện dự án (theo mẫu số 01a).

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư hoặc quyết định chỉ định chủ đầu tư hoặc văn bản xác nhận quyền sử dụng đất với trường hợp chủ đầu tư là chủ sử dụng khu đất thực hiện dự án;

- Hồ sơ dự án theo quy định gồm: Thuyết minh dự án; hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án; hồ sơ thiết kế đô thị (không bao gồm mô hình thu nhỏ khu vực thực hiện dự án); dự án thành phần phục vụ tái định cư, giải phóng mặt bằng (nếu có); các nội dung phối hợp giữa chủ đầu tư và chính quyền địa phương (nếu có).

- Các văn bản pháp lý kèm theo: Quyết định phê duyệt khu vực phát triển đô thị và kế hoạch triển khai khu vực phát triển đô thị; hồ sơ quy hoạch chi tiết; hồ sơ chứng minh năng lực của chủ đầu tư về tài chính, kinh nghiệm về đầu tư và quản lý phù hợp để thực hiện dự án...

b) Số lượng hồ sơ:

- Số lượng hồ sơ trình đối với dự án không phải lấy ý kiến thống nhất Bộ Xây dựng: 10 bộ.

- Số lượng hồ sơ trình đối với dự án phải lấy ý kiến thống nhất Bộ Xây dựng: 16 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng (theo mẫu số 01b) theo quy định: Không quá 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng (theo mẫu số 01c) theo quy định: Không quá 67 (sáu mươi bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian gửi hồ sơ qua đường văn thư), trong đó:

Thời gian xem xét hồ sơ, chuẩn bị công văn gửi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng tối đa là 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Thời gian Bộ Xây dựng có trách nhiệm trả lời tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến. Trong trường hợp Bộ Xây dựng phải lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành có liên quan đối với dự án thì thời gian xem xét trả lời tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến.

Thời gian UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định chấp thuận đầu tư dự án (theo mẫu số 01c) tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất ý kiến của Bộ Xây dựng.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Xây dựng và các cơ quan khác có liên quan.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chấp thuận đầu tư dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không chấp thuận đầu tư dự án.

1.8. Lệ phí (nếu có): Chưa có quy định cụ thể

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung thực hiện Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

(Ban hành kèm theo Thủ tục hành chính của Sở Xây dựng)

Mẫu số 01a

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị chấp thuận đầu tư dự án (tên dự án) ...

Kính gửi: UBND tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương...

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số..... ngày.....của (Cơ quan có thẩm quyền) về việc phê duyệt khu vực phát triển đô thị.... (tên khu vực phát triển đô thị);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan....

(Tên chủ đầu tư).....trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương hồ sơ đề xuất chấp thuận đầu tư thực hiện dự án (tên dự án)..... và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định chấp thuận đầu tư dự án (tên dự án) (hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận đầu tư dự án (tên dự án).....) với các nội dung chính sau đây:

1. Tên dự án:
2. Tên chủ đầu tư:
3. Địa điểm, ranh giới và diện tích chiếm đất toàn bộ dự án:
4. Mục tiêu của dự án:
5. Hình thức đầu tư:
6. Nội dung sơ bộ dự án (công việc, sản phẩm...):
7. Khái toán tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:
9. Thời gian và tiến độ thực hiện dự kiến; phân kỳ đầu tư (nếu có):
10. Phương thức giao đất, cho thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất (nếu có):
11. Đất dành cho xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê hoặc đóng góp tài chính (nếu có):
12. Các công trình hạ tầng được chuyển giao cho Nhà nước:
13. Các đề xuất hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với dự án theo quy định:
14. Các đề xuất của Chủ đầu tư về nghĩa vụ đóng góp đối với Nhà nước, địa phương:
15. Dự kiến đơn vị quản lý hành chính đối với dự án. Đề xuất các quy định về phối hợp quản lý hành chính, chuyển giao hành chính, an ninh và dịch vụ công ích giữa chủ đầu tư với các cơ quan địa phương có liên quan trong quá trình thực hiện đến khi hoàn thành dự án.

Trên đây là các nội dung về việc đề nghị chấp thuận đầu tư dự án (tên dự án)...(Chủ đầu tư) ... kính trình Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương) ... xem xét, quyết định chấp thuận đầu tư dự án (tên dự án) (hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cơ quan/cá nhân có liên quan;

CHỦ ĐẦU TƯ
(Chữ ký, họ và tên, dấu)

- Lưu:

(Ban hành kèm theo Thủ tục hành chính của Sở Xây dựng) **Mẫu số 01b**
ỦY BAN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BÌNH DƯƠNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/CV-UBND

Bình Dương, ngày tháng năm 201....

V/v cho ý kiến về hồ sơ đề xuất
chấp thuận đầu tư dự án

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Sở Xây dựng Bình Dương có nhận được hồ sơ đề xuất chấp thuận đầu tư thực hiện dự án với quy môha, do Công ty làm chủ đầu tư;

Nay Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Bộ Xây dựng xem xét và cho ý kiến về đề xuất chấp thuận đầu tư thực hiện dự án nêu trên với nội dung như sau:

1. Sự phù hợp với quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị, khu vực phát triển đô thị và kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sự tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các yếu tố đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của dự án, bao gồm: Sự cần thiết đầu tư; tiến độ thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế – xã hội của dự án gắn với an ninh quốc phòng.

Rất mong nhận được sự quan tâm và phúc đáp.

Trân trọng!

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Xây dựng;
- LĐVP, Kh, TH;
- Lưu: VT.

(Ban hành kèm theo Thủ tục hành chính của Sở Xây dựng) **Mẫu số 01c**
ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH DƯƠNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày tháng năm 201....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấp thuận đầu tư
Dự án

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../..... của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt khu vực phát triển đô thị và kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị;

Căn cứ hồ sơ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ văn bản về việc thẩm định hồ sơ đề xuất chấp thuận đầu tư dự án số ngày/...../..... của Sở Xây dựng và Tờ trình số/TTr-SXD ngày...../...../.....của Sở Xây dựng về việc đề nghị chấp thuận đầu tư dự án

Xét đề nghị của Chủ đầu tư tại Tờ trình số ngày/...../..... về việc chấp thuận đầu tư dự án,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận đầu tư dự án, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án:
2. Tên chủ đầu tư:
3. Địa điểm, ranh giới, diện tích chiếm đất toàn bộ dự án:
4. Mục tiêu của dự án:
5. Hình thức đầu tư:
6. Nội dung sơ bộ của dự án (công việc, sản phẩm, ...):
7. Khái toán tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:
9. Thời gian và tiến độ thực hiện dự kiến; phân kỳ đầu tư (nếu có):
10. Phương thức giao đất, cho thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất (nếu có):
11. Đất dành cho xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê hoặc đóng góp tài chính (nếu có):
12. Các công trình hạ tầng được chuyển giao cho Nhà nước:
13. Các hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với dự án theo quy định:
14. Nghĩa vụ đóng góp của Chủ đầu tư đối với Nhà nước, địa phương:

15. Dự kiến đơn vị quản lý hành chính đối với dự án. Các quy định về phối hợp quản lý hành chính, chuyển giao hành chính, an ninh và dịch vụ công ích giữa chủ đầu tư với các cơ quan địa phương có liên quan trong quá trình thực hiện đến khi hoàn thành dự án.

Điều 2. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm như sau:

- Tự chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc tổ chức lập hồ sơ đề xuất để được chấp thuận đầu tư.

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan ban ngành có liên quan và chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- CT & các PCT;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Km, TH;
- Lưu: VT.

2. Thủ tục điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh.

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, Hội đồng thẩm định tổ chức họp. Tổ chức, cá nhân họp thẩm định quy hoạch tại Sở Xây dựng và ký tên biên bản họp;

Sau đó xem xét:

- Trường hợp các dự án không thuộc phạm vi lấy ý kiến thống nhất Bộ Xây dựng: Chủ đầu tư phải gửi 05 bộ hồ sơ về Sở Xây dựng thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, ra văn bản trả lời về các đề nghị thay đổi, bổ sung các nội dung của dự án.

- Trường hợp các dự án thuộc phạm vi lấy ý kiến Bộ Xây dựng: Chủ đầu tư phải gửi 03 bộ hồ sơ về Bộ Xây dựng lấy ý kiến. Trong trường hợp cần thiết Bộ Xây dựng lấy ý kiến các Bộ, ngành có liên quan, sau khi có công văn của Bộ Xây dựng về việc điều chỉnh dự án. Sở Xây dựng thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận điều chỉnh dự án.

Bước 4: Đến ngày hẹn Chủ đầu tư nộp biên nhận hồ sơ và nhận Quyết định tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng, ký tên vào sổ giao nhận hồ sơ.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Chủ đầu tư trực tiếp nộp hồ sơ trình Sở Xây dựng tại trụ sở cơ quan hành chính; nộp hồ sơ trình Bộ Xây dựng tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua đường văn thư.

- Việc gửi hồ sơ giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau được thực hiện trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi qua đường văn thư.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- a) Thành phần hồ sơ:
- Tờ trình đề nghị điều chỉnh dự án (theo mẫu số 02a);
 - Phần nội dung thay đổi, điều chỉnh của dự án;
 - Các văn bản pháp lý có liên quan.
- b) Số lượng hồ sơ:
- Số lượng hồ sơ trình UBND cấp tỉnh: 05 bộ.
 - Số lượng hồ sơ trình đối với dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: 03 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: Không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (*Sở Xây dựng thẩm định 20 ngày làm việc, UBND tỉnh phê duyệt 10 ngày làm việc*).

- Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định:

- Thời hạn Bộ Xây dựng xem xét hồ sơ và trả lời chủ đầu tư không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ dự án của Chủ đầu tư.

- Trong trường hợp Bộ Xây dựng phải lấy ý kiến góp ý của các Bộ ngành có liên quan đối với dự án thì thời hạn xem xét trả lời không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ của chủ đầu tư.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Xây dựng và các cơ quan khác có liên quan.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chấp thuận điều chỉnh (theo mẫu số 02b) dự án của UBND cấp tỉnh hoặc văn bản trả lời đối với trường hợp không chấp thuận.

2.8. Lệ phí (nếu có): Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung thực hiện Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

(Ban hành kèm theo Thủ tục hành chính của Sở Xây dựng) **Mẫu số 02a**
UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-SXD Bình Dương, ngày tháng năm 201....

TỜ TRÌNH
Về việc chấp thuận điều chỉnh dự án

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của UBND tỉnh Bình Dương Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../... của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt khu vực phát triển đô thị

Căn cứ hồ sơ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ vào Tờ trình số ngày .../.../... của Chủ đầu tư và Hồ sơ đề xuất chấp thuận đầu tư thực hiện dự án

Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận đầu tư dự ánvới các nội dung chính sau đây:

1. Mục tiêu:
2. Quy mô:

3. Chức năng sử dụng đất:
4. Cơ cấu sản phẩm:
5. Đề xuất, kiến nghị của Sở Xây dựng:
6. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày
.../.../... của UBND tỉnh Bình Dương V/v chấp thuận đầu tư dự án
Trên đây là các nội dung về việc đề nghị chấp thuận điều chỉnh dự án
Sở Xây dựng kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và quyết định./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cơ quan/cá nhân có liên quan;
- Lưu:

(Ban hành kèm theo Thủ tục hành chính của Sở Xây dựng) **Mẫu số 02b**
ỦY BAN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BÌNH DƯƠNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số :/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày tháng năm 201

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận điều chỉnh dự án

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý
đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ
Xây dựng và Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày/.../... của UBND tỉnh Bình
Dương Về việc phê duyệt khu vực phát triển đô thị và kế hoạch thực hiện khu vực phát triển
đô thị;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../... của UBND tỉnh Bình
Dương Về việc chấp thuận đầu tư dự án

Căn cứ hồ sơ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ văn bản về việc thẩm định hồ sơ đề xuất chấp thuận đầu tư dự án số
ngày/.../... của Sở Xây dựng và Tờ trình số/TTr-SXD ngày/.../... của
Sở Xây dựng Về việc đề nghị chấp thuận điều chỉnh dự án

Xét đề nghị của Chủ đầu tư tại Tờ trình số ngày/.../... Về việc chấp
thuận điều chỉnh dự án,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận đầu tư dự án, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu:

2. Quy mô:
3. Chức năng sử dụng đất:
4. Cơ cấu sản phẩm:

Điều 2. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../..... của UBND tỉnh Bình Dương V/v chấp thuận đầu tư dự án

Điều 3. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm như sau:

- Tự chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc tổ chức lập hồ sơ đề xuất để được chấp thuận đầu tư.
- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan ban ngành có liên quan và chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- CT & các PCT;
- Như Điều 4;
- LĐVP, Km, TH;
- Lưu: VT.

3. Thủ tục chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt.

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận dự án đầu tư xây dựng công trình tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Sở Xây dựng sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

Sau đó xem xét:

- Gửi 01 bộ hồ sơ lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng (theo mẫu số 3b). Bộ Xây dựng có trách nhiệm trả lời bằng văn bản theo thời gian quy định.
- Trên cơ sở văn bản thẩm định của Sở Xây dựng (theo mẫu số 3c) và ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng, UBND tỉnh xem xét, chấp thuận dự án.

Bước 4: Đến ngày hẹn Chủ đầu tư nộp biên nhận hồ sơ và nhận Quyết định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng, ký tên vào sổ giao nhận hồ sơ.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Chủ đầu tư trực tiếp gửi hồ sơ trình Sở Xây dựng tại trụ sở cơ quan hành chính.

- Việc gửi hồ sơ giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau được thực hiện trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi qua đường văn thư.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị chấp thuận dự án (theo mẫu số 3a);
- Hồ sơ dự án gồm: Thuyết minh và thiết kế cơ sở của dự án;
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: Số lượng hồ sơ trình thẩm định: 15 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 37 (ba mươi bảy) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian gửi hồ sơ qua đường văn thư), trong đó:

- Thời gian xem xét hồ sơ, chuẩn bị công văn gửi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng tối đa là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn và 15 bộ hồ sơ dự án hợp lệ của Chủ đầu tư.

- Thời gian Bộ Xây dựng có trách nhiệm trả lời tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến.

- Thời gian UBND tỉnh xem xét, chấp thuận dự án tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất ý kiến của Bộ Xây dựng.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Xây dựng và các cơ quan khác có liên quan.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chấp thuận đầu tư (theo mẫu số 3d).

3.8. Phí (nếu có): Chưa có quy định cụ thể.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;
- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung thực hiện Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

(Ban hành kèm theo Thủ tục hành chính của Sở Xây dựng) **Mẫu số 03a**
TÊN CHỦ ĐẦU TƯ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị chấp thuận đầu tư dự án (tên dự án) ...

Kính gửi: UBND tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương...

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số..... ngày.....của (Cơ quan có thẩm quyền) về việc phê duyệt khu vực phát triển đô thị.... (tên khu vực phát triển đô thị);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan....

(Tên chủ đầu tư).....trình Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương hồ sơ đề xuất chấp thuận đầu tư thực hiện dự án (tên dự án).....

và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định chấp thuận đầu tư dự án (tên dự án) (hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận đầu tư dự án (tên dự án).....) với các nội dung chính sau đây:

1. Tên dự án:
 2. Tên chủ đầu tư:
 3. Địa điểm, ranh giới và diện tích chiếm đất toàn bộ dự án:
 4. Mục tiêu của dự án:
 5. Hình thức đầu tư:
 6. Nội dung sơ bộ dự án (công việc, sản phẩm...):
 7. Khái toán tổng mức đầu tư:
 8. Nguồn vốn đầu tư:
 9. Thời gian và tiến độ thực hiện dự kiến; phân kỳ đầu tư (nếu có):
 10. Phương thức giao đất, cho thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất (nếu có):
 11. Đất dành cho xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê hoặc đóng góp tài chính (nếu có):
 12. Các công trình hạ tầng được chuyển giao cho Nhà nước:
 13. Các đề xuất hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với dự án theo quy định:
 14. Các đề xuất của Chủ đầu tư về nghĩa vụ đóng góp đối với Nhà nước, địa phương:
 15. Dự kiến đơn vị quản lý hành chính đối với dự án. Đề xuất các quy định về phối hợp quản lý hành chính, chuyển giao hành chính, an ninh và dịch vụ công ích giữa chủ đầu tư với các cơ quan địa phương có liên quan trong quá trình thực hiện đến khi hoàn thành dự án.
- Trên đây là các nội dung về việc đề nghị chấp thuận đầu tư dự án (tên dự án)...(Chủ đầu tư) ... kính trình Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương) ... xem xét, quyết định chấp thuận đầu tư dự án (tên dự án) (hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cơ quan/cá nhân có liên quan;
- Lưu:

CHỦ ĐẦU TƯ

(Chữ ký, họ và tên, dấu)

03b

(Ban hành kèm theo Thủ tục hành chính của Sở Xây dựng)

Mẫu số

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CV-UBND

Bình Dương, ngày tháng năm

V/v cho ý kiến về hồ sơ đề xuất
chấp thuận đầu tư dự án

Kính gửi: Bộ Xây dựng.

Sở Xây dựng Bình Dương có nhận được hồ sơ đề xuất chấp thuận đầu tư thực hiện dự ántrong khu vực hạn chế phát triển hoặc (nội đô

lịch sử của đô thị đặc biệt) với quy môha, do Công ty làm chủ đầu tư;

Nay Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Bộ Xây dựng xem xét và cho ý kiến về đề xuất chấp thuận đầu tư thực hiện dự án nêu trên với nội dung như sau:

1. Sự phù hợp với quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị, khu vực phát triển đô thị và kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sự tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các yếu tố đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của dự án, bao gồm: Sự cần thiết đầu tư; tiến độ thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế – xã hội của dự án gắn với an ninh quốc phòng.

Rất mong nhận được sự quan tâm và phúc đáp.
Trân trọng!

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Xây dựng;
- LĐVP, Kh, TH;
- Lưu: VT.

(Ban hành kèm theo Thủ tục hành chính của Sở Xây dựng) **Mẫu số 03c**
UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ XÂY DỰNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SXDKT,QHXD

Bình Dương, ngày tháng năm 201....

V/v báo cáo kết quả thẩm định

Hồ sơ đề xuất chấp thuận đầu tư
dự án tại

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../... của UBND tỉnh Bình Dương V/v phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2020;

Qua xem xét Tờ trình số ngày .../.../... của Công ty V/v đề nghị chấp thuận đầu tư thực hiện dự án tại,

Sở Xây dựng báo cáo kết quả thẩm định như sau:

A. THỦ TỤC PHÁP LÝ:

1. Hồ sơ pháp lý liên quan:

-
-
-

2. Sự phù hợp với quy hoạch ngành xây dựng:

-
-
-

3. Văn bản góp ý của các ban ngành, địa phương:

-
-

4. Thành phần hồ sơ: (Theo Điều 26 của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ)

B. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT CHẤP THUẬN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN:

1. Các yếu tố đảm bảo sự phù hợp của dự án so với:

- Chương trình phát triển đô thị
- Khu vực phát triển đầu tư và kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị
-

2. Các yếu tố đảm bảo tính khả thi của dự án:

-
-
-

3. Các yếu tố đảm bảo tính hiệu quả của dự án:

-
-
-

C. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VÀ KẾT LUẬN:

1. Kết quả thẩm định:

-
-
-

2. Kết luận:

-
-
-

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- GD, các PGD SXD;
- Phòng;
- Lưu: VT.

Số :/QĐ-UBND Bình Dương, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấp thuận đầu tư

Dự án
(Trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;
Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../..... của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt khu vực phát triển đô thị và kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị;
Căn cứ hồ sơ pháp lý khác có liên quan.....;
Căn cứ văn bản về việc thẩm định hồ sơ đề xuất chấp thuận đầu tư dự án số ngày/...../..... của Sở Xây dựng và Tờ trình số/TTr-SXD ngày.../.../...của Sở Xây dựng Về việc đề nghị chấp thuận đầu tư dự án

Xét đề nghị của Chủ đầu tư tại Tờ trình số ngày/...../.....
Về việc chấp thuận đầu tư dự án,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận đầu tư dự án,
với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án:
2. Tên chủ đầu tư:
3. Địa điểm, ranh giới, diện tích chiếm đất toàn bộ dự án:
4. Mục tiêu của dự án:
5. Hình thức đầu tư:

6. Nội dung sơ bộ của dự án (công việc, sản phẩm, ...):
7. Khái toán tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:
9. Thời gian và tiến độ thực hiện dự kiến; phân kỳ đầu tư (nếu có):
10. Phương thức giao đất, cho thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất (nếu có):
11. Đất dành cho xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê hoặc đóng góp tài chính (nếu có):
12. Các công trình hạ tầng được chuyển giao cho Nhà nước:
13. Các hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với dự án theo quy định:
14. Nghĩa vụ đóng góp của Chủ đầu tư đối với Nhà nước, địa phương:
15. Dự kiến đơn vị quản lý hành chính đối với dự án. Các quy định về phối hợp quản lý hành chính, chuyển giao hành chính, an ninh và dịch vụ công ích giữa chủ đầu tư với các cơ quan địa phương có liên quan trong quá trình thực hiện đến khi hoàn thành dự án.

Điều 2. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm như sau:

- Tự chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc tổ chức lập hồ sơ đề xuất để được chấp thuận đầu tư.
- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan ban ngành có liên quan và chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- CT & các PCT;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Km, TH;
- Lưu: VT.

4. Thủ tục lấy ý kiến của Sở Xây dựng đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh.

4.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị lấy ý kiến dự án đầu tư xây dựng công trình tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Chủ đầu tư.

Bước 4: Đến ngày hẹn Chủ đầu tư nộp biên nhận hồ sơ và nhận Quyết định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng, ký tên vào sổ giao nhận hồ sơ.

4.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi qua đường văn thư.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản xin ý kiến góp ý (bản chính);
- Hồ sơ dự án gồm: Thuyết minh, bộ ảnh và thiết kế cơ sở của dự án;
- Các văn bản thỏa thuận chủ trương, thẩm định dự án và văn bản khác có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến và hồ sơ dự án.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản cho ý kiến góp ý hồ sơ dự án (theo mẫu số 04).

4.8. Phí (nếu có): Không

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

a) Điều kiện 1: Việc thực hiện dự án tuyệt đối không được làm thay đổi hoặc gây tổn hại các giá trị văn hóa, kiến trúc, lịch sử.., ban đầu của công trình.

b) Điều kiện 2: Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện dự án bảo tồn tôn tạo trong khu vực phát triển đô thị được thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về xây dựng, Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ và pháp luật có liên quan

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;
- Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/09/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung thực hiện Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

(Ban hành kèm theo Thủ tục hành chính của Sở Xây dựng) Mẫu số 04
UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD-PTĐT,HTKT Bình Dương, ngày tháng năm
V/v Góp ý kiến về hồ sơ
dự án

Kính gửi:

Sở Xây dựng Bình Dương có nhận được hồ sơ dự án
.....bảo tồn tôn tạo trong khu vực phát triển đô thị, với quy mô
.....ha, do làm chủ đầu tư;

Sau khi xem xét Sở Xây dựng có ý kiến với nội dung như sau:

1. Sự phù hợp với chủ trương lập dự án quy hoạch, phù hợp với quy hoạch hệ thống di tích trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt; sự tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. *(Nghị định 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh)*

2. Các yếu tố đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của dự án, bao gồm: Sự cần thiết đầu tư; tiến độ thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế – xã hội của dự án gắn với an ninh quốc phòng và quy hoạch phát triển các ngành trong phạm vi khu vực quy hoạch đã được phê duyệt nhằm đảm bảo đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, thống nhất hài hòa về hình thái không gian, kiến trúc khu vực, đảm bảo môi trường cảnh quan bền vững, kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển trong khu vực.

Trên đây là nội dung góp ý của Sở Xây dựng, đề nghị chủ đầu tư....., nghiên cứu thực hiện./.

Trân trọng!

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD và các PGD Sở (b/c);
- Phòng;
- Lưu: VT.

III. Lĩnh vực nhà ở

1. Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định Mục 1.3a nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (Tầng 1, Tháp A, Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hoà Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để Nhà đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của chủ đầu tư, Sở Xây dựng phải kiểm tra hồ sơ; nếu hồ sơ có đủ giấy tờ theo quy định thì Sở Xây dựng phải có văn bản thông báo nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê mua gửi chủ đầu tư; nếu hồ sơ chưa có đủ giấy tờ theo quy định thì phải có văn bản nêu rõ lý do. Trường hợp chủ đầu tư đã gửi hồ sơ nhưng quá thời hạn quy định mà Sở Xây dựng không có văn bản thông báo và nhà ở đó đã đủ điều kiện được bán, cho thuê mua thì chủ đầu tư được quyền ký hợp đồng mua bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai nhưng phải chịu trách

nhiệm về việc bán, cho thuê mua nhà ở này; Sở Xây dựng phải chịu trách nhiệm về việc thông báo hoặc không có văn bản thông báo nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê mua sau khi nhận được hồ sơ đề nghị của chủ đầu tư.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan hành chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản gửi Sở Xây dựng đề nghị thông báo nhà ở đủ điều kiện bán, cho thuê mua;
- Các giấy tờ chứng minh bao gồm:
 - + Giấy tờ về quyền sử dụng đất, hồ sơ dự án, thiết kế bản vẽ thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải có Giấy phép xây dựng, giấy tờ về nghiệm thu việc hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ; trường hợp là nhà chung cư, tòa nhà hỗn hợp có mục đích để ở hình thành trong tương lai thì phải có biên bản nghiệm thu hoàn thành phần móng của tòa nhà đó;
 - + Trường hợp có thể chấp dự án đầu tư xây dựng hoặc thế chấp nhà ở sẽ bán, cho thuê mua thì chủ đầu tư phải gửi kèm theo giấy tờ chứng minh đã giải chấp hoặc biên bản thống nhất của bên mua, bên thuê mua nhà ở và bên nhận thế chấp về việc không phải giải chấp và được mua bán, thuê mua nhà ở đó; trường hợp không có thể chấp dự án hoặc thế chấp nhà ở sẽ bán, cho thuê mua thì chủ đầu tư phải ghi rõ cam kết chịu trách nhiệm trong văn bản gửi Sở Xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ của Chủ đầu tư.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư (Doanh nghiệp Kinh doanh bất động sản).

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo nhà ở đủ điều kiện bán, cho thuê mua.

1.8. Phí, Lệ phí: Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không quy định

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.
- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

2. Thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định Mục **2.3a** nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (Tầng 1, Tháp A, Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hoà Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để Nhà đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan về dự án. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả

lời về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình liên quan đến dự án gửi Sở Xây dựng;

Bước 4: Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có tờ trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để xin ý kiến Hội đồng nhân dân cùng cấp;

Bước 5: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý của Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; trường hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng và nhà đầu tư biết.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ pháp lý của đơn vị được giao làm chủ đầu tư, bao gồm giấy tờ chứng minh chức năng kinh doanh bất động sản, tư cách pháp lý, giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật; trường hợp chưa lựa chọn chủ đầu tư thì có báo cáo về hình thức lựa chọn chủ đầu tư và dự kiến điều kiện lựa chọn chủ đầu tư;

- Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương dự án xây dựng nhà ở, trong đó nêu rõ cơ sở pháp lý đề nghị chấp thuận; các nội dung đề xuất chấp thuận quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP; lý do đề nghị chấp thuận và chứng minh sự phù hợp của nội dung dự án với chương trình kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt;

- Quyết định phê duyệt quy hoạch kèm theo bản vẽ quy hoạch chi tiết khu vực có dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Nội dung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cần chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết: 32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

2.8. Lệ phí: Không

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng;

- Mẫu văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

**Mẫu Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân tỉnh
đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 02 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày
30/6/2016 của Bộ Xây dựng)**

SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm.....

TỜ TRÌNH

Đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở

Kính gửi: UBND tỉnh

Sở Xây dựng đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập hồ sơ dự án nhà ở/đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án *(tên dự án)*.....sốngày..... tháng..... năm.....của nhà đầu tư.... *(phần này áp dụng đối với trường hợp đã có nhà đầu tư)*.....

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

- Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan gồm... *(tên các cơ quan có ý kiến và số văn bản góp ý)*....., Sở Xây dựng đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

1. Tên dự án:
2. Tên nhà đầu tư (nếu có):
3. Hình thức đầu tư:
4. Mục tiêu đầu tư:
5. Địa điểm xây dựng:
6. Quy mô dự án, diện tích sử dụng đất của dự án:
7. Ranh giới sử dụng đất:
8. Tính pháp lý của hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư:
9. Tóm tắt những nội dung chính như: mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, quy mô dân số....
10. Tóm tắt ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan *(nếu có)*:
11. Nhận xét, đánh giá:
 - a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư:
 - b) Sự phù hợp với quy hoạch phân khu (hoặc quy hoạch chi tiết nếu đã có quy hoạch chi tiết) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Sự phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương và phù hợp với danh mục dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

d) Tổng số nhà ở, tỷ lệ và số lượng của từng loại nhà ở:

đ) Phương án tiêu thụ sản phẩm (bán, cho thuê, cho thuê mua):

e) Khu vực để xe công cộng và để xe cho hộ gia đình, cá nhân:

f) Các công trình hạ tầng kỹ thuật của khu vực có dự án:

g) Các công trình hạ tầng xã hội, trong đó nêu rõ các công trình do Nhà nước đầu tư và dự kiến thời hạn đầu tư các công trình này:

h) Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở phải dành để làm nhà ở xã hội (nếu có):

i) Dự kiến tổng mức đầu tư của dự án:

l) Thời gian, tiến độ thực hiện (phân theo giai đoạn nếu có):

12. Những đề xuất ưu đãi của chủ đầu tư:

13. Trách nhiệm của nhà đầu tư đối với dự án:

14. Trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với dự án:

15. Những kiến nghị cụ thể:

Đề nghị UBND tỉnh.....xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở¹ (tên dự án)...../.

Nơi nhận:

- Nhà đầu tư (nếu có) ;

-.....

GD Sở Xây dựng

Ký tên, đóng dấu)

¹ Trường hợp dự án thuộc diện Thủ tướng chấp thuận chủ trương đầu tư thì ghi rõ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có văn bản đề nghị Bộ Xây dựng thẩm định để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

**Mẫu văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận
chủ trương đầu tư đối với dự án xây dựng nhà ở**
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 05 Thông tư số 19/2016/TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày tháng năm

Vv: chấp thuận chủ trương đầu tư dự
án xây dựng nhà ở.

Kính gửi²:

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;
- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;
- Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân (trường hợp phải lấy ý kiến HĐND cùng cấp)..... ;
- Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số....ngày....tháng...năm.... đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án (tên dự án).....

UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng dự án (tên dự án).....với các nội dung sau đây:

1. Tên dự án:.....
2. Hình thức đầu tư:
3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
4. Địa điểm xây dựng:
5. Quy mô dự án:
6. Diện tích sử dụng đất:
7. Ranh giới sử dụng đất:
8. Quy mô dân số:
9. Mật độ xây dựng:
10. Hệ số sử dụng đất:
11. Tỷ lệ và số lượng các loại nhà ở:

Tổng số lượng là:.....căn, tổng diện tích sàn xây dựng là:..... m² và tỷ lệ các loại nhà ở trong dự án (*bao gồm nhà ở riêng lẻ, nhà biệt thự, căn hộ chung cư*), cụ thể như sau:.....

12. Phương án tiêu thụ sản phẩm:

² Ghi tên Sở Xây dựng đối với trường hợp chưa xác định được nhà đầu tư hoặc ghi tên nhà đầu tư đối với trường hợp đã xác định được nhà đầu tư

13. Khu vực để xe công cộng và để xe cho các hộ gia đình, cá nhân:
14. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:
15. Các công trình hạ tầng xã hội, gồm:
 - a) Công trình hạ tầng xã hội do chủ đầu tư xây dựng:
 - b) Công trình hạ tầng xã hội do chính quyền chịu trách nhiệm xây dựng và dự kiến thời gian phải hoàn thành việc xây dựng:
16. Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở dành để làm nhà ở xã hội.....m² (nếu có):
17. Thời gian và tiến độ thực hiện:
18. Ưu đãi của Nhà nước (nếu có):
19. Trách nhiệm của chủ đầu tư đối với dự án:
20. Trách nhiệm của chính quyền địa phương:
21. Những vấn đề liên quan khác:

Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư này có hiệu lực trong....., kể từ ngày ký văn bản.

Đề nghị³ căn cứ vào nội dung của văn bản này để tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

TM. UBND.....

CHỦ TỊCH

Ký tên, đóng dấu)

³ Ghi tên Sở Xây dựng đối với trường hợp chưa xác định được nhà đầu tư hoặc ghi tên nhà đầu tư đối với trường hợp đã xác định được nhà đầu tư

3. Thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định Mục 3.3a nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (Tầng 1, Tháp A, Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hoà Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để Nhà đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan về dự án. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình liên quan đến dự án gửi Sở Xây dựng;

Bước 4: Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án;

Bước 5: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; trường hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng và nhà đầu tư biết.

3.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

3.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ pháp lý của đơn vị được giao làm chủ đầu tư, bao gồm giấy tờ chứng minh chức năng kinh doanh bất động sản, tư cách pháp lý, giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật; trường hợp chưa lựa chọn chủ đầu tư thì có báo cáo về hình thức lựa chọn chủ đầu tư và dự kiến điều kiện lựa chọn chủ đầu tư;

- Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương dự án xây dựng nhà ở, trong đó nêu rõ cơ sở pháp lý đề nghị chấp thuận; các nội dung đề xuất chấp thuận quy

định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP; lý do đề nghị chấp thuận và chứng minh sự phù hợp của nội dung dự án với chương trình kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt;

- Quyết định phê duyệt quy hoạch kèm theo bản vẽ quy hoạch chi tiết khu vực có dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Nội dung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cần chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

3.8. Lệ phí: Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng;

- Mẫu văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;
- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

**Mẫu Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân tỉnh
đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở**
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 02 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày
30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở

Kính gửi: UBND tỉnh

Sở Xây dựng đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập hồ sơ dự án nhà ở/đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án (tên dự án).....sốngày..... tháng..... năm.....của nhà đầu tư.... (phần này áp dụng đối với trường hợp đã có nhà đầu tư).....

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

- Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan gồm... (tên các cơ quan có ý kiến và số văn bản góp ý)....., Sở Xây dựng đã tổ chức thẩm định và báo cáo

kết quả như sau:

1. Tên dự án:
2. Tên nhà đầu tư (nếu có):
3. Hình thức đầu tư:
4. Mục tiêu đầu tư:
5. Địa điểm xây dựng:
6. Quy mô dự án, diện tích sử dụng đất của dự án:
7. Ranh giới sử dụng đất:
8. Tính pháp lý của hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư:
9. Tóm tắt những nội dung chính như: mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, quy mô dân số....
10. Tóm tắt ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có):
11. Nhận xét, đánh giá:
 - a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư:
 - b) Sự phù hợp với quy hoạch phân khu (hoặc quy hoạch chi tiết nếu đã có quy hoạch chi tiết) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
 - c) Sự phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương và phù hợp với danh mục dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).
 - d) Tổng số nhà ở, tỷ lệ và số lượng của từng loại nhà ở:
 - đ) Phương án tiêu thụ sản phẩm (bán, cho thuê, cho thuê mua):
 - e) Khu vực để xe công cộng và để xe cho hộ gia đình, cá nhân:
 - f) Các công trình hạ tầng kỹ thuật của khu vực có dự án:
 - g) Các công trình hạ tầng xã hội, trong đó nêu rõ các công trình do Nhà nước đầu tư và dự kiến thời hạn đầu tư các công trình này:
 - h) Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở phải dành để làm nhà ở xã hội (nếu có):
 - i) Dự kiến tổng mức đầu tư của dự án:
 - l) Thời gian, tiến độ thực hiện (phân theo giai đoạn nếu có):
12. Những đề xuất ưu đãi của chủ đầu tư:
13. Trách nhiệm của nhà đầu tư đối với dự án:
14. Trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với dự án:
15. Những kiến nghị cụ thể:

Đề nghị UBND tỉnh.....xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở ¹ (tên dự án)...../.

Nơi nhận:

- Nhà đầu tư (nếu có) ;
-

GD Sở Xây dựng

Ký tên, đóng dấu)

¹ Trường hợp dự án thuộc diện Thủ tướng chấp thuận chủ trương đầu tư thì ghi rõ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có văn bản đề nghị Bộ Xây dựng thẩm định đề báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

**Mẫu văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận
chủ trương đầu tư đối với dự án xây dựng nhà ở**
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 05 Thông tư số 19/2016/TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày tháng năm.....

Vv: chấp thuận chủ trương đầu tư dự
án xây dựng nhà ở.

Kính gửi²:

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;
- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;
- Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân (trường hợp phải lấy ý kiến HĐND cùng cấp)..... ;
- Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số....ngày....tháng...năm.... đề

ngợi chấp thuận chủ trương đầu tư dự án (tên dự án).....

UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng dự án (tên dự án).....với các nội dung sau đây:

1. Tên dự án:.....
2. Hình thức đầu tư:
3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
4. Địa điểm xây dựng:
5. Quy mô dự án:
6. Diện tích sử dụng đất:
7. Ranh giới sử dụng đất:
8. Quy mô dân số:
9. Mật độ xây dựng:
10. Hệ số sử dụng đất:
11. Tỷ lệ và số lượng các loại nhà ở:

Tổng số lượng là:.....căn, tổng diện tích sàn xây dựng là:..... m² và tỷ lệ các loại nhà ở trong dự án (bao gồm nhà ở riêng lẻ, nhà biệt thự, căn hộ chung cư), cụ thể như sau:.....

12. Phương án tiêu thụ sản phẩm:

² Ghi tên Sở Xây dựng đối với trường hợp chưa xác định được nhà đầu tư hoặc ghi tên nhà đầu tư đối với trường hợp đã xác định được nhà đầu tư

13. Khu vực để xe công cộng và để xe cho các hộ gia đình, cá nhân:
14. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:
15. Các công trình hạ tầng xã hội, gồm:
 - a) Công trình hạ tầng xã hội do chủ đầu tư xây dựng:
 - b) Công trình hạ tầng xã hội do chính quyền chịu trách nhiệm xây dựng và dự kiến thời gian phải hoàn thành việc xây dựng:
16. Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở dành để làm nhà ở xã hội.....m² (nếu có):
17. Thời gian và tiến độ thực hiện:
18. Ưu đãi của Nhà nước (nếu có):
19. Trách nhiệm của chủ đầu tư đối với dự án:
20. Trách nhiệm của chính quyền địa phương:
21. Những vấn đề liên quan khác:

Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư này có hiệu lực trong....., kể từ ngày ký văn bản.

Đề nghị³ căn cứ vào nội dung của văn bản này để tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

TM. UBND.....

CHỦ TỊCH

Ký tên, đóng dấu)

³ Ghi tên Sở Xây dựng đối với trường hợp chưa xác định được nhà đầu tư hoặc ghi tên nhà đầu tư đối với trường hợp đã xác định được nhà đầu tư

4. Thủ tục lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đối với trường hợp chỉ định chủ đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

4.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà đầu tư lập hồ sơ theo quy định Mục 4.3a nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (Tầng 1, Tháp A, Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hoà Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để Nhà đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Sở Xây dựng tổ chức họp Tổ chuyên gia (quy định tại Khoản 4 Điều 8 Thông tư số 19/2016/TT-BXD) để xem xét, đánh giá năng lực của nhà đầu tư; nếu nhà đầu tư đủ điều kiện làm chủ đầu tư dự án thì Sở Xây dựng có văn bản kèm theo biên bản họp Tổ chuyên gia và hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để công nhận nhà đầu tư làm chủ đầu tư dự án theo mẫu hướng dẫn tham khảo tại phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD; nếu nhà đầu tư không đủ điều kiện làm chủ đầu tư dự án thì Sở Xây dựng có văn bản thông báo để nhà đầu tư biết rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

4.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đăng ký làm chủ đầu tư dự án của nhà đầu tư, bao gồm các nội dung: tên, địa chỉ nhà đầu tư, các đề xuất của nhà đầu tư, dự kiến tiến độ thực hiện dự án;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kèm theo giấy tờ chứng minh có đủ số vốn được hoạt động kinh doanh bất động sản (vốn điều lệ) theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản;

- Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính của chủ đầu tư áp dụng như quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

- Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất ở hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký làm chủ đầu tư.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: nhà đầu tư xây dựng dự án nhà ở thương mại.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

4.8. Lệ phí: Không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu văn bản công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;
- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Mẫu văn bản công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở

(Ban hành kèm theo Phụ lục số 06 Thông tư số 19/2016/TT-BXD

ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm.....

Vv: công nhận chủ đầu tư

Kính gửi⁴:

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

- Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại văn bản số.....hoặc đề nghị của cơ quan phê duyệt kết quả đấu giá *(đối với trường hợp cơ quan phê duyệt kết quả đấu giá không phải là Ủy ban nhân dân tỉnh)* kèm theo hồ sơ đề nghị công nhận chủ đầu tư xây dựng nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở.

UBND tỉnh công nhận *(tên nhà đầu tư)*.....được làm chủ đầu tư dự án *(tên dự án)*.....

Văn bản công nhận này có hiệu lực trong, kể từ ngày ký văn bản. Quá thời hạn này mà chủ đầu tư không triển khai thực hiện dự án thì thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật liên quan.

Đề nghị *(ghi tên nhà đầu tư được công nhận làm chủ đầu tư dự án)* tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Xây dựng;
- Lưu....

TM. UBND.....

CHỦ TỊCH

Ký tên, đóng dấu)

Ghi tên nhà đầu tư được công nhận làm chủ đầu tư dự án

5. Thủ tục thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

5.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cán bộ, công chức thuộc đối tượng được thuê nhà ở công vụ có đơn đề nghị cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý (theo mẫu đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ) gửi 01 bộ hồ sơ thuê nhà ở công vụ đến cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở công vụ.

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ, cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ kiểm tra và có văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cho thuê nhà ở công vụ theo quy định như sau:

Đối với nhà ở công vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thì cơ quan, tổ chức đang quản lý người đề nghị thuê nhà ở công vụ đăng ký thuê nhà ở công vụ với Sở Xây dựng, nộp hồ sơ theo quy định Mục **5.3a** tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hoà Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương); đối với quỹ nhà ở công vụ mà Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý thì nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện.

Bước 3: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để Nhà đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 4: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ, UBND tỉnh (hoặc UBND cấp huyện đối với quỹ nhà ở công vụ mà Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý) căn cứ quỹ nhà ở công vụ hiện có và tiêu chuẩn nhà ở công vụ, có trách nhiệm kiểm tra, nếu đủ điều kiện cho thuê nhà ở công vụ thì ban hành quyết định cho thuê nhà ở công vụ; trường hợp không đủ điều kiện thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do;

Bước 5: Cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thuê nhà ở công vụ gửi Quyết định bố trí cho thuê nhà ở công vụ cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ, cơ quan đang trực tiếp quản lý người thuê và người được thuê nhà ở công vụ (mỗi nơi 01 bản) để phối hợp trong việc quản lý, bố trí cho thuê nhà ở công vụ;

Bước 6: Căn cứ vào Quyết định bố trí cho thuê nhà ở công vụ của cơ

quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà ở công vụ có văn bản (kèm theo danh sách người được bố trí thuê nhà ở) đề nghị đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ ký kết hợp đồng thuê nhà ở công vụ trực tiếp với người thuê theo quy định như sau:

- Hai bên trực tiếp trao đổi và ký kết hợp đồng thuê nhà ở công vụ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành.
- Đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ có trách nhiệm gửi Hợp đồng đã được hai bên ký kết cho cơ quan quản lý nhà ở công vụ và cơ quan quản lý người thuê, mỗi đơn vị 01 bản chính.

5.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi qua đường bưu điện đến cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở công vụ.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đăng ký thuê nhà ở công vụ của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ.
- Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ đã có xác nhận của cơ quan đang trực tiếp quản lý cán bộ, công chức về thực trạng nhà ở.
- Bản sao quyết định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển công tác có xác nhận của cơ quan ra quyết định hoặc cơ quan đang trực tiếp quản lý cán bộ, công chức.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

5.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người thuê nhà ở công vụ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cán bộ công chức thuộc diện được ở nhà công vụ của UBND cấp tỉnh.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng hoặc UBND cấp huyện, đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ.
- Cơ quan phối hợp: cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bố trí cho thuê nhà ở công vụ.

5.8. Phí, lệ phí: Không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cán bộ, công chức thuê nhà ở công vụ phải chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình và chưa được thuê, thuê mua hoặc mua nhà ở xã hội tại nơi đến công tác hoặc đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại nơi đến công tác nhưng diện tích nhà ở bình quân trong hộ gia đình dưới 15m²/người.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;
- Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà ở công vụ. (Điều 9 Khoản 3).

Mẫu đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CÔNG VỤ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh / Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.....

Tên tôi là:

Năm sinh Quê quán

CMND số cấp ngày/...../..... tại
.....

Chỗ ở hiện nay:

.....

Đang ở thuê ☐ Đang ở nhà khách ☐ Đang ở nhờ ☐

Hiện đang công tác tại:

Chức vụ:; phụ cấp chức
vụ:.....

Điện thoại:Email:
.....

Hiện nay tôi chưa có nhà ở (chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua,
thuê, thuê mua nhà ở xã hội) tại nơi đến công tác.

Tôi làm đơn này đề nghị cơ quanxem xét cho tôi được thuê nhà ở công
vụ và cam đoan chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về thuê, sử dụng nhà ở
công vụ (Số thành viên trong gia đình ở cùng là:người).

Kèm theo đơn này là bản sao Quyết định số ngày ../../... của
..... về việc bổ nhiệm hoặc/và điều động, luân chuyển công tác.

Tôi cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và chịu trách nhiệm về những
lời khai của mình trước pháp luật./.

**Xác nhận của cơ quan quản lý người
đề nghị thuê nhà ở công vụ**
(*về thực trạng nhà ở tại địa phương nơi
đến công tác*)

....., ngày tháng năm.....
Người làm đơn
(*Ký và ghi rõ họ tên*)

6. Thủ tục cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước

6.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người có nhu cầu thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà
nước nộp 02 bộ hồ sơ theo quy định Mục **6.3a** tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và
trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm Hành chính tỉnh Bình
Dương, phường Hoà Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) nơi có
nhà ở hoặc tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện nơi
có nhà ở.

Bước 2: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra và phân loại
hồ sơ; nếu hồ sơ không có đủ các giấy tờ theo quy định thì phải trả lời ngay để
người nộp đơn bổ sung giấy tờ. Trường hợp UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ

thì sau khi kiểm tra và phân loại hồ sơ, đơn vị này phải có báo cáo danh sách người đủ điều kiện thuê, thuê mua nhà ở kèm theo hồ sơ hợp lệ gửi Sở Xây dựng xem xét, kiểm tra;

Bước 3: Trên cơ sở danh sách người đủ điều kiện thuê, thuê mua nhà ở kèm theo hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng trực tiếp xét duyệt hoặc thành lập Hội đồng xét duyệt hồ sơ để thực hiện xét duyệt từng hồ sơ đăng ký, xác định đối tượng đủ điều kiện hoặc chấm điểm xét chọn đối tượng ưu tiên (nếu có);

Bước 4: Trường hợp đủ điều kiện hoặc được ưu tiên xét duyệt thuê, thuê mua nhà ở thì Sở Xây dựng có Tờ trình kèm theo danh sách và biên bản xét duyệt hoặc biên bản chấm điểm báo cáo UBND cấp tỉnh quyết định; trường hợp không đủ điều kiện hoặc chưa được xét duyệt thì Sở Xây dựng có văn bản thông báo cho UBND cấp huyện để trả lời cho người nộp đơn biết;

Bước 5: Trên cơ sở báo cáo của Sở Xây dựng, UBND cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định phê duyệt danh sách người được thuê, thuê mua nhà ở và gửi quyết định này cho Sở Xây dựng để ký hợp đồng thuê mua với người được thuê mua hoặc gửi cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở để ký hợp đồng thuê nhà với người được thuê nhà ở.

6.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

6.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.
- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng và có đủ điều kiện về nhà ở, cư trú, thu nhập.
- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở xã hội (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ lưu tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ và 01 bộ chuyển cho Sở Xây dựng (nếu UBND cấp huyện là cơ quan tiếp nhận hồ sơ) hoặc 01 bộ chuyển cho UBND cấp huyện (nếu Sở Xây dựng là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

6.4. Thời hạn giải quyết: không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày UBND cấp huyện nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp phải xét duyệt, tổ chức chấm điểm thì thời hạn giải quyết là không quá 60 ngày làm việc.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng, UBND cấp huyện, đơn vị quản lý vận hành nhà ở.

- **6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt danh sách người được thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.

6.8. Lệ phí: Không.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu đề nghị thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD;

- Mẫu xác nhận đối tượng, thực trạng về nhà ở theo phụ lục số 13, 14, 15, 16 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD;

- Mẫu kê khai về thu nhập theo phụ lục số 17, 18 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối tượng được thuê, thuê mua nhà ở bao gồm:

(1) Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; (2) Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị; (3) Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; (4) Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; (5) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; (6) Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ; (7) Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở đáp ứng các điều kiện sau:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại nơi sinh sống, trường hợp đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình thì phải có diện tích bình quân trong hộ gia đình dưới 10m² sàn/người;

- Phải có đăng ký thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có nhà ở xã hội; trường hợp không có đăng ký thường trú thì phải có đăng ký tạm trú từ một năm trở lên tại tỉnh, thành phố này,

- Đối với các đối tượng (2), (3), (4), (5) nêu trên thì phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; trường hợp là hộ nghèo, cận nghèo thì phải thuộc diện nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.
- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Mẫu đơn đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước

*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 09 thông tư số 19/2016/ TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI
THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

Hình thức đăng ký¹ Thuê ? Thuê mua ?

Kính gửi²:

Họ và tên người viết đơn:.....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số.....
cấp ngày...../...../.....tại.

Nghề nghiệp³:.....

Nơi làm việc⁴:.....

Nơi ở hiện tại:.....

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số.....tại:.....

Thuộc đối tượng⁵:.....

Số thành viên trong hộ gia đình⁶người, bao gồm:

1. Họ và tên:CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

2. Họ và tên:CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

3. Họ và tên:CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

4.. ..

¹ Đánh dấu vào ô mà người viết đơn có nhu cầu mua, thuê, thuê mua nhà ở.

² Ghi tên cơ quan quản lý nhà ở xã hội hoặc đơn vị quản lý vận hành nhà ở xã hội.

³ Nếu đang làm việc tại cơ quan, tổ chức thì ghi rõ nghề nghiệp, nếu là lao động tự do thì ghi là lao động tự do, nếu đã nghỉ hưu thì ghi đã nghỉ hưu....

⁴ Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

⁵ Ghi rõ người viết đơn thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (ví dụ như là cán bộ công chức, viên chức).

⁶ Ghi rõ số lượng thành viên trong hộ gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn.

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào (*không áp dụng đối với trường hợp tái định cư và trường hợp trả lại nhà ở công vụ*).

Tình trạng nhà ở của hộ gia đình hiện nay như sau⁷: (có Giấy xác nhận về thực trạng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân kèm theo đơn này).

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình ☐
- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người ☐
- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung – tường, mái) ☐
- Đã có đất ở nhưng diện tích khuôn viên đất ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh. ☐
- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải toả khi Nhà nước thu hồi đất ☐
- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác. ☐
- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ, hiện nay chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ ☐
- Khó khăn về nhà ở khác⁸ (ghi rõ nội dung)..... ☐

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết 01 căn hộ (căn nhà) theo hình thức..... tại dự án:.....

+ Mong muốn được giải quyết căn hộ (căn nhà) số.....

+ Diện tích sàn sử dụng căn hộ.....m² (đối với nhà chung cư);

+ Diện tích sàn xây dựng.....m² (đối với nhà liền kề);

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết⁹nhà ở xã hội. Tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội./.

....., ngày thángnăm

.....

Người viết đơn

ký và ghi rõ họ tên)

⁷ Người viết đơn đánh dấu vào ô phù hợp với hiện trạng thực tế nhà ở của hộ gia đình.

⁸ Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu

⁹ Ghi rõ nhu cầu mua, thuê, thuê mua

**Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở để đăng ký thuê,
thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước đối với đối tượng quy
định tại khoản 1 Điều 49 Luật Nhà ở 2014**

*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 13 thông tư số 19/2016/TT -
BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ
Ở ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ
HỮU NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp xã

¹.....

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

.....

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số.....cấp

ngày...../...../.....tại.....

Nơi ở hiện tại:

.....

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)

số.....tại:.....

Là đối tượng có công với cách mạng (bản sao có chứng thực hoặc bản sao
từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy tờ chứng minh về đối tượng
kèm theo)

Thực trạng về nhà ở hiện nay như sau²:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình ☐
- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người ☐
- Có nhà ở nhưng đã bị hư hỏng khung, tường, mái nhà và diện tích
khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc
diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh ☐
- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung – tường, mái) ☐
- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải toả khi Nhà nước thu hồi đất ☐
- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ ☐

điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác.

- Khó khăn về nhà ở khác³ (ghi rõ nội dung).....

¹ Ghi tên UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

² Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 1 trong 6 ô cho phù hợp.

³ Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu.

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..... Ngày..... tháng..... năm

.....

Người đề nghị xác nhận
Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND cấp xã⁴về:

1. Ông/Bà là đối tượng có công với cách mạng

2. Về tình trạng nhà ở hiện tại của hộ gia đình:.....

3. Ông/Bà chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở của Nhà nước

(ký tên, đóng dấu)

⁴ UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm t

**Mẫu giấy xác nhận đối tượng, thực trạng nhà ở và điều kiện về thu nhập
đối với các đối tượng được quy định tại khoản 4, 5, 6, 7 Điều 49**

Luật Nhà ở 2014

*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 14 Thông tư số 19/2016/TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG, THỰC TRẠNG NHÀ Ở VÀ
ĐIỀU KIỆN THU NHẬP ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ
HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

Kính gửi¹:

.....

Họ và tên người đề

nghi:.....

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số.....cấp

ngày...../...../.....tại.....

Nghề nghiệp.

.....

Nơi làm việc²:

Nơi ở hiện

tại:.....

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại³:

.....

.....

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú).....nơi

cấp..... Số thành viên trong hộ gia đình.....người.

Thuộc đối

tượng⁴:.....

.....

...

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình tôi như sau⁵:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình



- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người ☐
- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung – tường, mái) ☐

¹ Gửi Cơ quan, đơn vị của người đề nghị xác nhận (nếu hộ gia đình có 02 người trở lên là đối tượng thuộc 02 cơ quan, tổ chức thì phải gửi đề nghị đến các cơ quan, tổ chức để được xác nhận). Trường hợp người đề nghị xác nhận đã nghỉ việc hoặc hành nghề tự do thì UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên chỉ xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở, không phải xác nhận về điều kiện thu nhập.

² Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

³ Ghi địa chỉ theo sổ hộ khẩu thường trú hoặc ghi địa chỉ nơi đăng ký tạm trú của người đề nghị.

⁴ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định (ví dụ như là cán bộ công chức, viên chức).

⁵ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 1 trong 6 ô cho phù hợp.

- Có nhà ở nhưng bị hư hỏng khung, tường và mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh. ☐
- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải toả khi Nhà nước thu hồi đất ☐
- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác. ☐
- Khó khăn về nhà ở khác⁶ (ghi rõ nội dung).....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi và hộ gia đình của tôi hiện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày thángnăm

.....

Người viết đơn

(ký và ghi rõ họ
tên)

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc lãnh đạo UBND cấp xã⁷ của Người đề nghị

1. Ông/Bà thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở

2. Về tình trạng nhà ở hiện tại của hộ gia đình⁸:.....

3. Là đối tượng không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên

(ký tên, đóng dấu)

⁶ Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu.

⁷ Trường hợp người đề nghị xác nhận đã nghỉ việc hoặc hành nghề tự do thì UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên chỉ xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở, không phải xác nhận về điều kiện thu nhập.

⁸ Cơ quan phải xác nhận rõ thực trạng của nhà ở là thuộc 1 trong 7 nội dung khó khăn về nhà ở mà người đề nghị xác nhận đã khai.

Mẫu giấy xác nhận đối tượng và thực trạng về nhà ở đối với đối tượng được quy định tại khoản 8 Điều 49 Luật Nhà ở 2014
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 15 Thông tư số 19/2016/TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Kính gửi¹:

..... Họ và tên

người đề nghị xác nhận:

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)
số.....cấp

ngày...../...../.....tại.....

Nghề nghiệp:

.....

Chức vụ:

.....

Nơi làm việc²:

.....

Nơi ở hiện tại³..

.....

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại:.....

.....

.....

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)..... nơi cấp.....

.....

Số thành viên trong hộ gia đình.....người.

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình tôi như sau:

- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ

tại⁴

- Hiện tại chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày thángnăm

.....

Người đề nghị xác nhận

(ký và ghi rõ họ tên)

¹ Gửi Cơ quan, đơn vị nơi người đề nghị xác nhận đang làm việc hoặc làm việc trước khi nghỉ hưu và cơ quan, đơn vị quản lý nhà ở công vụ của người đề nghị.

² Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

³ Nơi cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

⁴ Ghi rõ địa chỉ nhà ở công vụ đã trả.

1. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan nơi đang làm việc/trước khi nghỉ hưu: Ông/bà chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi đã trả lại nhà ở công vụ	2. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhà ở công vụ của người đề nghị: Ông/bà đã trả lại nhà ở công vụ
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu giấy xác nhận của UBND cấp huyện nơi đối tượng có nhà, đất bị
thu hồi quy định tại Khoản 10 Điều 49 Luật Nhà ở 2014**
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 16 Thông tư số 19/2016/TT-
BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VỀ
VIỆC CHƯA ĐƯỢC NHÀ NƯỚC BỒI THƯỜNG ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ,
THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

Kính gửi¹:

Họ và tên người đề nghị được xác nhận²:

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)
số.....cấp

ngày...../...../.....tại.....

Nơi ở hiện
tại:.....

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)

số.....tại:..... Tình trạng nhà ở hiện nay của
hộ gia đình tôi như sau³:

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải toả khi Nhà nước thu hồi đất ☐

- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều
kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác. ☐

Tôi (hoặc hộ gia đình) có nhà, đất bị thu hồi tại địa

chỉ..... chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở,
đất ở tái định cư.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày thángnăm

Người đề nghị xác nhận

(ký và ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyệnvề việc Người bị
thu hồi nhà, đất chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở hoặc đất ở
tái định cư**

(ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nhà, đất bị thu hồi.

² Tên người đề nghị xác nhận đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội.

³ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 1 trong 2 ô cho phù hợp.

**Mẫu giấy xác nhận về điều kiện thu nhập đối với các đối tượng được quy
định tại Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở 2014**
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 17 Thông tư số 19/2016/TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY KÊ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP¹

Họ và tên người kê khai:

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)
số.....cấp
ngày...../...../.....tại.....

Nơi ở hiện tại²:

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại³:

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)..... nơi
cấp..... Số thành viên trong hộ gia đình⁴.....người,
bao gồm:

1. Họ và tên:CMND
số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....
.....

2. Họ và tên:CMND
số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....
.....

3. Họ và tên:CMND
số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....
.....

4. Họ và tên:CMND
số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

..... 5. Thuộc đối

tượng⁵:.....

¹ Mẫu này chỉ áp dụng đối với trường hợp người kê khai đã được xác nhận về đối tượng và điều kiện để được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội trước ngày Thông tư 19/2016/TT-BXD có hiệu lực thi hành nhưng chưa có xác nhận về điều kiện thu nhập.

² Ghi địa chỉ nơi người kê khai đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

³ Ghi địa chỉ theo sổ hộ khẩu thường trú hoặc ghi địa chỉ nơi đăng ký tạm trú của người kê khai.

⁴ Ghi rõ số lượng thành viên trong hộ gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người kê khai.

⁵ Ghi rõ người kê khai thuộc đối tượng theo quy định được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (ví dụ như là công chức, viên chức...).

Hộ gia đình của tôi có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày thángnăm

.....

Người kê khai
(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi Người đề nghị đang làm việc Ông/Bà là đối tượng không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu giấy tự kê khai về điều kiện thu nhập đối với các đối tượng được quy định tại khoản 4 và khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở 2014 (trường hợp đã được nghỉ việc, nghỉ chế độ)

(Ban hành kèm theo Phụ lục số 18 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

MẪU GIẤY TỰ KHAI³⁸ VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP

Họ và tên người kê khai:.....

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số.....cấp ngày...../...../.....tại.....

Nơi ở hiện tại³⁹:.....

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại⁴⁰:.....

.....

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)..... nơi cấp.....

Số thành viên trong hộ gia đình⁴¹.....người, bao gồm:

1. Họ và tên:.....CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

2. Họ và tên:.....CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

³⁸ Trong trường hợp cần thiết Sở Xây dựng liên hệ với Cục thuế địa phương để xác minh.

³⁹ Ghi địa chỉ nơi người kê khai đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

⁴⁰ Ghi địa chỉ theo sổ hộ khẩu thường trú của người kê khai hoặc ghi địa chỉ nơi đăng ký tạm trú.

⁴¹ Ghi rõ số lượng thành viên trong hộ gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người kê khai.

3. Họ và tên:.....CMND số.....là:.....

Nghề nghiệp.....Tên cơ quan (đơn vị).....

4.....

Thuộc đối tượng⁴²:.....

.....

Hộ gia đình của tôi có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Người kê khai
ký, ghi rõ họ tên)

⁴² Ghi rõ người kê khai thuộc đối tượng theo quy định được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (ví dụ như là công chức, viên chức...).

7. Thủ tục cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước

7.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sinh viên có nhu cầu thuê nhà ở nộp đơn đề nghị thuê nhà theo mẫu hướng dẫn tham khảo tại phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD kèm theo bản sao giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có) theo một trong các hình thức sau đây:

- Nộp tại cơ sở giáo dục, đào tạo đang theo học; cơ sở giáo dục, đào tạo có trách nhiệm tiếp nhận đơn, kiểm tra, lập danh sách sinh viên và gửi cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên xem xét, quyết định;

- Nộp tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên sau khi có xác nhận của cơ sở giáo dục, đào tạo để được xem xét, quyết định.

Bước 2: Trên cơ sở danh sách sinh viên nộp đơn đề nghị thuê nhà ở, đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên có trách nhiệm kiểm tra và căn cứ vào số lượng nhà ở hiện có để quyết định đối tượng sinh viên được thuê theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP;

Bước 3: Trường hợp sinh viên không đủ điều kiện thuê nhà ở hoặc cơ sở giáo dục, đào tạo hoặc đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên không có đủ nhà ở cho sinh viên thuê thì có trách nhiệm thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho sinh viên biết.

7.2. Cách thức thực hiện: nộp hồ sơ tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc tại cơ sở giáo dục đào tạo nơi sinh viên theo học.

7.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên.
- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết: không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: học sinh, sinh viên theo học tại các cơ sở giáo dục đào tạo.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Hợp đồng thuê nhà ở sinh viên.

7.8. Lệ phí: Không.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên theo mẫu hướng dẫn tại phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng;

- Hợp đồng thuê nhà ở sinh viên theo mẫu hướng dẫn tại phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Là học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục đào tạo.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

Mẫu đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 10 Thông tư số 19/2016/TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THUÊ NHÀ Ở SINH VIÊN

Kính gửi¹:

.....

Họ và tên người đăng ký:.

.....

Số thẻ sinh viên hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân
số.....cấp

ngày...../...../.....tại.....

Hiện Tôi đang học tập tại cơ sở đào

tạo:.....

Địa chỉ của cơ sở đào tạo:..

.....

Niên khóa học:.....

.....

Tôi làm đơn này đề nghị²:.....xét duyệt cho Tôi được thuê nhà ở

tại..... trong thời gian

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày thángnăm

.....

Người viết đơn

ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Thủ trưởng cơ sở đào tạo của Người đề nghị
(ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi Cơ sở đào tạo nơi người đăng ký thuê nhà ở sinh viên đang học tập.

² Ghi tên cơ sở đào tạo

Mẫu Hợp đồng thuê nhà ở
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 20 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày
30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

MẪU HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ Ở⁴⁵

Số...../HĐ

Căn cứ Bộ Luật dân sự;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ đơn đề nghị thuê nhà ở của Ông Bà)..... đề ngày..... tháng..... năm.....

Căn cứ⁴⁶

Hai bên chúng tôi gồm:

BÊN CHO THUÊ NHÀ Ở (sau đây gọi tắt là Bên cho thuê):

- Tên đơn vị:.....
- Người đại diện theo pháp luật:.....
- Địa chỉ liên hệ:.....
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Điện thoại:.....Fax (nếu có):.....

⁴⁵ Ghi rõ là nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước hoặc nhà ở phục vụ tái định cư hoặc nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

⁴⁶ Các căn cứ liên quan đến việc thuê nhà ở....

- Số tài khoản:.....tại Ngân hàng:.....

- Mã số thuế:.....

BÊN THUÊ NHÀ Ở (sau đây gọi tắt là Bên thuê):

- Ông (bà):.....là đại diện cho các thành viên cùng thuê nhà ở có tên trong phụ lục A đính kèm theo Hợp đồng này⁴⁷.

- Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân).....cấp ngày...../...../....., tại.....

- Hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú.....

- Địa chỉ liên hệ:.....

- Điện thoại:.....

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng thuê nhà ở với các nội dung sau đây:

Điều 1. Thông tin về nhà ở cho thuê

1. Loại nhà ở (*căn hộ chung cư hoặc nhà ở riêng lẻ*):.....

2. Địa chỉ nhà ở:.....

3. Diện tích sử dụng.....m² (đối với căn hộ chung cư là diện tích thông thủy)

4. Các thông tin về phần sở hữu riêng, phần sở hữu chung, phần sử dụng riêng, phần sử dụng chung (nếu là căn hộ chung cư):
.....

5. Các trang thiết bị chủ yếu gắn liền với nhà ở:.....

6. Đặc điểm về đất xây dựng:.....

(Trường hợp là nhà ở cũ thì ghi rõ diện tích chính, diện tích phụ, diện tích tự xây dựng thêm nếu có); trường hợp nhà ở xã hội cho sinh viên thuê thì ghi thêm phần trang thiết bị gắn liền với căn hộ đó như giường tầng, quạt máy, bình nước...), ghi rõ ràng diện tích sinh hoạt chung như nhà văn hóa, nhà thể thao mà sinh viên được sử dụng có thu phí hoặc không thu phí).

Điều 2. Giá thuê nhà ở, phương thức và thời hạn thanh toán

⁴⁷ Các thành viên có tên trong Hợp đồng thuê nhà ở phải có văn bản thống nhất cử người đại diện ký Hợp đồng thuê nhà ở này.

1. Giá thuê nhà ở là.....đồng/01 tháng (I)

(Bằng chữ:.....).

Căn cứ vào quy định pháp luật về nhà ở áp dụng đối với từng loại nhà ở (nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư hoặc nhà ở cũ) để ghi rõ trong Hợp đồng giá thuê nhà ở có bao gồm hoặc không bao gồm các chi phí như chi phí bảo trì, chi phí thu hồi vốn đầu tư xây dựng, quản lý vận hành....

Giá thuê nhà ở sẽ được điều chỉnh khi Nhà nước có thay đổi về khung giá hoặc giá thuê (nếu có). Bên cho thuê có trách nhiệm thông báo giá thuê mới cho Bên thuê trước khi áp dụng ít nhất là 01 tháng.

2. Số tiền thuê nhà được miễn, giảm là.....đồng/tháng (II)

Bằng chữ:.....đồng/tháng)

Bên cho thuê phải ghi rõ căn cứ pháp luật để miễn, giảm tiền thuê nhà ở⁴⁸.

3. Số tiền thuê Bên thuê phải trả hàng tháng là:

(I) - (II) =đồng/tháng

(Bằng chữ:.....đồng/tháng)

4. Phương thức thanh toán: Bên thuê có trách nhiệm trả bằng (ghi rõ là trả bằng tiền mặt Việt Nam đồng hoặc chuyển khoản)⁴⁹:.....

5. Thời hạn thanh toán: Bên thuê trả tiền thuê nhà ở vào ngày..... hàng tháng.

6. Chi phí sử dụng điện, nước, điện thoại và các dịch vụ khác do Bên thuê thanh toán cho bên cung cấp dịch vụ. Các chi phí này không tính vào giá thuê nhà ở quy định tại khoản 1 Điều này và Bên thuê thanh toán theo thời hạn thỏa thuận với bên cung cấp dịch vụ.

Điều 3. Thời điểm giao nhận nhà ở và thời hạn cho thuê nhà ở

1. Thời điểm giao nhận nhà ở: ngày.....tháng..... năm.....

2. Thời hạn cho thuê nhà ở là tháng (năm), kể từ ngày.....tháng..... năm.....

⁴⁸ Trong trường hợp đối tượng được miễn, giảm tiền thuê thì ghi rõ số tiền và Điều, khoản áp dụng của Nghị định 99/2015/NĐ-CP và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Việc miễn, giảm tiền thuê chỉ áp dụng với nhà ở cũ, nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.

⁴⁹ Hai bên thỏa thuận rõ phương thức và địa chỉ nộp tiền thuê nhà ở

Trước khi hết thời hạn Hợp đồng 03 tháng, nếu Bên thuê có nhu cầu tiếp tục thuê nhà ở thì có đơn đề nghị Bên cho thuê ký gia hạn Hợp đồng thuê nhà ở. Căn cứ vào đơn đề nghị, Bên cho thuê có trách nhiệm xem xét, đối chiếu quy định của pháp luật về đối tượng, điều kiện được thuê nhà ở để thông báo cho Bên thuê biết ký gia hạn Hợp đồng thuê theo phụ lục B đính kèm theo Hợp đồng thuê này; nếu Bên thuê không còn thuộc đối tượng, đủ điều kiện được thuê nhà ở tại địa chỉ quy định tại khoản 2 Điều 1 của Hợp đồng này hoặc không còn nhu cầu thuê tiếp thì hai bên chấm dứt Hợp đồng thuê và Bên thuê phải bàn giao lại nhà ở cho Bên cho thuê trong thời hạn quy định tại Hợp đồng này

3. Đối với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước thì phải ghi rõ vào khoản này thời điểm nhà ở được bố trí sử dụng theo quy định của pháp luật nhà ở.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên cho thuê

1. Quyền của Bên cho thuê:

- a) Yêu cầu Bên thuê sử dụng nhà ở đúng mục đích và thực hiện đúng các quy định về quản lý sử dụng nhà ở cho thuê;
- b) Yêu cầu Bên thuê trả đủ tiền nhà theo đúng thời hạn đã cam kết và các chi phí khác cho bên cung cấp dịch vụ (nếu có);
- c) Yêu cầu Bên thuê có trách nhiệm sửa chữa các hư hỏng và bồi thường thiệt hại do lỗi của Bên thuê gây ra;
- d) Thu hồi nhà ở trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng thuê nhà theo quy định tại Điều 6 của hợp đồng này hoặc khi nhà ở thuê thuộc diện bị thu hồi theo quy định của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP;
- đ) Các quyền khác theo thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ của Bên cho thuê:

- a) Giao nhà cho Bên thuê đúng thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng này;
- b) Phổ biến, hướng dẫn cho Bên thuê biết quy định về quản lý sử dụng nhà ở;
- c) Bảo trì, quản lý vận hành nhà ở cho thuê theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng nhà ở;
- d) Thông báo cho Bên thuê những thay đổi về giá thuê, phí dịch vụ quản lý vận hành trước khi áp dụng ít nhất là 01 tháng;

- đ) Làm thủ tục ký gia hạn Hợp đồng thuê nếu Bên thuê vẫn đủ điều kiện được thuê nhà ở và có nhu cầu tiếp tục thuê nhà ở;
- e) Chấp hành các quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong việc quản lý, xử lý nhà ở cho thuê và giải quyết các tranh chấp liên quan đến hợp đồng này;
- g) Thông báo cho Bên thuê biết rõ thời gian thực hiện thu hồi nhà ở trong trường hợp nhà ở thuê thuộc diện bị thu hồi;
- h) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên thuê

1. Quyền của Bên thuê:

- a) Nhận nhà ở theo đúng thỏa thuận nêu tại khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng này;
- b) Yêu cầu Bên cho thuê sửa chữa kịp thời những hư hỏng của nhà ở mà không phải do lỗi của mình gây ra;
- c) Được tiếp tục ký gia hạn hợp đồng thuê nếu hết hạn Hợp đồng mà vẫn thuộc đối tượng, đủ điều kiện được thuê nhà ở và có nhu cầu thuê tiếp;
- d) Các quyền khác theo thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ của Bên thuê:

- a) Trả đủ tiền thuê nhà theo đúng thời hạn đã cam kết;
- b) Thanh toán đầy đủ đúng hạn chi phí quản lý vận hành nhà ở và các chi phí khác cho bên cung cấp dịch vụ trong quá trình sử dụng nhà ở cho thuê;
- c) Sử dụng nhà thuê đúng mục đích; giữ gìn nhà ở, có trách nhiệm sửa chữa những hư hỏng và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra;
- d) Không được tự ý sửa chữa, cải tạo, xây dựng lại nhà ở thuê; chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý sử dụng nhà ở, các quyết định của cơ quan có thẩm quyền về quản lý, xử lý nhà ở và giải quyết tranh chấp liên quan đến hợp đồng này;
- đ) Không được chuyển nhượng Hợp đồng thuê nhà hoặc cho người khác sử dụng nhà thuê dưới bất kỳ hình thức nào;
- e) Chấp hành các quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường và an ninh trật tự trong khu vực cư trú;

g) Giao lại nhà cho Bên cho thuê trong các trường hợp chấm dứt Hợp đồng quy định tại Điều 6 của hợp đồng này hoặc trong trường hợp nhà ở thuê thuộc diện bị thu hồi trong thời hạn ngày, kể từ ngày Bên thuê nhận được thông báo của Bên cho thuê;

h) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận.

Điều 6. Chấm dứt Hợp đồng thuê nhà ở

Việc chấm dứt Hợp đồng thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Khi hai bên cùng nhất trí chấm dứt Hợp đồng thuê nhà ở;
2. Khi Bên thuê không còn thuộc đối tượng, điều kiện được tiếp tục thuê nhà ở hoặc không có nhu cầu thuê tiếp;
3. Khi Bên thuê nhà chết mà khi chết không có ai trong hộ gia đình đang cùng sinh sống;
4. Khi Bên thuê không trả tiền thuê nhà liên tục trong ba tháng mà không có lý do chính đáng;
5. Khi Bên thuê tự ý sửa chữa, đục phá kết cấu, cải tạo hoặc coi nới nhà ở thuê;
6. Khi Bên thuê tự ý chuyển quyền thuê cho người khác hoặc cho người khác sử dụng nhà ở thuê;
7. Khi nhà ở thuê bị hư hỏng nặng có nguy cơ sập đổ và Bên thuê phải di chuyển ra khỏi chỗ ở theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà ở thuê nằm trong khu vực đã có quyết định thu hồi đất, giải phóng mặt bằng hoặc có quyết định phá dỡ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
8. Khi một trong các bên đơn phương chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận của Hợp đồng này (nếu có) hoặc theo quy định pháp luật.

Điều 7. Trách nhiệm của các bên do vi phạm Hợp đồng

Hai bên thỏa thuận cụ thể về các trường hợp vi phạm Hợp đồng và trách nhiệm của mỗi bên trong trường hợp vi phạm.

Điều 8. Cam kết của các bên và giải quyết tranh chấp

1. Hai bên cùng cam kết thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh những vấn đề mới thì hai bên

thỏa thuận lập phụ lục Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng này có giá trị pháp lý như hợp đồng chính.

2. Trường hợp các bên có tranh chấp về các nội dung của Hợp đồng này thì hai bên cùng bàn bạc giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp các bên không thương lượng được thì có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Các cam kết khác.

Điều 9. Các thỏa thuận khác

(Các thỏa thuận trong Hợp đồng này phải phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội).

1.....

2.....

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày.....

2. Hợp đồng này được lập thành 03 bản và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và 01 bản gửi cơ quan quản lý nhà ở để theo dõi, quản lý./.

BÊN THUÊ NHÀ Ở
(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN CHO THUÊ NHÀ Ở
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ của người ký)

Phụ lục A

Tên các thành viên trong Hợp đồng thuê nhà ở số.....ngày.../.../.....bao gồm

STT	Họ và tên thành viên trong Hợp đồng thuê nhà ở	Mối quan hệ với Người đại diện đứng tên ký Hợp đồng thuê nhà ở	Ghi chú
1	Nguyễn Văn A Số CMND:.....	Đứng tên ký hợp đồng thuê nhà ở	

2	Nguyễn Thị B Số CMND:.....	Vợ	
3	Nguyễn Văn C Số CMND:.....	Con đẻ	
....			

Ghi chú: Chỉ ghi tên các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên. Phụ lục này được đóng dấu xác nhận của Bên cho thuê nhà ở.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục B: Gia hạn Hợp đồng thuê nhà ở

Hôm nay, ngàytháng.....nămHai bên chúng tôi thống nhất ký kết phụ lục gia hạn Hợp đồng thuê nhà ở theo Hợp đồng thuê nhà số.....ký ngày/.....với các nội dung sau đây:

1. Họ và tên Người tiếp tục được thuê nhà ở:

- Họ và tên¹:.....CMND
số.....là:.....

- Họ và tên:..... CMND
số.....là:.....

- Họ và tên:..... CMND
số.....là:.....

- Họ và tên:..... CMND
số.....là:.....

.....

2. Giá thuê nhà ở:

Giá thuê nhà ở² là.....Việt Nam đồng/tháng
(*Bằng chữ:.....Việt Nam đồng/tháng*).

Giá thuê nhà ở này được tính từ ngàytháng.....năm....

3. Thời hạn thuê nhà ở:

Thời hạn thuê nhà ở là.....tháng (năm), kể từ ngày
...../...../.....

(Trường hợp thuê nhà ở phục vụ tái định cư, người thuê có nhu cầu thuê tiếp thì được gia hạn Hợp đồng trong thời hạn không quá 03 năm).

4. Cam kết các Bên:

a) Các nội dung khác trong Hợp đồng thuê nhà số.....ký ngày...../...../..... vẫn có giá trị pháp lý đối với hai bên khi thực hiện thuê nhà ở theo thời hạn quy định tại phụ lục gia hạn Hợp đồng này.

b) Các thành viên có tên trong phụ lục gia hạn Hợp đồng thuê nhà ở này cùng với Bên cho thuê tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã quy định tại Hợp đồng thuê nhà ở số.....ký ngày...../...../.....

c) Phụ lục này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng thuê nhà ở số.....và có hiệu lực pháp lý như Hợp đồng này;

d) Phụ lục gia hạn Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản và 01 bản gửi cho cơ quan quản lý nhà ở để theo dõi, quản lý./.

BÊN THUÊ NHÀ Ở

(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN CHO THUÊ NHÀ Ở

*(Ký, ghi chức vụ của người ký và
đóng dấu)*

¹ Ghi họ tên thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên được tiếp tục thuê nhà ở và mối quan hệ với người đứng tên Hợp đồng thuê nhà ở hoặc người đại diện ký gia hạn Hợp đồng (nếu có thay đổi người đứng tên Hợp đồng)

² Đã bao gồm kinh phí bảo trì nhà ở.

8. Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Trình tự, thủ tục thuê nhà ở cũ đối với trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 57 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP được thực hiện như sau:

Bước 1: Người đề nghị thuê nhà ở lập 02 bộ hồ sơ theo quy định Mục **8.3a** nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nhà ở.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, viết giấy biên nhận hồ sơ; trường hợp người nộp đơn không thuộc đối tượng được thuê nhà ở cũ thì phải có văn bản thông báo cho người nộp hồ sơ biết rõ lý do; nếu hồ sơ còn thiếu giấy tờ thì phải hướng dẫn ngay để người nộp hồ sơ bổ sung giấy tờ;

Bước 3: Trên cơ sở hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận, UBND cấp huyện chuyển hồ sơ cho Sở Xây dựng để kiểm tra, lập tờ trình kèm theo dự thảo quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở cũ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

Bước 4: Căn cứ vào đề nghị của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở, sau đó gửi quyết định này cho Sở Xây dựng để thông báo cho UBND cấp huyện hoặc đơn vị quản lý vận hành nhà ở thực hiện ký kết hợp đồng thuê nhà ở. Trường hợp nhà ở cũ do Bộ Quốc phòng đang quản lý mà giao thẩm quyền quyết định đối tượng được thuê nhà ở cho Ủy ban nhân dân tỉnh thì Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở;

Bước 5: Sau khi có quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở cũ, đơn vị quản lý vận hành nhà ở thực hiện ký kết hợp đồng với người thuê nhà ở.

b) Trình tự, thủ tục ký hợp đồng thuê nhà ở đối với trường hợp quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều 57 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP được thực hiện như sau:

Bước 1: Trường hợp người đang sử dụng nhà ở nhận chuyển quyền

thuê nhà ở trước ngày 06 tháng 6 năm 2013, là ngày Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước có hiệu lực thi hành (sau đây gọi chung là Nghị định số 34/2013/NĐ-CP) thì người đề nghị thuê nhà ở lập 02 bộ hồ sơ theo quy định Mục **8.3a** nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nhà ở;

Bước 2: Sau khi tiếp nhận hồ sơ, UBND cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, nếu hồ sơ hợp lệ thì đăng tải 03 lần liên tục thông tin về nhà ở cho thuê trên báo của địa phương và trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị mình.

Bước 3: Sau 30 ngày, kể từ ngày đăng tin lần cuối, nếu không có tranh chấp, khiếu kiện về nhà ở cho thuê thì UBND cấp huyện hoặc đơn vị quản lý vận hành nhà ở thực hiện ký hợp đồng với người thuê và báo cáo Sở Xây dựng biết để theo dõi, quản lý; nếu có tranh chấp, khiếu kiện về nhà ở này thì chỉ thực hiện ký hợp đồng thuê sau khi đã giải quyết xong tranh chấp, khiếu kiện;

*c) Trường hợp người đang sử dụng nhà ở là người nhận chuyển quyền thuê nhà ở từ ngày 06 tháng 6 năm 2013 thì người đề nghị thuê nhà ở lập 02 bộ hồ sơ theo quy định Mục **8.3a** nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nhà ở.*

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, UBND cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra và báo cáo Sở Xây dựng xem xét để có văn bản đồng ý việc chuyển nhượng quyền thuê trước khi thực hiện ký kết hợp đồng; trường hợp Sở Xây dựng không đồng ý thì phải có văn bản trả lời rõ lý do cho người đề nghị thuê nhà ở biết.

8.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

8.3 Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ;
- Giấy tờ chứng minh việc sử dụng nhà ở;
- Bản sao Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đang còn giá trị hoặc Thẻ quân nhân của người có đơn đề nghị thuê nhà ở; trường hợp là vợ chồng phải có thêm bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy đăng ký kết hôn;
- Bản sao giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết: không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người thuê nhà ở cũ.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng, UBND cấp huyện, đơn vị quản lý vận hành nhà ở.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đối tượng được thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

8.8. Lệ phí: Không

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước theo mẫu hướng dẫn tại phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối tượng được thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước là người đang thực tế sử dụng nhà ở và có nhu cầu tiếp tục thuê nhà ở, không chiếm dụng nhà ở trái pháp luật, bao gồm các đối tượng được bố trí sử dụng nhà ở từ trước ngày 27/11/1992 và các đối tượng sau:

- Người được phân phối thuê nhà ở đối với nhà ở được cơ quan có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước từ trước ngày 27/11/1992 nhưng từ ngày 27/11/1992 mới hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng.

- Người đang thuê nhà ở trước ngày 27/11/1992 nhưng thuộc diện phải điều chuyển công tác và Nhà nước yêu cầu phải trả lại nhà ở đang thuê, sau đó được cơ quan nhà nước bố trí cho thuê nhà ở khác sau ngày 27/11/1992.

- Người được bố trí sử dụng nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 27/11/1992 đến trước ngày 05/7/1994.

- Người được bố trí sử dụng nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 05/7/1994 đến trước ngày 19/01/2007.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh về việc chuyển giao quỹ nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn thị xã Dĩ An từ Công ty cổ phần Xây dựng Tư vấn đầu tư Bình Dương và Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công cộng Bình Dương sang cho Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An quản lý;

- Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh về việc chuyển giao quỹ nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước từ Công ty cổ phần Xây dựng Tư vấn đầu tư Bình Dương sang cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quản lý;

- Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 16/02/2016 của UBND tỉnh về việc chuyển giao quỹ nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn thị xã Thuận An từ Công ty cổ phần Xây dựng Tư vấn đầu tư Bình Dương và Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công cộng Bình Dương sang cho Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An quản lý.

Mẫu đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 11 Thông tư số 19/2016/TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CŨ THUỘC SỞ HỮU NHÀ
NƯỚC**

Kính gửi¹:.....

Họ và tên người đề nghị² là:.....

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số..... cấp ngày...../...../.....tại.

.....

Nơi

ở

hiện

tại:.....

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)
số.....tại:.....

.....

..

Số thành viên trong hộ gia đình³.....người, bao gồm:

1. Họ và tên:CMND số.....là:.....

2. Họ và tên:CMND số.....là:.....

3. Họ và tên:CMND số.....là:.....

4. Họ và tên:CMND số.....là:.....

5..

.....

.....

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết cho thuê nhà ở tại địa chỉ

số⁴

Kèm theo đơn này là các giấy tờ liên quan đến nhà ở như sau⁵:

1.....

....

2.....

...

3.....

...

.....

...

Tôi xin chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước. Tôi cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

Tôi cam kết nhà ở đang sử dụng không có tranh chấp, khiếu kiện./.

Các thành viên trong hộ gia đình

ký, ghi rõ họ tên

....., ngày thángnăm

Người viết đơn

(ký và ghi rõ họ tên)

¹ Ghi tên đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc cơ quan quản lý nhà ở.

² Ghi tên người đại diện các thành viên trong hộ gia đình đề nghị thuê nhà ở

³ Ghi rõ số lượng thành viên trong hộ gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn.

⁴ Ghi rõ địa chỉ nhà ở mà người đang sử dụng nhà đề nghị được ký hợp đồng thuê

⁵ Ghi rõ Quyết định hoặc văn bản phân phối, bố trí nhà ở hoặc hợp đồng thuê nhà; giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm tiền thuê nhà ở (nếu có).

9. Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

9.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người mua nhà ở lập 01 bộ hồ sơ đề nghị mua nhà theo quy định Mục **9.3a** nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nhà ở.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận, ghi giấy biên nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và lập danh sách người mua nhà ở.

Bước 3: Trên cơ sở hồ sơ đề nghị mua nhà ở cũ, UBND cấp huyện có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến Sở Xây dựng để tổ chức họp Hội đồng xác định giá bán nhà ở để xác định giá bán nhà ở, quyền sử dụng đất. Sau khi Hội đồng xác định giá bán nhà ở xác định giá bán nhà ở, quyền sử dụng đất, Sở Xây dựng lập danh sách đối tượng được mua nhà ở kèm theo văn bản xác định giá bán nhà ở của Hội đồng xác định giá bán nhà ở trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Đối với nhà ở do Bộ Quốc phòng đang quản lý thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị Hội đồng xác định giá bán nhà ở họp để xác định giá; sau đó trình Bộ Quốc phòng ban hành quyết định bán nhà ở cũ;

Bước 4: Căn cứ vào báo cáo của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định bán nhà ở cũ, trong đó nêu rõ đối tượng được mua nhà ở, địa chỉ nhà ở được bán, giá bán nhà ở cũ và giá chuyển quyền sử dụng đất và gửi quyết định này cho UBND cấp huyện biết để phối hợp thực hiện ký kết hợp đồng mua bán nhà ở;

Bước 5: Sau khi nhận quyết định bán nhà ở cũ, UBND cấp huyện hoặc đơn vị quản lý vận hành nhà ở thông báo cho người mua nhà biết thời gian cụ thể để ký kết hợp đồng mua bán nhà ở.

9.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

9.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị mua nhà ở cũ;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đang còn giá trị hoặc Thẻ quân nhân của người đề nghị mua nhà ở; trường hợp là vợ chồng thì phải có thêm bản sao có chứng thực hộ khẩu gia đình hoặc Giấy đăng ký kết hôn;
- Hợp đồng thuê nhà ở được lập hợp pháp; giấy tờ chứng minh đã nộp đủ tiền thuê nhà ở và chi phí quản lý vận hành nhà ở đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mua nhà ở.
- Trường hợp người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra

nước ngoài thì phải có văn bản ủy quyền (có xác nhận của cơ quan công chứng hoặc chứng thực theo quy định) cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở; nếu có thành viên có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã chết thì phải có giấy chứng tử kèm theo.

- Trong trường hợp có thành viên thuê nhà ở khước từ quyền mua và đứng tên trong Giấy chứng nhận thì phải có văn bản khước từ quyền mua, không đứng tên trong Giấy chứng nhận và cam kết không có tranh chấp, khiếu kiện về việc mua bán nhà ở này;

- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền mua nhà ở (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan hành chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người đang thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng; UBND cấp huyện; đơn vị quản lý vận hành nhà ở.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đối tượng được mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

9.8. Lệ phí: Không.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đơn đề nghị mua bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước theo phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Yêu cầu, điều kiện 1:

- Người đề nghị mua nhà ở cũ phải thuộc các đối tượng được bố trí nhà ở (như mục 8.10 Thủ tục thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước).

b) Yêu cầu, điều kiện 2:

- Người mua nhà ở cũ có hợp đồng thuê và có tên trong hợp đồng thuê nhà ở này, trường hợp có nhiều thành viên cùng đứng tên trong hợp đồng thì các thành viên này phải thỏa thuận cử người đại diện đứng tên để ký hợp đồng mua nhà ở với cơ quan quản lý nhà ở;

- Đã đóng tiền thuê nhà đầy đủ theo quy định trong hợp đồng thuê nhà ở và đóng đầy đủ các chi phí quản lý vận hành nhà ở tính đến thời điểm ký

hợp đồng mua bán nhà ở;

- Phải có đơn đề nghị mua nhà ở cũ;
- Nhà ở không thuộc phải không thuộc diện đang có tranh chấp, khiếu kiện.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;
- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.
- Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh về việc chuyển giao quỹ nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn thị xã Dĩ An từ Công ty cổ phần Xây dựng Tư vấn đầu tư Bình Dương và Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công cộng Bình Dương sang cho Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An quản lý;
- Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh về việc chuyển giao quỹ nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước từ Công ty cổ phần Xây dựng Tư vấn đầu tư Bình Dương sang cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quản lý;
- Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 16/02/2016 của UBND tỉnh về việc chuyển giao quỹ nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn thị xã Thuận An từ Công ty cổ phần Xây dựng Tư vấn đầu tư Bình Dương và Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công cộng Bình Dương sang cho Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An quản lý.

Mẫu đơn đề nghị mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
(Ban hành kèm theo Phụ lục số 12 Thông tư số 19/2016/TT-BXD
ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ MUA NHÀ Ở CŨ THUỘC SỞ HỮU NHÀ
NƯỚC**

Kính gửi¹:

.....
Họ và tên người đề nghị² là:.....
CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)
số..... cấp ngày...../...../.....tại.

.....
Nơi ở hiện

tại:.....

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)

số.....tại:..... Và vợ (chồng)

là³:..... CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn
cước công dân) số.....cấp ngày...../...../.....tại.....

Hộ khẩu thường trú tại:.....

.....

.....

..

Tôi làm đơn này đề nghị(ghi tên cơ quan quản lý nhà ở) giải quyết cho tôi mua nhà ở tại địa chỉ.....

- Hợp đồng thuê nhà ở số.....ký ngày...../...../.....
với

diện tích cụ thể sau:

- Tổng diện tích nhà ở đang sử dụng:.....m², trong đó:

+ Diện tích theo hợp đồng thuê nhà: DT nhà.....m²; DT đất.....m²

+ Diện tích nằm ngoài hợp đồng thuê nhà: DT

nhà.....m²; DT đấtm² (nếu có)

Diện tích nhà, đất ngoài hợp đồng này tôi đã sử dụng liên tục, ổn định và không có tranh chấp, khiếu kiện, hiện nay đã xây dựng, cải tạo sử dụng với hiện trạng:⁴

.....

Kèm theo đơn này là các giấy tờ liên quan như sau⁵:

1.....

...

2.....

...

3.....

...

¹ Ghi tên cơ quan quản lý nhà ở.

² Ghi tên người đại diện thay mặt các thành viên thuê nhà ở đứng tên ký kết hợp đồng mua bán nhà ở.

³ Ghi đầy đủ tên vợ, chồng (nếu có).

⁴ Ghi rõ thực trạng sử dụng của phần diện tích ngoài hợp đồng (như đã cải tạo, xây dựng thành nhà hai tầng....) (nếu có).

⁵ Ghi rõ bản sao giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân; bản sao có chứng thực hộ khẩu gia đình hoặc giấy đăng ký kết hôn; hợp đồng thuê nhà; giấy tờ chứng minh đã nộp đủ tiền thuê nhà; giấy tờ chứng minh đối tượng miễn, giảm tiền mua nhà....

Hộ gia đình tôi bao gồm các thành viên có tên trong hợp đồng thuê nhà ở từ đủ 18 tuổi trở lên) thống nhất cử ông (bà)....., CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân) số.....cấp ngày...../...../.....tại.....là đại diện các thành viên trong hộ gia đình để ký hợp đồng mua bán nhà ở. Sau khi hoàn thành thủ tục mua bán nhà ở, đề nghị cơ quan có thẩm quyền ghi tên các thành viên sau vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, bao gồm:

Ông (bà).....số
CMND.....là.....

Ông (bà).....số
CMND.....là.....

Ông (bà).....số
CMND.....là.....

.....
..

Tôi xin chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về mua bán nhà ở và cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.
(Ghi rõ kèm theo đơn này là bản vẽ sơ đồ, vị trí nhà ở, đất ở đề nghị mua)

Các thành viên trong hộ gia đình có tên trong hợp đồng thuê nhà ký và ghi rõ họ tên⁶	, ngày thángnăm Người viết đơn (ký và ghi rõ họ tên)
---	--

⁶ Trường hợp các thành viên trong gia đình có tên trong hợp đồng thuê nhà đã có văn bản thỏa thuận riêng về việc cử người đại diện ký hợp đồng mua bán nhà ở và danh sách những người được ghi tên vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thì không nhất thiết tất cả các thành viên trong gia đình phải ký tên vào đơn này.

Bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở kèm theo đơn đề nghị mua nhà ở cũ

Ví dụ 1: Trường hợp Người mua nhà ở chỉ có diện tích theo hợp đồng thuê nhà ở

Diện tích nhà ở theo hợp đồng

Xác nhận của Bên cho thuê nhà ở

(ký tên, đóng dấu)

Ví dụ 2: Trường hợp Người mua nhà ở có cả diện tích theo hợp đồng thuê và có diện tích nằm ngoài hợp đồng thuê

Sơ đồ	Sơ đồ
Diện tích nhà ở theo hợp đồng thuê	Diện tích nhà ở nằm ngoài hợp đồng thuê

Xác nhận của Bên cho thuê đối với diện tích theo hợp đồng thuê

Chữ ký của các hộ liên kết đối với diện tích nằm ngoài hợp đồng thuê nhà ở

Xác nhận của UBND cấp xã

.....
Diện tích nằm ngoài hợp đồng mà ông (bà).....

.....
đang sử dụng tại địa chỉ số.....

.....hiện
nay là không có tranh chấp, khiếu kiện trong
sử dụng nhà ở, đất ở, phù hợp với quy hoạch
xây dựng nhà ở đã được cơ quan có thẩm
quyền phê duyệt.

TM. UBND

(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Trong trường hợp người mua chỉ có diện tích nhà ở theo hợp đồng thuê nhà ở thì chỉ sử dụng bản vẽ sơ đồ nhà ở theo ví dụ 1 và chỉ cần có đóng dấu xác nhận của Bên cho thuê nhà ở.
- Trong trường hợp người mua có cả diện tích ngoài hợp đồng thuê nhà ở thì lập sơ đồ theo ví dụ 2, trong đó phải thể hiện rõ cả diện tích theo hợp đồng và diện tích ngoài hợp đồng. Bên cho thuê nhà ở đóng dấu xác nhận đối với diện tích theo hợp đồng; đối với diện tích ngoài hợp đồng thì có chữ ký xác nhận của các hộ liên kề và có xác nhận của UBND cấp xã nơi có nhà ở về diện tích nằm ngoài hợp đồng là không có tranh chấp, khiếu kiện.

IV. Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản

1. Thủ tục chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định đầu tư

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư lập 01 hồ sơ đề nghị chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần đối với dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở theo quy định Mục 1.3a nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định hồ sơ chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án, có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế và các cơ quan khác có liên quan (nếu có) trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Bước 4: Sau khi hoàn thành việc thẩm định, Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký ban hành quyết định cho phép chuyển nhượng. Trường hợp không đủ điều kiện cho phép chuyển nhượng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư chuyển nhượng biết rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan hành chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng;

- Hồ sơ dự án, phần dự án đề nghị cho bên chuyển nhượng bao gồm:

+ Văn bản cho phép đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao có chứng thực; hoặc bản sao có đối chiếu bản chính)

+ Quyết định phê duyệt dự án, quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng (bản sao có chứng thực; hoặc bản sao có đối chiếu bản chính)

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của toàn bộ hoặc phần dự án đề nghị chuyển nhượng (bản sao có chứng thực; hoặc bản sao có đối chiếu bản chính)

- Báo cáo quá trình thực hiện dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng đến thời điểm chuyển nhượng (Bản chính);

- Hồ sơ của chủ đầu tư bên nhận chuyển nhượng bao gồm:

+ Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề kinh doanh bất động sản hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có vốn điều lệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 3 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 (bản sao có chứng thực), trừ trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư (bản sao có chứng thực; hoặc bản sao có đối chiếu bản chính)

+ Văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai. Trường hợp chưa có văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai thì phải có văn bản xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán về mức vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất (năm nhận chuyển nhượng hoặc năm trước liền kề năm nhận chuyển nhượng) đối với doanh nghiệp đang hoạt động; đối với doanh nghiệp mới thành lập thì nếu số vốn là tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ thì phải được ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp đó mở tài khoản xác nhận về số dư tiền gửi của doanh nghiệp, nếu số vốn là tài sản thì phải có chứng thư của tổ chức có chức năng định giá hoặc thẩm định giá đang hoạt động tại Việt Nam về kết quả định giá, thẩm định giá tài sản của doanh nghiệp (bản sao có chứng thực; hoặc bản sao có đối chiếu bản chính)

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

1.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án (Doanh nghiệp Kinh doanh bất động sản).

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án bất động sản.

1.8. Phí, lệ phí: Không có

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ dự án và đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng một phần dự án (theo mẫu số 1 và 2 đính kèm theo thủ tục này).

- Báo cáo quá trình thực hiện dự án (theo mẫu số 3 đính kèm theo thủ tục này).

- Báo cáo quá trình thực hiện dự án và một phần dự án chuyển nhượng (theo mẫu số 4 đính kèm theo thủ tục này).

- Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án (theo mẫu số 5 đính kèm theo thủ tục này).

- Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng một phần dự án (theo mẫu số 6 đính kèm theo thủ tục này).

- Quyết định về chấp thuận chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án) (theo mẫu số 7 đính kèm theo thủ tục này).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Yêu cầu điều kiện 1:

Dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đã có quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

- Yêu cầu điều kiện 2:

Dự án, phần dự án chuyển nhượng đã hoàn thành xong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đối với trường hợp chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thì phải xây dựng xong các công trình hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ ghi trong dự án đã được phê duyệt.

- Yêu cầu điều kiện 3:

Dự án không có tranh chấp về quyền sử dụng đất, không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc để chấp hành quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Yêu cầu điều kiện 4:

Không có quyết định thu hồi dự án, thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trường hợp có vi phạm trong quá trình triển khai dự án thì chủ đầu tư phải chấp hành xong quyết định xử phạt.

- Yêu cầu điều kiện 5:

Chủ đầu tư chuyển nhượng đã có giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất hợp pháp đối với toàn bộ hoặc phần dự án chuyển nhượng.

- Yêu cầu điều kiện 6:

Chủ đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản phải là doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, có đủ năng lực tài chính và cam kết tiếp tục việc triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiến độ, nội dung dự án.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014.

- Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

Mẫu số 1

Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ dự án

(Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

- Tên Doanh

nh nghiệp:.....

- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

- Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

- Số điện thoại liên hệ:

Hiện đang là chủ đầu tư dự án:

Thuộc địa bàn xã.....huyện.....tỉnh.....

Đề nghị được chuyển nhượng toàn bộ dự án..... với các nội dung chính như sau:

I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN

1-Tên dự án:

2- Địa điểm:

3- Nội dung và quy mô dự án:

.....

4- Diện tích sử dụng đất:

5- Diện tích đất xây dựng:

6- Tổng mức đầu tư:

7- Nguồn vốn đầu tư:

8- Tóm tắt tình hình triển khai dự án:

.....

II. LÝ DO XIN CHUYỂN NHƯỢNG.....

III. ĐỀ XUẤT CHỦ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG LÀ: (Tên chủ đầu tư mới; Địa chỉ; Người đại diện; Năng lực tài chính; Kinh nghiệm)

IV. PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN.....

V. CAM KẾT

(Có báo cáo tình hình thực hiện dự án gửi kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

....., ngày tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 2

Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng một phần dự án

(Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

- Tên Doanh nghiệp:
 - Địa chỉ:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
 - Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
 - Số điện thoại liên hệ:
 Hiện đang là chủ đầu tư dự án:
 Thuộc địa bàn xã.....huyện.....tỉnh.....
 Đề nghị được chuyển nhượng một phần dự án với các nội dung chính như sau:

I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Địa điểm:
3. Nội dung và quy mô dự án:
4. Diện tích sử dụng đất của dự án:
5. Diện tích đất xây dựng:
6. Tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Tóm tắt tình hình triển khai dự án:

II. XIN PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN

1. Diện tích đất:
2. Vị trí khu đất:
3. Quy mô công trình:
4. Hiện trạng đang thực hiện:

III. LÝ DO XIN CHUYỂN

NHƯỢNG.....

IV. ĐỀ XUẤT CHỦ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG LÀ: (Tên chủ đầu tư mới; Địa chỉ; Người đại diện; Năng lực tài chính; Kinh nghiệm)

V. PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN:

**VI. CAM
KẾT**.....

(Có báo cáo tình hình thực hiện dự án gửi kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

....., ngày tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 3

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

Tên chủ đầu tư..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

1. Tên chủ đầu tư:

- Địa chỉ:
- Người đại diện.....
- Số điện thoại.....

2. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án.....
- Địa điểm dự án.....
- Quyết định phê duyệt dự án (Văn bản chấp thuận đầu tư, cho phép đầu tư).....
- Mục tiêu của dự án:
.....
- Tổng diện tích đất: Trong đó bao gồm:
- + Quy mô (diện tích đất, quy hoạch sử dụng đất, hệ số sử dụng đất...)
- + Các chỉ tiêu về xây dựng công trình (mật độ xây dựng, diện tích xây dựng, diện tích nhà ở, số lượng nhà ở....)
- + Tổng mức đầu tư (Nêu rõ cơ cấu nguồn vốn).....
- + Tổng tiến độ và tiến độ chi tiết của dự án.....
- + Các thông tin khác.....

3. Các văn bản hồ sơ pháp lý của dự án gồm:

4. Quá trình thực hiện dự án:

- Tình hình giải phóng mặt bằng.....
- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.....
- Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật.....
- Tình hình xây dựng nhà, công trình xây dựng.....
- Tiến độ thực hiện dự án.....
- Tình hình huy động vốn.....
- Tình hình bán nhà ở (hoặc tình hình kinh doanh BĐS).....
- Tình hình chuyển nhượng đất cho các nhà đầu tư cấp 2.....
- Các vấn đề khác
- 5. Các nội dung đã cam kết với khách hàng.....**
- 6. Các quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 4

**BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ
MỘT PHẦN DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

Tên chủ đầu
tư.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO
QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ MỘT PHẦN
DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

1. Tên chủ đầu tư:

- Địa chỉ.....
- Người đại diện.....
- Số điện thoại.....

2. Thông tin chung về dự án và phần dự án chuyển nhượng:

a) Thông tin về dự án

- Tên dự án.....
- Địa điểm dự án.....
- Quyết định phê duyệt dự án (Văn bản chấp thuận đầu tư, cho phép đầu tư..).....
- Mục tiêu của dự án:

- Tổng diện tích đất: Trong đó bao gồm:
- + Quy mô (diện tích đất, quy hoạch sử dụng đất, hệ số sử dụng đất,...)
- + Các chỉ tiêu về xây dựng công trình (mật độ xây dựng, diện tích xây dựng, diện tích nhà ở, số lượng nhà ở.....)
- + Tổng mức đầu tư (nêu rõ cơ cấu nguồn vốn).....
- + Tổng tiến độ và tiến độ chi tiết của dự án.....
- + Các thông tin khác.....

b) Thông tin về phần dự án chuyển nhượng

- Diện tích đất.....
- Quy mô công trình.....
- Tiến độ thực hiện, hiện trạng.....
- Hồ sơ pháp lý.....
- Các thông tin khác.....

3. Các văn bản hồ sơ pháp lý của dự án gồm:

4. Quá trình thực hiện dự án:

- Tình hình giải phóng mặt bằng.....
- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.....
- Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật.....
- Tình hình xây dựng nhà, công trình xây dựng.....
- Tiến độ thực hiện dự án
- Tình hình huy động vốn.....
- Tình hình bán nhà, bán đất (hoặc tình hình kinh doanh BĐS).....
- Tình hình chuyển nhượng đất cho các nhà đầu tư cấp 2.....
- Các vấn đề khác

5. Quá trình thực hiện của phần dự án chuyển nhượng:

- Tình hình giải phóng mặt bằng.....
- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.....
- Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật.....
- Tình hình xây dựng công trình, nhà ở.....
- Tiến độ thực hiện dự án.....

- Tình hình huy động vốn.....
- Tình hình kinh doanh bán nhà, (hoặc tình hình kinh doanh bất động sản).....
- Các vấn đề khác.....
- 6. Các nội dung đã cam kết với khách hàng.....**
- 7. Các quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 5

Đơn đề nghị nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án

(Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp xin nhận chuyển nhượng dự án

- Địa chỉ:
- Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp số:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
- Người đại diện theo pháp luật.....

2. Năng lực về tài chính (về vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn....)

3. Năng lực kinh nghiệm (các dự án tương tự đã và đang triển khai về quy mô, vốn đầu tư.....; số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư bất động sản...):.....

4. Đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án sau:

- Tên dự án:
.....
- Chủ đầu tư là:
.....
- Địa điểm:
.....
- Nội dung và quy mô dự án:
.....
- Diện tích sử dụng đất của dự án:
.....
- Diện tích đất xây dựng:
.....
- Tổng mức đầu tư:
.....

5. Cam kết: Nếu được cấp có thẩm quyền cho phép được nhận chuyển nhượng và làm chủ đầu tư dự án, Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện như sau:

- Về kế hoạch triển khai tiếp dự án.....
- Về tiến độ.....
- Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với khách hàng và các bên có liên quan

Nơi nhận: , ngày tháng năm
 - Như trên; **CHỦ ĐẦU TƯ MỚI**
 - Lưu. (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 6

Đơn đề nghị nhận chuyển nhượng một phần dự án

(Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp xin nhận chuyển nhượng một phần dự án

- Địa chỉ.....
- Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp số:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
- Người đại diện theo pháp luật:

2. Năng lực về tài chính (về vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn....)...

3. Năng lực kinh nghiệm (các dự án tương tự đã và đang triển khai về quy mô, vốn đầu tư...; số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư bất động sản...):

4. Đề nghị được nhận chuyển nhượng một phần dự án sau:

a) Thông tin chung về dự án:

- Tên dự án:
- Địa điểm:
- Nội dung và quy mô dự án:
- Diện tích sử dụng đất của dự án:
- Diện tích đất xây dựng:
- Tổng mức đầu tư:

b) Thông tin về phần dự án xin nhận chuyển nhượng:

- Vị trí khu đất:
- Quy mô công trình:
- Hiện trạng đang thực hiện:

5. Cam kết: Nếu được cấp có thẩm quyền cho phép được nhận chuyển nhượng một phần, Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện như sau:

- Về kế hoạch triển khai tiếp dự án.....
- Về tiến độ.....
- Tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với khách hàng và các bên có liên quan

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

....., ngày tháng.....năm

CHỦ ĐẦU TƯ MỚI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 7

QUYẾT ĐỊNH VỀ CHẤP THUẬN CHUYỂN NHƯỢNG DỰ ÁN (HOẶC MỘT PHẦN DỰ ÁN)

(Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH / THÀNH PHỐ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

....., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về chấp thuận chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án).....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....

Căn cứ;

Căn cứ;

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án)
.....từ công ty.....cho công ty.....với các nội dung
sau:

1. Quy mô và kết quả thực hiện của dự án xin chuyển nhượng:

a) Quy mô đầu tư xây dựng của toàn bộ dự án (theo Quyết định số.....)

- Quy mô sử dụng đất:

+ Tổng diện tích đất:

+ Diện tích đất xây dựng công trình:

+ Diện tích đất giao thông; công viên; cấp thoát nước....

+ Hệ số sử dụng

đất:.....

- Quy mô đầu tư xây dựng:

+ Tổng diện tích sàn xây dựng

+ Quy mô công trình:

+ Mật độ xây dựng:

- Tổng mức đầu tư của dự án:

- Nguồn vốn đầu tư

- Tiến độ thực hiện dự án:

b) Quy mô của phần dự án chuyển nhượng (*nếu là chuyển nhượng một phần dự án*)

c) Kết quả thực hiện dự án:

2. Bên chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án):

- Tên doanh nghiệp:

- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

3. Bên nhận chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án):

- Tên doanh nghiệp:

- Địa chỉ:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:.....

Điều 2. Chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận Quyết định này, Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng phải ký kết hợp đồng chuyển nhượng và hoàn thành việc bàn giao dự án (hoặc một phần dự án) theo quy định tại Điều 51 Luật Kinh doanh bất động sản và Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên chuyển nhượng (theo Khoản 1 Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản)

- Chuyển giao quyền và nghĩa vụ của mình đối với toàn bộ hoặc một phần dự án cho chủ đầu tư nhận chuyển nhượng để tiếp tục đầu tư xây dựng bất động sản để kinh doanh, trừ các quyền và nghĩa vụ đã thực hiện xong mà không liên quan đến chủ đầu tư nhận chuyển nhượng và việc tiếp tục triển khai dự án, phần dự án đó;

- Chuyển giao hồ sơ liên quan cho bên nhận chuyển nhượng; thông báo kịp thời, đầy đủ, công khai và giải quyết thỏa đáng quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và các bên liên quan tới dự án, phần dự án chuyển nhượng;

- Phối hợp với bên nhận chuyển nhượng làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Trường hợp chuyển nhượng một phần dự án bất động sản, bên chuyển nhượng có quyền yêu cầu bên nhận chuyển nhượng tiếp tục đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng trong phần dự án nhận chuyển nhượng theo đúng tiến độ và quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng của dự án; theo dõi và thông báo kịp thời với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm trong việc sử dụng đất, đầu tư xây dựng của bên nhận chuyển nhượng;

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Các quyền nghĩa vụ khác:.....

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng (theo Khoản 2 Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản)

- Kế thừa và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư chuyển nhượng đã chuyển giao theo quyết định phê duyệt dự án;

- Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh dự án theo đúng tiến độ, nội dung của dự án đã được phê duyệt;

- Trường hợp nhận chuyển nhượng một phần dự án bất động sản, bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của bên chuyển nhượng dự án về việc bảo đảm tiến độ, tuân thủ quy hoạch của dự án trong quá trình đầu tư xây dựng;

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư dự án theo quy định pháp luật

- Các nghĩa vụ khác:.....

Điều 5. Trách nhiệm của các Sở ngành có liên quan:.....

Điều 6. (Các cá nhân và cơ quan đơn vị có liên quan gồm.....) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

-;
- Lưu: VT,

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

2. Thủ tục cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ tịch Hội đồng thi (do Giám đốc Sở Xây dựng quyết định thành lập cho từng kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản) báo cáo Giám đốc Sở Xây dựng về quá trình tổ chức kỳ thi và phê duyệt kết quả thi theo đề nghị của đơn vị tổ chức kỳ thi.

Bước 2: Trên cơ sở báo cáo của Chủ tịch hội đồng thi và kết quả thi do Chủ tịch Hội đồng thi phê duyệt, Giám đốc Sở Xây dựng phê duyệt danh sách các cá nhân được cấp chứng chỉ.

Bước 3: Căn cứ quyết định phê duyệt danh sách các cá nhân được cấp chứng chỉ, đơn vị tổ chức kỳ thi sát hạch có trách nhiệm chuyển bản phô tô bài thi và hồ sơ của các cá nhân đó về Sở Xây dựng để cấp chứng chỉ.

Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức in và ký phát hành chứng chỉ. Sở Xây dựng có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ của người được cấp chứng chỉ trong thời hạn 10 năm kể từ ngày được cấp chứng chỉ.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ về tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi;

- 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài (hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu);

- 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học về đào tạo bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản (nếu có);

- Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp từ Trung học phổ thông (hoặc tương đương) trở lên;

- 02 ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi, 02 phong bì có dán tem ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ người nhận;

- Bản sao và bản dịch có chứng thực chứng chỉ do nước ngoài cấp (đối với người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do nước ngoài cấp đang còn giá trị);

- Kết quả bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100); phần kiến thức chuyên môn đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100).

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ).

2.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản và Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

2.8. Phí, lệ phí: 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (theo mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT -BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

- Mẫu Quyết định về việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (theo mẫu tại phụ lục 3a ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT -BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

- Mẫu chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (theo mẫu tại phụ lục 4a ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Yêu cầu điều kiện 1:

- + Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Yêu cầu điều kiện 2:

- + Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có trình độ từ Trung học phổ thông trở lên.

- Yêu cầu điều kiện 3:

- + Đã nộp hồ sơ đăng ký dự thi và kinh phí dự thi cho đơn vị tổ chức kỳ thi.

- Yêu cầu điều kiện 4:

- + Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100); phần kiến thức chuyên môn đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100);

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014;

- Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.

Mẫu đơn xin cấp chứng chỉ môi giới

*(Ban hành kèm theo Phụ lục 1 Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015
của Bộ Xây dựng)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(ảnh 4x6)

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN**

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Họ và tên:
 2. Ngày, tháng, năm sinh:
 3. Nơi sinh:
 4. Quốc tịch:
 5. Số chứng minh thư (hoặc Hộ chiếu):
 6. Địa chỉ thường trú:
 7. Trình độ chuyên môn:
- Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp: (tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên)
-

Tôi xin đăng ký dự thi sát hạch để được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Mẫu Quyết định của Sở Xây dựng cấp chứng chỉ
hành nghề môi giới bất động sản**

*(Ban hành kèm theo Phụ lục 3a Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015
của Bộ Xây dựng)*

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ - SXD

Bình Dương, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản cho các cá nhân đã đủ điều kiện cấp chứng chỉ tại kỳ thi sát hạch dotổ chức ngày tháng năm (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chủ tịch Hội đồng thi và cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

Mẫu chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản

(Ban hành kèm theo Phụ lục 4a Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng)

125mm	← 85mm →				
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 60%; padding: 5px; vertical-align: top;"> TÊN CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN Số chứng chỉ: </td> <td style="width: 40%; padding: 5px; vertical-align: top;"> Số chứng chỉ: Ảnh 4x6cm của người được cấp chứng chỉ (đồng dấu nổi của cơ quan cấp chứng chỉ) Thông tin cá nhân của người được cấp chứng chỉ: Số CMND (hoặc hộ chiếu): Ngày cấp CMND: Nơi cấp: Quốc tịch: </td> </tr> <tr> <td style="text-align: center; padding: 5px;"> Số chứng chỉ: Trang bìa 1 (màu nâu đỏ) </td> <td style="text-align: center; padding: 5px;"> Trang 2 (màu trắng) </td> </tr> </table>	TÊN CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN Số chứng chỉ:	Số chứng chỉ: Ảnh 4x6cm của người được cấp chứng chỉ (đồng dấu nổi của cơ quan cấp chứng chỉ) Thông tin cá nhân của người được cấp chứng chỉ: Số CMND (hoặc hộ chiếu): Ngày cấp CMND: Nơi cấp: Quốc tịch:	Số chứng chỉ: Trang bìa 1 (màu nâu đỏ)	Trang 2 (màu trắng)
TÊN CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN Số chứng chỉ:	Số chứng chỉ: Ảnh 4x6cm của người được cấp chứng chỉ (đồng dấu nổi của cơ quan cấp chứng chỉ) Thông tin cá nhân của người được cấp chứng chỉ: Số CMND (hoặc hộ chiếu): Ngày cấp CMND: Nơi cấp: Quốc tịch:				
Số chứng chỉ: Trang bìa 1 (màu nâu đỏ)	Trang 2 (màu trắng)				
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 60%; padding: 5px; vertical-align: top;"> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc Thủ trưởng cơ quan cấp chứng chỉ - Cấp cho ông/bà: - Sinh ngày: - Nơi sinh: Được hành nghề môi giới bất động sản trong phạm vi cả nước. Chứng chỉ này có thời hạn 5 (năm) năm kể từ ngày cấp. , ngày.....tháng.....năm..... THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ <i>(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)</i> </td> <td style="width: 40%;"></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center; padding: 5px;"> Trang 3 (màu trắng) </td> <td style="text-align: center; padding: 5px;"> Trang 4 (màu nâu đỏ) </td> </tr> </table>	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc Thủ trưởng cơ quan cấp chứng chỉ - Cấp cho ông/bà: - Sinh ngày: - Nơi sinh: Được hành nghề môi giới bất động sản trong phạm vi cả nước. Chứng chỉ này có thời hạn 5 (năm) năm kể từ ngày cấp. , ngày.....tháng.....năm..... THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ <i>(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)</i>		Trang 3 (màu trắng)	Trang 4 (màu nâu đỏ)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc Thủ trưởng cơ quan cấp chứng chỉ - Cấp cho ông/bà: - Sinh ngày: - Nơi sinh: Được hành nghề môi giới bất động sản trong phạm vi cả nước. Chứng chỉ này có thời hạn 5 (năm) năm kể từ ngày cấp. , ngày.....tháng.....năm..... THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ <i>(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)</i>					
Trang 3 (màu trắng)	Trang 4 (màu nâu đỏ)				

3. Thủ tục cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị huỷ hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả

kháng hoặc cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn)

*** Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng**

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân xin cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (*chứng chỉ được Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp*), do chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản, bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác lập hồ sơ theo quy định Mục **3.3a** nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận;

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng đã cấp chứng chỉ có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ và cấp lại chứng chỉ (ghi rõ cấp lại vào chứng chỉ).

3.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan hành chính.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin cấp lại chứng chỉ có dán ảnh;
- 02 ảnh cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;
- Chứng chỉ cũ (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

3.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (Ghi rõ cấp lại).

3.8. Phí, lệ phí: 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn xin cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (theo mẫu tại phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

- Mẫu chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (ghi rõ cấp lại) (theo mẫu tại phụ lục 4b ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Yêu cầu điều kiện: Đã được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản nhưng bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác thì được cấp lại chứng chỉ.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014.

- Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.

*** Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn)**

3.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cá nhân có chứng chỉ hết hạn, hoặc gần hết hạn nếu muốn cấp lại chứng chỉ lập hồ sơ theo quy định Mục **3.3a** nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và phải thi sát hạch theo quy định sau:

+ Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp, cá nhân chỉ phải thi phần kiến thức cơ sở theo quy

định tại Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng để được cấp lại chứng chỉ, số chứng chỉ theo số cũ, chứng chỉ ghi rõ trên trang 01 là cấp lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba;

+ Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản không do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp thì phải thực hiện thủ tục thi sát hạch như cấp chứng chỉ mới nhưng chỉ phải thi phần kiến thức cơ sở theo quy định tại Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng.

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận;

Bước 3: Sở Xây dựng tổ chức thi sát hạch phần kiến thức cơ sở theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng.

Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức in và ký phát hành chứng chỉ (ghi rõ cấp lần thứ hai, lần thứ ba...)

3.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan hành chính.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi (theo mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng);

- 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài (hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu);

- 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học về đào tạo bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản (nếu có);

- Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp từ Trung học phổ thông (hoặc tương đương) trở lên;

- 02 ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi, 02 phong bì có dán tem ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ người nhận;

- Bản sao và bản dịch có chứng thực chứng chỉ do nước ngoài cấp (đối với người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do nước ngoài cấp đang còn giá trị);

- Chứng chỉ cũ (bản gốc) đối với trường hợp đã hết hạn, hoặc bản sao có chứng thực đối với trường hợp chứng chỉ chưa hết hạn.

- Kết quả bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100).

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ), trong đó 01 bộ lưu tại đơn vị tổ chức kỳ thi, 01 bộ gửi về Sở Xây dựng để cấp chứng chỉ.

3.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản ghi rõ cấp lại lần một, lần hai, lần ba.

3.8. Phí, lệ phí: 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi (theo mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

- Mẫu chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (ghi rõ cấp lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba) (theo mẫu tại phụ lục 4c ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Yêu cầu điều kiện 1:

- + Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Yêu cầu điều kiện 2:

- + Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có trình độ từ Trung học phổ thông trở lên.

- Yêu cầu điều kiện 3:
+ Đã nộp hồ sơ đăng ký dự thi và kinh phí dự thi cho đơn vị tổ chức kỳ thi.

- Yêu cầu điều kiện 4:
+ Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100).

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014.
- Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.

Mẫu đơn xin cấp lại chứng chỉ môi giới

*(Ban hành kèm theo Phụ lục 5 Thông tư số 11/2015/TT-BXD
ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(ảnh 4x6)

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN XIN CẤP LẠI CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Số chứng minh thư hoặc Hộ chiếu:.....cấp ngày.....
Nơi cấp:.....
4. Đăng ký thường trú tại:.....

5. Nơi ở hiện nay:.....

6. Đơn vị công tác:.....

7. Điện thoại:.....

8. Lý do đề nghị cấp lại:

Tôi đã được cấp Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản số....ngày....tháng....năm.....

Người làm đơn nêu rõ nguyên nhân cấp lại chứng chỉ.....

Tôi làm đơn này kính đề nghị Sở Xây dựng cấp lại Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

Tôi xin gửi kèm theo:

- 02 ảnh 4x6 (cm);

- Chứng chỉ cũ (nếu có);

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày...tháng...năm...

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN
(cấp lại, cấp đổi)

(Phụ lục 4b ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015)

12,5mm	← 85mm → <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; padding: 5px; vertical-align: top;"> TÊN CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN (Cấp lại) Số chứng chỉ: </td> <td style="width: 50%; padding: 5px; vertical-align: top;"> Số chứng chỉ: Ảnh 4x6cm của người được cấp chứng chỉ (đồng dấu nổi của cơ quan cấp chứng chỉ) Thông tin cá nhân của người được cấp chứng chỉ: Số CMND (hoặc hộ chiếu): Ngày cấp CMND: Nơi cấp: Quốc tịch: </td> </tr> </table>	TÊN CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN (Cấp lại) Số chứng chỉ:	Số chứng chỉ: Ảnh 4x6cm của người được cấp chứng chỉ (đồng dấu nổi của cơ quan cấp chứng chỉ) Thông tin cá nhân của người được cấp chứng chỉ: Số CMND (hoặc hộ chiếu): Ngày cấp CMND: Nơi cấp: Quốc tịch:
TÊN CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN (Cấp lại) Số chứng chỉ:	Số chứng chỉ: Ảnh 4x6cm của người được cấp chứng chỉ (đồng dấu nổi của cơ quan cấp chứng chỉ) Thông tin cá nhân của người được cấp chứng chỉ: Số CMND (hoặc hộ chiếu): Ngày cấp CMND: Nơi cấp: Quốc tịch:		
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; padding: 2px;">Trang bìa 1 (màu nâu đỏ)</td> <td style="width: 50%; padding: 2px;">Trang 2 (màu trắng)</td> </tr> </table>	Trang bìa 1 (màu nâu đỏ)	Trang 2 (màu trắng)
Trang bìa 1 (màu nâu đỏ)	Trang 2 (màu trắng)		
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; padding: 5px; vertical-align: top;"> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc Thủ trưởng cơ quan cấp chứng chỉ - Cấp cho ông/bà: - Sinh ngày: - Nơi sinh: Được hành nghề môi giới bất động sản trong phạm vi cả nước. Chứng chỉ này có thời hạn 5 (năm) năm kể từ ngày ...(*) , ngày.....tháng.....năm..... THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) </td> <td style="width: 50%;"></td> </tr> </table>	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc Thủ trưởng cơ quan cấp chứng chỉ - Cấp cho ông/bà: - Sinh ngày: - Nơi sinh: Được hành nghề môi giới bất động sản trong phạm vi cả nước. Chứng chỉ này có thời hạn 5 (năm) năm kể từ ngày ...(*) , ngày.....tháng.....năm..... THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc Thủ trưởng cơ quan cấp chứng chỉ - Cấp cho ông/bà: - Sinh ngày: - Nơi sinh: Được hành nghề môi giới bất động sản trong phạm vi cả nước. Chứng chỉ này có thời hạn 5 (năm) năm kể từ ngày ...(*) , ngày.....tháng.....năm..... THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)			
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; padding: 2px;">Trang 3 (màu trắng)</td> <td style="width: 50%; padding: 2px;">Trang 4 (màu nâu đỏ)</td> </tr> </table>	Trang 3 (màu trắng)	Trang 4 (màu nâu đỏ)
Trang 3 (màu trắng)	Trang 4 (màu nâu đỏ)		

Ghi chú: Số chứng chỉ ghi theo địa phương (ví dụ: HN-0001, HCM-0001).

() Chứng chỉ cấp lại, cấp đổi có thời hạn 5 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ cũ.*

MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN
(cấp khi hết hạn)

(Phụ lục 4c ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015)

125mm	TÊN CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN (Cấp lần thứ hai)	Số chứng chỉ: Ảnh 4x6cm của người được cấp chứng chỉ (đóng dấu nổi của cơ quan cấp chứng chỉ) Thông tin cá nhân của người được cấp chứng chỉ: Số CMND (hoặc hộ chiếu): Ngày cấp CMND: Nơi cấp: Quốc tịch:
	Số chứng chỉ:	Trang bìa 1 (màu nâu đỏ) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc Thủ trưởng cơ quan cấp chứng chỉ - Cấp cho ông/bà: - Sinh ngày: - Nơi sinh: Được hành nghề môi giới bất động sản trong phạm vi cả nước. Chứng chỉ này có thời hạn 5 (năm) năm kể từ ngày cấp. ngày.....tháng.....năm..... THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ <i>(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)</i>
Trang 3 (màu trắng)	Trang 4 (màu nâu đỏ)	

V. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng

V.1. Thủ tục hành chính về thẩm định dự án, thiết kế, dự toán

1. Thủ tục thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh

1.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định gửi 01 bộ hồ sơ theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để người đề nghị thẩm định hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định. Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, Sở Xây dựng có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.

Bước 4: Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn và ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm B và 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

1.2. Cách thức thực hiện

Người đề nghị thẩm định nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (*theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*)

- Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán đầu tư;

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền;

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (*nếu có*);

- Dự án đầu tư xây dựng công trình do chủ đầu tư lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập: bản chính;

- Thuyết minh và bản vẽ thiết kế cơ sở có tên và chữ ký của chủ đầu tư và người chủ trì thiết kế, chữ ký và dấu của đơn vị tư vấn thiết kế: bản chính;

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

- Hồ sơ năng lực của đơn vị khảo sát, chứng chỉ hành nghề khảo sát: bản sao công chứng;

- Hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn lập dự án, các chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng đủ năng lực như kiến trúc, kết cấu, giao thông, điện - nước: bản sao công chứng.

- Bản Khai kinh nghiệm công tác chuyên môn trong hoạt động xây dựng (*Theo quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016*).

- Các tài liệu, văn bản có liên quan (*nếu có*) như:

+ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (*quy hoạch tỷ lệ 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha*) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án (*nếu dự án phải lập quy hoạch chi tiết*);

+ Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền;

+ Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không;

+ Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng trong trường hợp thẩm định dự án/dự án điều chỉnh; hồ sơ thiết kế cơ sở (thuyết minh và bản vẽ) trong trường hợp thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh;

- Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết:

Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau:

- *Đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh:*

+ Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B;

+ Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C.

- *Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh:*

+ Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm B;

+ Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đề nghị thẩm định.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Tùy theo từng loại hồ sơ, cơ quan ra thông báo kết quả thẩm định dự án sẽ gửi lấy ý kiến các ngành có liên quan như: Giao thông, đất đai, môi trường, cấp – thoát nước, điện, viễn thông, vv...

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo kết quả thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh quy định tại Mẫu số 02, Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

1.8. Phí, lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu Tờ trình Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;
- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.
- Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công thương quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt về dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ.

PHỤ LỤC II

MẪU TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, THIẾT KẾ CƠ SỞ CÔNG TRÌNH
(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ)

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình:
4. Người quyết định đầu tư:
5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);
- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);
- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;
- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;
- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);
- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;
- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

Tên người đại diện

Mẫu số 04

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp, quy mô công trình:
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
4. Địa điểm xây dựng:
5. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
6. Nguồn vốn đầu tư:
7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
9. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);
- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
- Và các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;
- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);
- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

2. Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước):

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người đề nghị thẩm định gửi 01 bộ hồ sơ theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để người đề nghị thẩm định hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định. Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, Sở Xây dựng có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.

Bước 4: Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có văn bản yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức có năng lực phù hợp theo quy định để ký hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 10 (mười) ngày đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

2.2. Cách thức thực hiện:

Người đề nghị thẩm định nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh (theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP)

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (bao gồm thuyết minh và bản vẽ); có tên và chữ ký của chủ đầu tư và người chủ trì thiết kế, chữ ký và dấu của đơn vị tư vấn thiết kế: bản chính;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách. có tên và chữ ký của chủ đầu tư và người chủ trì thiết kế, chữ ký và dấu của đơn vị tư vấn thiết kế: bản chính;

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;
- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập thiết kế xây dựng công trình - dự toán xây dựng công trình;
- Hồ sơ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng công trình; chứng chỉ hành nghề hoạt động của chủ nhiệm khảo sát: bản sao công chứng;
- Hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn lập lập thiết kế xây dựng công trình, các chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng đủ năng lực như kiến trúc, kết cấu, giao thông, điện - nước (bản sao công chứng);
- Bản Khai kinh nghiệm công tác chuyên môn trong hoạt động xây dựng *(Theo quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016)*;
- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);
- Nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt;
- Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
- Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ (hồ sơ gốc).

2.4. Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ: Không quá 20 ngày.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đề nghị thẩm định.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Tùy theo từng loại hồ sơ, cơ quan ra thông báo kết quả thẩm định dự án sẽ gửi lấy ý kiến các ngành có liên quan như: Giao thông, đất đai, môi trường, cấp – thoát nước, điện, viễn thông, vv...

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

2.8. Lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

- Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016.

- Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;
- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

- Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công thương quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt về dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ.

Mẫu số 04

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp, quy mô công trình:
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
4. Địa điểm xây dựng:
5. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
6. Nguồn vốn đầu tư:
7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
9. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
- Và các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;
- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);
- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

Mẫu số 02

MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TỔNG HỢP VỀ CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH DỰ ÁN VÀ THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CỦA SỞ XÂY DỰNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

UBND TỈNH/ THÀNH PHỐ...
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Bộ Xây dựng.

(Tên Sở xây dựng địa phương) gửi báo cáo định kỳ tổng hợp số liệu về công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình đã thực hiện thẩm định trên địa bàn tỉnh/thành phố ... đến Bộ xây dựng tổng hợp.

Loại nguồn vốn:

Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (2)	Dự án						Thiết kế cơ sở		Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (nếu có) (Báo cáo cáo kinh tế - kỹ thuật)					
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi (3)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)				Tổng số TKCS thẩm định	Số TKCS phải sửa đổi (4)	Tổng số đã thẩm định	Số phải sửa đổi (3)	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)			
			Trình thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %					Trước thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %
Sở Xây dựng														
Sở Giao thông vận tải														
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn														
Sở Công thương														

Trong đó:

- Tổng mức đầu tư của dự án sau thẩm định có tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất: +....%; -...%.

- Dự toán sau thẩm định của công trình có tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất: +....%; -...%.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.

Ghi chú:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(1) Bảng mẫu tổng hợp trên được áp dụng cho tổng hợp số liệu theo từng loại nguồn vốn riêng biệt: Vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác

(2): Phòng chuyên môn thuộc Quận, Huyện có trách nhiệm phân loại công trình theo chuyên ngành báo cáo Sở Xây dựng để tổng hợp; các Sở chuyên ngành có trách nhiệm gửi số liệu báo cáo định kỳ về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo.

(3): Số dự án trong quá trình thẩm định phải sửa đổi để đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng.

(4): Số thiết kế cơ sở của dự án trong quá trình thẩm định phải sửa đổi để bảo đảm tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng.

(5): Tổng số thiết kế xây dựng công trình phải sửa đổi để đảm bảo an toàn chịu lực.

- Tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất được tính cho một dự án, một công trình.

Mẫu số 03

Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN VỊ THẨM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm.....

V/v báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự
toán xây dựng công trình

**KẾT QUẢ THẨM TRA
THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Công trình:

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định, Thông tư khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc ...;

Các căn cứ khác có liên quan.

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình: ... Loại, cấp công trình: ...
- Thuộc dự án đầu tư: ...
- Chủ đầu tư: ...
- Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...
- Nguồn vốn:...
- Địa Điểm xây dựng:...
- Đơn vị khảo sát xây dựng: ...
- Đơn vị thiết kế, lập dự toán xây dựng: ...

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)

2. Danh Mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:

3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của các hạng Mục công trình)

3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng công trình

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi Tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).
2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.
3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:
 - a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;

b) Các cơ sở để xác định các Khoản Mục chi phí;

c) Về đơn giá áp dụng cho công trình;

d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm Tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).

4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;

b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:

- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.

- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận.

5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

7. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các Khoản Mục chi phí khác trong dự toán công trình;

c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm tra	Giá trị sau thẩm tra	Tăng, giảm (+;-)
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí thiết bị (nếu có)			
3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			
5	Chi phí khác			
6	Chi phí dự phòng			
	Tổng cộng			

(có phụ lục chi Tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đủ Điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

-

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐƠN VỊ THẨM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

3. Thủ tục thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (đối với công trình thực hiện thiết kế 3 bước), hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (đối với công trình thực hiện thiết kế 2 bước) theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để người đề nghị thẩm định hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định. Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, Sở Xây dựng có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.

Bước 4: Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có văn bản yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức có năng lực phù hợp theo quy định để ký hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; 10 ngày đối với các công trình còn lại. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm cơ sở thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

3.2. Cách thức thực hiện:

Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

3.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (*theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*);
- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) (bao gồm thuyết minh và bản vẽ); có tên và chữ ký của chủ đầu tư và người chủ trì thiết kế, chữ ký và dấu của đơn vị tư vấn thiết kế: bản chính;
- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách. có tên và chữ ký của chủ đầu tư và người chủ trì thiết kế, chữ ký và dấu của đơn vị tư vấn thiết kế: bản chính;
- Hồ sơ khảo sát xây dựng;
- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập thiết kế xây dựng công trình - dự toán xây dựng công trình;

- Hồ sơ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng công trình; chứng chỉ hành nghề hoạt động của chủ nhiệm khảo sát: bản sao công chứng;

- Hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn lập thiết kế xây dựng công trình, các chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng đủ năng lực như kiến trúc, kết cấu, giao thông, điện - nước: bản sao công chứng.

- Bản Khai kinh nghiệm công tác chuyên môn trong hoạt động xây dựng (Theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016).

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan.

- Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình, trừ công trình nhà ở riêng lẻ.

- Bản sao hồ sơ về điều kiện năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có).

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định hợp đồng.

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

- Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với công trình cấp II và cấp III: không quá 30 ngày.

- Đối với các công trình còn lại: không quá 20 ngày.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức và cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Tùy theo từng loại hồ sơ, cơ quan ra thông báo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) sẽ gửi lấy ý kiến các ngành có liên quan như: Giao thông, đất đai, môi trường, cấp – thoát nước, điện, viễn thông, vv...

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

3.8. Lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình (theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP).

- Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội;
- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.
- Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công thương quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt về dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ.

Mẫu số 06

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Cấp công trình:
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:
 - Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
 - Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
- Các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);
- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN VỊ THẨM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự
toán xây dựng công trình

....., ngày ... tháng ... năm.....

**KẾT QUẢ THẨM TRA
THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Công trình:

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định, Thông tư khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc ...;

Các căn cứ khác có liên quan.

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình: ... Loại, cấp công trình: ...

- Thuộc dự án đầu tư: ...

- Chủ đầu tư: ...

- Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...

- Nguồn vốn:...
- Địa Điểm xây dựng:...
- Đơn vị khảo sát xây dựng: ...
- Đơn vị thiết kế, lập dự toán xây dựng: ...

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)

2. Danh Mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:

3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của các hạng Mục công trình)

3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng công trình

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi Tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.

3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:

a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;

b) Các cơ sở để xác định các Khoản Mục chi phí;

c) Về đơn giá áp dụng cho công trình;

d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm Tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).

4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

- a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;
- b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:
- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.
- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận.

5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

7. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

- a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;
- b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các Khoản Mục chi phí khác trong dự toán công trình;
- c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm tra	Giá trị sau thẩm tra	Tăng, giảm (+;-)
1	Chi phí xây dựng			

2	Chi phí thiết bị (nếu có)			
3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			
5	Chi phí khác			
6	Chi phí dự phòng			
	Tổng cộng			

(có phụ lục chi Tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đủ Điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

-

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐƠN VỊ THẨM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

V.2. Thủ tục hành chính về cấp giấy phép xây dựng

1. Thủ tục cấp giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng, công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị, công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư gửi 02 bộ hồ sơ theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét hồ sơ và tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa. Khi thẩm định hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xác định tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Trường hợp việc bổ sung hồ

sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo đến chủ đầu tư nêu rõ lý do và từ chối thực hiện việc cấp giấy phép.

Bước 4: Căn cứ quy mô, tính chất, loại công trình và địa điểm xây dựng công trình có trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm đối chiếu các điều kiện theo quy định để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

Bước 5: Đối với công trình kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn quy định, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng.

1.2. Cách thức thực hiện:

Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Trường hợp xây dựng mới:

(1.1) Đối với công trình không theo tuyến; Công trình tín ngưỡng; Công trình tôn giáo; Công trình của cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Riêng đối với công trình của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và cơ quan nước ngoài đầu tư tại Việt Nam còn tuân thủ các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam; Đối với công trình tôn giáo bổ sung bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan tôn giáo theo phân cấp.

(1.2) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;

+ Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Riêng đối với công trình ngầm phải bổ sung thêm: Bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500.

(1.3) Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, di tích lịch sử theo phân cấp;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ các mặt đứng, các mặt cắt chủ yếu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.

(1.4) Đối với công trình quảng cáo:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng thuê công trình đối với trường hợp thuê đất hoặc thuê công trình để xây dựng công trình quảng cáo;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

- Đối với trường hợp công trình xây dựng mới:

+ Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt cắt móng và mặt cắt công trình tỷ lệ 1/50;

+ Bản vẽ các mặt đứng chính công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Đối với trường hợp biển quảng cáo được gắn vào công trình đã được xây dựng hợp pháp:

+ Bản vẽ kết cấu của bộ phận công trình tại vị trí gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50;

+ Bản vẽ các mặt đứng công trình có gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50 - 1/100.

(2) Trường hợp theo giai đoạn:

(2.1) Đối với công trình không theo tuyến:

Đối với công trình cấp I, nếu chủ đầu tư có nhu cầu thì có thể đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo hai giai đoạn. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

- Giai đoạn 1:

+ Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, bản vẽ mặt bằng, mặt cắt chính của phần công trình đã được phê duyệt trong giai đoạn 1 tỷ lệ 1/50 - 1/200 kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: Giao thông, thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/100 - 1/200.

- Giai đoạn 2:

+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chính giai đoạn 2 của công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

(2.2) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

Việc phân chia công trình theo giai đoạn thực hiện do chủ đầu tư xác định theo quyết định đầu tư. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân đất thực hiện theo giai đoạn hoặc cả dự án theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;

+ Các bản vẽ theo từng giai đoạn: Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình theo giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; Đối với công trình ngầm yêu cầu phải có bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công

trình theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/100 - 1/500.

(3) Đối với công trình theo dự án:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình xây dựng đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án hoặc tổng mặt bằng từng giai đoạn của dự án tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng từng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+) Bản vẽ các mặt đứng và các mặt cắt chính của từng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 của từng công trình kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

(4) Đối với công trình sửa chữa, cải tạo:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình theo quy định của

pháp luật hoặc bản sao giấy phép xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.

- Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, thì phải có bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.

(5) Di dời công trình:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ tổng mặt bằng, nơi công trình sẽ được di dời tới tỷ lệ 1/50 - 1/500.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200, mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 tại địa điểm công trình sẽ di dời tới.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính phương án di dời gồm:

- + Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình;

- + Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.

- Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại mục 3, mục 4 Điểm này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

Ngoài các tài liệu quy định đối với mỗi loại công trình nêu trên, hồ sơ đề nghị cấp hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau:

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định đầu tư đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng.

(6) Đối với công trình xây dựng có thời hạn: Hồ sơ như điểm (1.1); (4); (5) mục này.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

1.4. Thời hạn giải quyết:

Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế trình xin cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

1.8. Lệ phí: Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):

.....

- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):

.....

- Địa chỉ liên hệ:

.....

- Số nhà: Đường/phố Phường/xã

- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:

- Số điện thoại:

.....

2. Thông tin công trình:

- Địa Điểm xây dựng:

.....

- Lô đất số: Diện tích m².

- Tại số nhà: Đường/phố

.....

- Phường/xã Quận/huyện

.....

- Tỉnh, thành phố:

.....

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Đối với công trình không theo tuyến:

- Loại công trình: Cấp công trình:

.....

- Diện tích xây dựng: m².

- Cốt xây dựng: m

- Tổng diện tích sàn:m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:

.....

- Tổng chiều dài công trình: m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).

- Cốt của công trình:m (ghi rõ cốt qua từng khu vực)
- Chiều cao tính không của tuyến: m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).
- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)

3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m
- Chiều cao công trình:m

3.4. Đối với công trình quảng cáo:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m
- Chiều cao công trình:m
- Nội dung quảng cáo:

3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².
- Tổng diện tích sàn:m² (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².

- Tổng diện tích sàn:m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: Cấp công trình:

+ Diện tích xây dựng:m².

+ Cốt xây dựng:m

+ Chiều sâu công trình:m (tính từ cốt xây dựng)

- Giai đoạn 2:

+ Tổng diện tích sàn:m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

+ Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

+ Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn:m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).

- Cốt của công trình:m (qua các khu vực theo từng giai đoạn)

- Chiều cao tính không của tuyến:m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn).

- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)

3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án:

+ Đã được:phê duyệt, theo Quyết định số: ngày

- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

+ Công trình số (1-n): (tên công trình)

* Loại công trình: Cấp công trình:

* Các thông tin chủ yếu của công trình:

3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².

- Tổng diện tích sàn:m².

- Chiều cao công trình:m².

- Địa Điểm công trình di dời đến:

- Lô đất số: Diện tíchm².

- Tại: Đường:

- Phường (xã) Quận (huyện)

- Tỉnh, thành phố:

- Số tầng:

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày

- Tên chủ nhiệm thiết kế:

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:do Cấp ngày:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Giấy phép hành nghề số (nếu có):cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngàytháng năm
Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

2. Thủ tục điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử-văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng, công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị, công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

2.1. Trình tự thực hiện:

(1) Trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng trình tự thực hiện như cấp giấy phép xây dựng.

(2) Trường hợp gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng:

Bước 1: Chủ đầu tư gửi 02 bộ hồ sơ theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét hồ sơ gia hạn giấy phép xây dựng hoặc cấp lại giấy phép xây dựng theo đúng thời hạn quy định.

2.2. Cách thức thực hiện:

Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng, thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(2) Đối với trường hợp gia hạn giấy phép xây dựng, thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;

(3) Đối với trường hợp cấp lại giấy phép xây dựng, thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát).

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Điều chỉnh giấy phép xây dựng: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng: Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép xây dựng được điều chỉnh, gia hạn hoặc cấp lại.

2.8. Lệ phí: Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG (Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:

- Số nhà: Đường (phố) Phường (xã)

- Quận (huyện) Tỉnh, thành phố:

- Số điện thoại:

2. Địa Điểm xây dựng:

- Lô đất số: Diện tíchm².

- Tại: Đường:

- Phường (xã) Quận (huyện)

- Tỉnh, thành phố:
.....

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị Điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp (*hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại*):

-

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày

- Tên chủ nhiệm thiết kế:

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:do Cấp ngày:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế Điều chỉnh/gia hạn: tháng.

7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép Điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngày.....tháng năm
Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

V.3. Thủ tục hành chính về cấp chứng chỉ năng lực và chứng chỉ hành nghề

1. Thủ tục cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý, thẩm tra chi phí đầu tư xây dựng

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức lập hồ sơ theo quy định mục 1.3a nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (Tầng 1, Tháp A, Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hoà Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để Nhà đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Sở Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III đối với tổ chức có trụ sở chính tại địa bàn hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình.

Bước 4: Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực về yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc tổ chức phúc tra để xác minh hồ sơ nếu cần thiết.

Tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ năng lực:

- Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực có trách nhiệm đánh giá năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức trình Cơ quan cấp chứng chỉ năng lực quyết định.

- Thời gian đánh giá, cấp chứng chỉ năng lực không quá 10 ngày đối với chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định cấp chứng chỉ năng lực, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị cấp Mã số chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục số 15 Thông tư số 17/2016/TT-BXD tới Bộ Xây dựng. Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Xây dựng có trách nhiệm phát hành Mã số chứng chỉ năng lực, đồng thời thực hiện việc tích hợp thông tin để quản lý, tra cứu chứng chỉ năng lực và công bố thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ có nghĩa vụ nộp lệ phí cấp chứng chỉ năng lực khi nộp hồ sơ. Lệ phí không hoàn trả trong mọi trường hợp.

Thời hạn xét điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực như quy định đối với trường hợp cấp mới.

1.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) .

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục số 03 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.

- Tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức; bản quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

- Tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của Bản danh sách các cá nhân chủ chốt, nhân viên, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan và kê khai kinh nghiệm hoạt động xây dựng của tổ chức theo quy định tại Phụ lục số 04 Thông tư số 17/2016/TT-BXD kèm theo các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của các cá nhân chủ chốt, công nhân kỹ thuật (nếu có) liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ năng lực; hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành đã

thực hiện (mỗi lĩnh vực và loại không quá 03 hợp đồng, 03 biên bản nghiệm thu hoàn thành của công việc tiêu biểu đã thực hiện).

- Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của Bản kê khai năng lực tài chính trong thời gian 03 năm tính đến thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ năng lực, máy móc, thiết bị, phần mềm máy tính có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức.

- Chứng chỉ cũ đối với trường hợp chứng chỉ cũ bị rách, nát hoặc điều chỉnh, bổ sung nội dung hoặc chứng chỉ cũ đã hết hạn sử dụng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức trong nước.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III.

1.8. Phí, Lệ phí: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục số 03 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.

- Bản danh sách các cá nhân chủ chốt, nhân viên, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan và kê khai kinh nghiệm hoạt động xây dựng của tổ chức theo quy định tại Phụ lục số 04 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện chung đối với tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực:

- Có giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phải phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt phải có hợp đồng lao động với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

- Đối với các dự án, công trình có tính chất đặc thù như: Nhà máy điện hạt nhân, nhà máy sản xuất hóa chất độc hại, sản xuất vật liệu nổ, những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt thì ngoài yêu cầu phải có chứng chỉ hành

ngành tương ứng với loại công việc thực hiện còn phải được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực đặc thù của dự án.

b) Điều kiện riêng đối với từng loại tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực:
(1) Tổ chức khảo sát xây dựng:

- Hạng II:

+ Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng II phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

+ Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức khảo sát xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 1 (một) dự án nhóm B; 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) dự án nhóm C hoặc 2 (hai) công trình cấp III trở lên cùng loại hình khảo sát.

- Hạng III:

+ Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng III phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

+ Có ít nhất 5 (năm) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức khảo sát xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(2) Tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng:

- Hạng II:

+ Có ít nhất 10 (mười) người có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng hạng II; những người chủ trì các bộ môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng II phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Có ít nhất 20 (hai mươi) người có chuyên môn phù hợp với loại quy hoạch xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập quy hoạch xây dựng;

+ Đã thực hiện lập ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị loại II hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

- Hạng III:

+ Có ít nhất 5 (năm) người có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng hạng III; những người chủ trì các bộ môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng III phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Có ít nhất 10 (mười) người có chuyên môn phù hợp với loại quy hoạch xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập quy hoạch xây dựng.

(3) Tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng:

- Hạng II:

+ Có ít nhất 10 (mười) người có chứng chỉ thiết kế hạng II phù hợp với loại công trình đề nghị cấp chứng chỉ; những người chủ trì thiết kế lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế hạng II phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức thiết kế xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại.

- Hạng III:

+ Có ít nhất 5 (năm) người có chứng chỉ thiết kế hạng III phù hợp với loại công trình đề nghị cấp chứng chỉ; những người chủ trì thiết kế lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế hạng III phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 5 (năm) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức thiết kế xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(4) Tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng:

- Hạng II:

+ Có ít nhất 3 (ba) người có đủ điều kiện năng lực làm chủ nhiệm lập dự án nhóm B phù hợp với loại dự án đề nghị cấp chứng chỉ;

+ Những người chủ trì lĩnh vực chuyên môn của dự án phải có chứng chỉ hành nghề hạng II phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Có tối thiểu 20 (hai mươi) người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập dự án đầu tư xây dựng;

+ Đã thực hiện lập, thẩm tra ít nhất 1 (một) dự án nhóm B hoặc 2 (hai) dự án nhóm C cùng loại.

- Hạng III:

+ Có ít nhất 3 (ba) người có đủ điều kiện năng lực làm chủ nhiệm lập dự án nhóm C phù hợp với loại dự án đề nghị cấp chứng chỉ;

+ Những người chủ trì lĩnh vực chuyên môn của dự án phải có chứng chỉ hành nghề hạng III phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Có tối thiểu 10 (mười) người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập dự án đầu tư xây dựng.

(5) Tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng:

- Hạng II:

+ Có ít nhất 3 (ba) người đủ điều kiện năng lực làm giám đốc quản lý dự án nhóm B;

+ Những người phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng II phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 15 (mười lăm) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức tư vấn, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện quản lý ít nhất 1 (một) dự án nhóm B hoặc 2 (hai) dự án nhóm C cùng loại.

- Hạng III:

+ Có ít nhất 3 (ba) người đủ điều kiện năng lực làm giám đốc quản lý dự án nhóm C cùng loại;

+ Những người phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng III phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức tư vấn, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(6) Tổ chức thi công xây dựng công trình:

- Hạng II:

+ Có ít nhất 2 (hai) người đủ điều kiện năng lực làm chỉ huy trưởng công trường hạng II cùng loại công trình xây dựng;

+ Những người phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ cao đẳng, cao đẳng nghề, trung cấp nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 3 (ba) năm;

+ Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn lao động có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình;

+ Có ít nhất 20 (hai mươi) công nhân kỹ thuật có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện thầu chính thi công ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại.

- *Hạng III:*

+ Có ít nhất 1 (một) người đủ điều kiện năng lực làm chỉ huy trưởng công trường hạng III cùng loại công trình xây dựng;

+ Những người phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ nghề phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 5 (năm) người trong hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn lao động có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình;

+ Có ít nhất 5 (năm) công nhân kỹ thuật có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(7) Tổ chức giám sát thi công xây dựng:

- *Hạng II:*

Có ít nhất 10 (mười) người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng, chủ trì kiểm định xây dựng hạng II phù hợp với lĩnh vực giám sát thi công xây dựng.

- *Hạng III:*

Có ít nhất 5 (năm) người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hạng III phù hợp với lĩnh vực giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng.

(8) Tổ chức kiểm định xây dựng:

- *Hạng II:*

Có ít nhất 10 (mười) người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng, chủ trì kiểm định xây dựng hạng II phù hợp với lĩnh vực giám sát thi công xây dựng.

- *Hạng III:*

Có ít nhất 5 (năm) người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hạng III phù hợp với lĩnh vực giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng.

(9) Tổ chức quản lý, thẩm tra chi phí đầu tư xây dựng:

- *Hạng II:*

+ Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng II;

+ Có ít nhất 10 (mười) người có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- *Hạng III:*

+ Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng III;

+ Có ít nhất 5 (năm) người có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Phụ lục số 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/BỔ SUNG NỘI DUNG
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Tên tổ chức:

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

.....

3. Số điện thoại: Số fax:

.....

4. Email: Website:

.....

5. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: Chức vụ:

.....

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số:

.....

Nơi cấp: Ngày cấp:

.....

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

.....

8. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có):

.....

Đề nghị cấp/cấp lại/Điều chỉnh/bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng như sau:

8.1. Cấp chứng chỉ năng lực ☐

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:⁽¹⁾Hạng năng lực:
.....

8.2. Cấp lại chứng chỉ năng lực: ☐

Lý do:⁽²⁾

8.3. Điều chỉnh/Bổ sung nội dung hoạt động: ☐

Lĩnh vực hoạt động xây dựng Điều chỉnh/bổ sung:...⁽¹⁾... Hạng năng lực:
.....

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC**
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi rõ lĩnh vực hoạt động theo quy định Khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

⁽²⁾ Ghi rõ lý do theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Thông tư này

Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

DANH SÁCH

Cá nhân chủ chốt, nhân viên, công nhân kỹ thuật có liên quan và kê khai kinh nghiệm hoạt động xây dựng của tổ chức

I. Thông tin về tổ chức:

Tên tổ chức:

.....

Điện thoại:

.....

Địa chỉ liên hệ:

.....

Lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:Hạng:

II. Danh sách cá nhân chủ chốt và nhân viên, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tổ chức

1. Danh sách cá nhân chủ chốt^(*):

STT	Họ và Tên	Vị trí/Chức danh	Số chứng chỉ hành	Điện thoại
-----	-----------	------------------	-------------------	------------

			nghề	liên hệ
1				
2				
3				
...				

2. Danh sách nhân viên, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:

STT	Họ và Tên	Vị trí/Chức danh	Trình độ chuyên môn	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
...				

III. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

STT	Nội dung hoạt động xây dựng (Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu,...)	Thông tin công trình (Tên dự án/công trình; nhóm dự án; loại, cấp công trình; vị trí xây dựng)	Chủ đầu tư (Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ)	Ghi chú
1				
2				
...				

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Cá nhân chủ chốt phải có hợp đồng lao động với Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực từ 12 tháng trở lên, giữ vai trò chủ nhiệm; chủ trì; giám sát trưởng; chỉ huy trưởng công trường. Mỗi cá nhân được tham gia hoạt động xây dựng với các Tổ chức khác nhau nhưng chỉ thực hiện vai trò chủ chốt tại một Tổ chức.

2. Thủ tục đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực của tổ chức
(chỉ áp dụng cho tổ chức không thuộc đối tượng cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng)

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tham gia các hoạt động xây dựng không thuộc đối tượng được cấp chứng chỉ năng lực lập hồ sơ đề nghị đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực theo quy định Mục **2.3a** nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (Tầng 1, Tháp A, Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hoà Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) để được xem xét, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng.

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đăng tải thông tin hoàn thiện hồ sơ nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng.

2.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Xây dựng.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Trường hợp đăng tải thông tin năng lực:

- Bản đề nghị đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 13 Thông tư số 17/2016/TT-BXD;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc tài liệu tương đương của tổ chức do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Tập tin chứa bản scan màu có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề, hợp đồng lao động của các cá nhân chủ trì các bộ môn trong tổ chức;

- Tập tin chứa bản scan màu có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành đã thực hiện (mỗi lĩnh vực không quá 03 hợp đồng, 03 biên bản nghiệm thu hoàn thành của công việc tiêu biểu). Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền có thể yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị đăng tải thông tin cung cấp tài liệu gốc để đối chiếu.

(2) Trường hợp thay đổi, bổ sung thông tin năng lực:

- Văn bản cung cấp các nội dung điều chỉnh kèm theo tập tin chứa bản scan màu có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) tài liệu liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng có địa chỉ trụ sở chính tại địa phương.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông tin năng lực hoạt động xây dựng được đăng tải trên website của Sở Xây dựng.

2.8. Phí, Lệ phí: Không

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Bản đề nghị đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 13 Thông tư số 17/2016/TT-BXD

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Phụ lục số 13

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG TẢI THÔNG TIN NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
(dùng cho Tổ chức ^())*

Kính gửi: *Tên cơ quan có thẩm quyền*

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: Số fax:

Email: Website:

.....

3. Địa chỉ văn phòng đại diện, Văn phòng chi nhánh (nếu có):.....

4. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: Chức vụ:

5. Quyết định thành lập:

Số:ngày: Cơ quan ban hành:

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Số: ngày cấp: Cơ quan cấp:

7. Vốn Điều lệ:

.....

8. Số lượng cán bộ chủ chốt của Tổ chức:người.

Trong đó:

+ Trên đại học:người.

+ Đại học:người.

9. Nội dung đề nghị đăng tải thông tin:

.....

...

.....

...

.....

...

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin kê khai ở trên là đúng sự thật, nếu sai chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC
(ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Mẫu này dành cho các tổ chức tham gia các hoạt động xây dựng ngoài các lĩnh vực có yêu cầu chứng chỉ năng lực và nhà thầu nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng ở Việt Nam.

3. Thủ tục cấp/ cấp lại (trường hợp CCHN hết hạn sử dụng)/cấp chuyển đổi/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo

sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng.

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ phận sát hạch có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ trước khi trình Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề xem xét quyết định. Trường hợp hồ sơ chưa hoặc không hợp lệ, Bộ phận sát hạch có trách nhiệm thông báo một lần tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Việc sát hạch được tiến hành theo tổ chức, khu vực hoặc địa phương. Thời gian tổ chức sát hạch được tiến hành định kỳ hàng quý hoặc đột xuất do Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề quyết định phù hợp với nhu cầu đề nghị cấp chứng chỉ. Trước thời gian tổ chức sát hạch 05 ngày, Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề thông báo bằng văn bản và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng thông tin về thời gian, địa điểm tổ chức và mã số dự sát hạch của từng cá nhân. Trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi tổ chức sát hạch, Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổng hợp, trình kết quả sát hạch của cá nhân để Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quyết định cấp chứng chỉ hành nghề. Kết quả sát hạch của cá nhân được bảo lưu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày sát hạch.

Bước 4: Trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định cấp chứng chỉ hành nghề, Sở Xây dựng gửi văn bản đề nghị cấp Mã số chứng chỉ hành nghề tới Bộ Xây dựng để phát hành Mã số chứng chỉ hành nghề. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Xây dựng có trách nhiệm phát hành Mã số chứng chỉ hành nghề, đồng thời thực hiện việc tích hợp thông tin để quản lý chứng chỉ hành nghề đã cấp và đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân trên trang thông tin điện tử. Sở Xây

dụng có trách nhiệm phát hành chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III cho cá nhân đã được cấp Mã số chứng chỉ hành nghề.

* Đối với trường hợp **chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III**, trình tự, thủ tục sát hạch được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới. Cá nhân đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề được miễn sát hạch nội dung về kiến thức chuyên môn.

* Đối với trường hợp **cấp lại** (*trường hợp chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng*)/**điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III**, trình tự và thời gian xét cấp chứng chỉ hành nghề nội dung thực hiện như đối với trường hợp đề nghị cấp mới.

3.2. Cách thức thực hiện:

Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

(1) *Trường hợp cấp/cấp lại (trường hợp chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng)/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề:*

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục số 01 Thông tư số 17/2016/TT-BXD kèm theo 02 ảnh màu cỡ 4x6cm có nền màu trắng.

- Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của các văn bằng, chứng chỉ về chuyên môn do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp (trừ trường hợp cấp lại do chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng).

- Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của Bản khai kinh nghiệm có xác nhận về nơi làm việc của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp theo mẫu tại Phụ lục số 02 Thông tư số 17/2016/TT-BXD (trừ trường hợp cấp lại do chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng).

- Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của các hợp đồng hoạt động xây dựng mà cá nhân đã tham gia thực hiện các công việc hoặc văn bản phân công công việc (giao nhiệm vụ) của cơ quan, tổ chức cho cá nhân liên quan đến nội dung kê khai (trừ trường hợp cấp lại do chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng).

- Chứng chỉ cũ đối với trường hợp điều chỉnh, bổ sung nội dung hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng.

(2) Trường hợp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 11 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.

- Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của chứng chỉ hành nghề cũ còn thời hạn sử dụng.

- Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của Bản khai kinh nghiệm về công tác chuyên môn trong hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết: 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian tổ chức sát hạch)

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề khi tham gia hoạt động xây dựng thuộc các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.

3.8. Phí, Lệ phí: Lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính; Chi phí sát hạch theo quy định của Bộ Xây dựng.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 17/2016/TT-BXD;

- Mẫu đơn đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục số 11 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.

- Mẫu Bản khai kinh nghiệm có xác nhận về nơi làm việc của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp theo quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện chung đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề:

Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng khi đáp ứng được các điều kiện sau:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- Có trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:

Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 5 (năm) năm trở lên;

Hạng III: Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 3 (ba) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 5 (năm) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp.

- Đạt yêu cầu sát hạch về kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực hành nghề.

b) Điều kiện riêng đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề về lĩnh vực:

(1) Khảo sát xây dựng:

- Khảo sát địa hình:

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành địa chất; trắc địa hoặc chuyên ngành xây dựng, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc làm chủ nhiệm khảo sát địa hình ít nhất 2 (hai) dự án nhóm B hoặc 5 (năm) dự án nhóm C hoặc ít nhất 2 (hai) công trình cấp II hoặc 3 (ba) công trình cấp III cùng loại;

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành địa chất; trắc địa hoặc chuyên ngành xây dựng, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc làm chủ nhiệm khảo sát địa hình ít nhất 3 (ba) dự án nhóm C hoặc ít nhất 2 (hai) công trình cấp III hoặc 3 (ba) công trình cấp IV cùng loại.

- Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình:

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành địa chất, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc làm chủ nhiệm khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình ít nhất 2 (hai) dự án nhóm B hoặc 5 (năm) dự án nhóm C hoặc ít nhất 2 (hai) công trình cấp II hoặc 3 (ba) công trình cấp III cùng loại;

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành địa chất, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc làm chủ nhiệm khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình ít nhất 3 (ba) dự án nhóm C hoặc ít nhất 2 (hai) công trình cấp III hoặc 3 (ba) công trình cấp IV cùng loại.

(2) Thiết kế quy hoạch xây dựng:

- Hạng II: Cá nhân có trình độ đại học thuộc chuyên ngành kiến trúc; quy hoạch xây dựng; hạ tầng kỹ thuật đô thị; kinh tế đô thị hoặc chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của việc lập đồ án quy hoạch xây dựng, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc chủ trì thực hiện thiết kế hoặc chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành của ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, 2 (hai) đồ án quy hoạch vùng liên huyện hoặc 3 (ba) đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện hoặc 3 (ba) đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù.

- Hạng III: Cá nhân có trình độ đại học thuộc chuyên ngành kiến trúc; quy hoạch xây dựng; hạ tầng kỹ thuật đô thị; kinh tế đô thị hoặc chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của việc lập đồ án quy hoạch xây dựng, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia thiết kế hoặc thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành của ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện hoặc 3 (ba) đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù hoặc 5 (năm) đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn.

(3) Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng:

- Thiết kế kiến trúc công trình:

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành về kiến trúc, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 5 (năm) công trình cấp III và đã tham gia thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp II trở lên cùng loại với công trình ghi trong chứng chỉ hành nghề.

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành về kiến trúc, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 3 (ba) công trình cấp III hoặc 5 (năm) công trình cấp IV cùng loại với công trình ghi trong chứng chỉ hành nghề.

- Thiết kế kết cấu công trình:

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 5 (năm) công trình cấp III và đã tham gia thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp II trở lên cùng loại với công trình ghi trong chứng chỉ hành nghề.

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 3 (ba) công trình cấp III hoặc 5 (năm) công trình cấp IV cùng loại với công trình ghi trong chứng chỉ hành nghề.

- Đối với cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành khác có liên quan đến thiết kế các hệ thống kỹ thuật công trình như điện - cơ điện công trình, cấp - thoát nước, thông gió - cấp thoát nhiệt, mạng thông tin - liên lạc, phòng chống cháy - nổ công trình xây dựng: nội dung được phép hành nghề phải phù hợp với chuyên ngành được đào tạo, căn cứ theo thời gian và kinh nghiệm thực tế mà cá nhân đó đã tham gia thực hiện thiết kế.

(4) Giám sát thi công xây dựng:

- Giám sát công tác xây dựng:

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế trực tiếp giám sát thi công hoặc chủ trì thiết kế, thi công phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại.

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế trực tiếp tham gia giám sát thi công hoặc tham gia thiết kế, thẩm định thiết kế, thi công xây dựng ít nhất 1 (một) công trình cấp III hoặc 2 (hai) công trình cấp IV cùng loại.

- Giám sát “lắp đặt thiết bị công trình” và “lắp đặt thiết bị công nghệ”: cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành như điện, cơ khí, thông gió - cấp thoát nhiệt, cấp - thoát nước, điều hòa không khí, mạng thông tin - liên lạc, phòng chống cháy - nổ công trình xây dựng và các chuyên ngành phù hợp khác, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm tham gia giám sát các công việc thuộc các chuyên ngành này thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề với nội dung giám sát “lắp đặt thiết bị công trình” hoặc “lắp đặt thiết bị công nghệ” hoặc cả hai nội dung này.

(5) Kiểm định xây dựng:

- Hạng II: Cá nhân chưa có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hoặc thiết kế xây dựng, có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, khi có đủ thời gian và đã có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng II; chứng chỉ thiết kế xây dựng hạng II; đã làm chủ trì kiểm định, chủ trì thiết kế hoặc đã trực tiếp giám sát thi công xây dựng ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ.

- Hạng III: Cá nhân chưa có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hoặc thiết kế xây dựng, có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, khi có đủ thời gian và đã có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng III; chứng chỉ thiết kế xây dựng hạng III; đã làm chủ trì kiểm định, chủ trì thiết kế hoặc đã trực tiếp giám sát thi công xây dựng ít nhất 2 (hai) công trình cấp III hoặc 3 (ba) công trình cấp IV cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ.

Cá nhân đã có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hoặc thiết kế xây dựng thuộc lĩnh vực thiết kế kết cấu công trình thì được xét cấp chứng

chỉ hành nghề kiểm định xây dựng tương ứng với hạng và loại công trình ghi trong chứng chỉ đã được cấp.

(6) Định giá xây dựng:

- Hạng II: Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành kinh tế hoặc kỹ thuật xây dựng và đã tham gia quản lý chi phí đầu tư xây dựng hoặc chủ trì lập tổng mức đầu tư của ít nhất 1 (một) dự án nhóm B hoặc 3 (ba) dự án nhóm C hoặc đã lập dự toán xây dựng của ít nhất 1 (một) công trình cấp I hoặc 3 (ba) công trình cấp II hoặc 10 (mười) công trình cấp III.

- Hạng III: Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành kinh tế hoặc kỹ thuật xây dựng và đã tham gia lập tổng mức đầu tư của ít nhất 1 (một) dự án nhóm C hoặc 2 (hai) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hoặc đã lập dự toán xây dựng của ít nhất 2 (hai) công trình cấp III hoặc 10 (mười) công trình cấp IV.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thông tư số 17/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/BỔ SUNG NỘI DUNG
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:
.....
...

2. Ngày, tháng, năm sinh:
.....

3. Quốc tịch:
.....
....

4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu: ngày cấp: nơi cấp
.....

5. Địa chỉ thường trú:
.....

6. Số điện thoại: Địa chỉ Email:
.....

7. Đơn vị công tác:
.....

8. Trình độ chuyên môn (*ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo*):
.....

9. Mã số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
.....

Đề nghị được cấp/cấp lại/Điều chỉnh/bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng như sau:

9.1. Cấp chứng chỉ hành nghề ☐

Lĩnh vực hành nghề:⁽¹⁾ Hạng:
.....

9.2. Cấp lại chứng chỉ hành nghề ☐

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:
.....⁽²⁾

9.3. Điều chỉnh/Bổ sung nội dung hành nghề ☐

Lĩnh vực hành nghề Điều chỉnh/bổ sung:⁽¹⁾Hạng:
.....

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Lĩnh vực hành nghề theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

⁽²⁾ Ghi rõ lý do theo quy định Khoản 1 Điều 17 Thông tư này.

Phụ lục số 11

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên: 2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. Quốc tịch:

.....

4. Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu số:ngày cấp: nơi cấp:

5. Địa chỉ thường trú:

.....

6. Số điện thoại:7. Địa chỉ Email:

.....

8. Đơn vị công tác:

.....

9. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:

10. Chứng chỉ hành nghề số:ngày cấp:nơi cấp:

Đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với các nội dung sau:.....
(*)

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(*) Ghi rõ lĩnh vực hành nghề theo quy định Khoản 1 Điều 3 Thông tư này và Hạng đề nghị chuyển đổi.

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KHAI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN TRONG HOẠT ĐỘNG
XÂY DỰNG**

1. Họ và tên:

.....

2. Trình độ chuyên môn:

3. Thời gian có kinh nghiệm nghề nghiệp (năm, tháng):

4. Đơn vị công tác:

.....

5. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Nội dung hoạt động xây dựng (Ghi rõ lĩnh vực hoạt động, chức danh)	Ghi chú
1				
2				
...				

Tôi xin cam đoan nội dung bản khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**Xác nhận của Cơ quan, Tổ chức quản lý
trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp (*)**

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(*) Trường hợp cá nhân là Giảng viên của các cơ sở bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động xây dựng thì phải có xác nhận về nơi làm việc của cơ sở bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động xây dựng. Cá nhân tham gia hành nghề độc lập không phải lấy xác nhận này.

4. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III (*Trường hợp CCHN rách, nát/thất lạc*) đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng

4.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III (*trường hợp CCHN rách, nát/thất lạc*) theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Trình tự thực hiện như đối với trường hợp cấp mới nhưng không yêu cầu sát hạch, thời gian thực hiện xét cấp không quá 15 ngày làm việc.

4.2. Cách thức thực hiện:

Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- a) Thành phần hồ sơ:
 - Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục số 01 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.
 - Chứng chỉ cũ đối với trường hợp chứng chỉ cũ bị rách, nát.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4.4. Thời hạn giải quyết: không quá 15 ngày làm việc

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân có chứng chỉ hành nghề bị rách, nát hoặc thất lạc khi tham gia hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề được cấp lại.

4.8. Phí, Lệ phí: Lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 17/2016/TT-BXD;

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề;
- Không vi phạm các quy định trong hoạt động đầu tư xây dựng và pháp luật có liên quan.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thông tư số 17/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/BỔ SUNG NỘI DUNG CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:
.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
.....
3. Quốc tịch:
.....
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu: ngày cấp: nơi cấp
5. Địa chỉ thường trú:
.....
6. Số điện thoại: Địa chỉ Email:
.....
7. Đơn vị công tác:
.....
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:

9. Mã số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
 Đề nghị được cấp/cấp lại/Điều chỉnh/bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng như sau:
 9.1. Cấp chứng chỉ hành nghề ☐
 Lĩnh vực hành nghề:⁽¹⁾ Hạng:
 9.2. Cấp lại chứng chỉ hành nghề ☐
 Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:⁽²⁾
 9.3. Điều chỉnh/Bổ sung nội dung hành nghề ☐
 Lĩnh vực hành nghề Điều chỉnh/bổ sung:⁽¹⁾ Hạng:
 Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Lĩnh vực hành nghề theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

⁽²⁾ Ghi rõ lý do theo quy định Khoản 1 Điều 17 Thông tư này.

V.4. Thủ tục hành chính về cấp Giấy phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài

1. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nhà thầu):
 Thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nhà thầu gửi 01 bộ hồ sơ theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đúng, không đủ theo quy định phải thông báo và hướng dẫn một lần bằng văn bản cho nhà thầu biết để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Bước 2: Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng xem xét và cấp phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định để được cấp giấy phép hoạt động xây dựng thì Sở Xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết.

1.2. Cách thức thực hiện:

Nhà thầu nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- *Đối với nhà thầu là tổ chức:*

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) giấy phép thành lập (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức) và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước, nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp hoặc nơi mà nhà thầu đang thực hiện dự án cấp.

+ Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến công việc nhận thầu theo mẫu và báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán trong 3 năm gần nhất (đối với trường hợp nhà thầu nhận thực hiện gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc phải áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam).

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng với nhà thầu phụ Việt Nam (có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu), trong đó xác định rõ phần việc mà nhà thầu Việt Nam thực hiện.

Trường hợp khi dự thầu hoặc chọn thầu chưa xác định được thầu phụ, khi đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng phải có hợp đồng với thầu phụ Việt

Nam kèm theo văn bản chấp thuận của chủ đầu tư và bản sao Giấy đăng ký kinh doanh của nhà thầu phụ Việt Nam.

+ Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu.

+ Tập tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.

- *Đối với nhà thầu là cá nhân:*

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng được quy định.

+ Bản sao hoặc tập tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) văn bản kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp.

+ Bản sao hoặc tập tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) giấy phép hoạt động hoặc chứng chỉ hành nghề do nước mà cá nhân mang quốc tịch hoặc nơi mà cá nhân thực hiện dự án cấp và bản sao hộ chiếu cá nhân.

+ Tập tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

1.4. Thời hạn giải quyết:

Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà thầu

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân là nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

1.8. Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng;
- Mức phí: 2.000.000 đồng/Giấy phép (theo quy định của Bộ Tài chính).

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 (đối với nhà thầu là tổ chức) và Phụ lục số 4 (đối với nhà thầu là cá nhân) Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Yêu cầu hoặc điều kiện 1: Phải công bố thông tin trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng theo phân cấp

b) Yêu cầu hoặc điều kiện 2: Trường hợp các gói thầu thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo điều kiện đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu

c) Yêu cầu hoặc điều kiện 3: Trường hợp đối với gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc áp dụng theo quy định pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu của chủ đầu tư;
- Có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc nhận thầu theo quy định của pháp luật về xây dựng.

d) Yêu cầu hoặc điều kiện 4: Nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ công việc nào của gói thầu. Khi liên danh hoặc sử dụng nhà thầu Việt Nam phải phân định rõ nội dung, khối lượng và giá trị phần công việc do nhà thầu Việt Nam trong liên danh; nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện.

e) Yêu cầu hoặc điều kiện 5: Nhà thầu nước ngoài phải cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động nhận thầu tại Việt Nam.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
(Đối với nhà thầu là tổ chức)

Văn bản số:

....., ngày.... tháng.... năm....

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng
(Hoặc ông Giám đốc Sở Xây dựng)

Tôi: (Họ tên)

Chức vụ:

Được ủy quyền của ông (bà): theo giấy ủy quyền: (kèm theo đơn này)

Đại diện cho:

Địa chỉ đăng ký tại chính quốc:

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được chủ đầu tư (hoặc thầu chính, trường hợp là thầu phụ làm đơn) là: thông báo thắng thầu (hoặc được chọn thầu) để làm thầu chính (hoặc thầu phụ) thực hiện công việc thuộc Dự án..... tại....., trong thời gian từ..... đến.....

Chúng tôi đề nghị Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (hoặc Sở Xây dựng) xét cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho Công ty chúng tôi để thực hiện việc thầu nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

Các tài liệu được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà) có địa chỉ tại Việt Nam..... số điện thoại..... Fax..... E.mail.....

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Thay mặt (hoặc thừa ủy quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)

Phụ lục số 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
(Đối với nhà thầu là cá nhân)

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng
Ông Giám đốc Sở Xây dựng.....

Tôi: (Họ tên)

Nghề nghiệp:

Có hộ chiếu số:

(sao kèm theo đơn này)

Địa chỉ tại chính quốc:

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Địa chỉ tại Việt Nam (nếu có):

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Tôi được chủ đầu tư (hoặc thầu chính) là..... thông báo thắng thầu (hoặc chọn thầu) làm tư vấn công việc..... thuộc Dự án..... tại.....
Trong thời gian từ

Đề nghị Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng/Sở Xây dựng..... xét cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tôi để thực hiện các công việc nêu trên.

Hồ sơ kèm theo gồm:

Các tài liệu quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

Nếu hồ sơ của tôi cần được bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà) có địa chỉ tại Việt Nam..... số điện thoại.....
Fax..... E.mail

Khi được cấp giấy phép hoạt động xây dựng, tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

....., ngày.... tháng.... năm....

Kính đơn
(Ký tên)

Họ và tên người ký

2. Thủ tục điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nhà thầu): Thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C

2.1. Trình tự thực hiện:

Sau khi được cấp giấy phép hoạt động xây dựng, nếu có những thay đổi về tên, địa chỉ của nhà thầu, thay đổi các đối tác trong liên danh hoặc nhà thầu phụ hoặc các nội dung khác đã ghi trong giấy phép hoạt động xây dựng được cấp, Nhà thầu nước ngoài gửi 01 bộ hồ sơ điều chỉnh giấy phép hoạt động theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) để được xem xét điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp.

2.2. Cách thức thực hiện:

Nhà thầu nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng.
- Các tài liệu chứng minh cho những nội dung đề nghị điều chỉnh. Các tài liệu phải được dịch ra tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

2.4. Thời hạn giải quyết:

Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà thầu

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài được điều chỉnh.

2.8. Lệ phí:

- Lệ phí điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng;
- Mức phí: 2.000.000 đồng/Giấy phép (theo quy định của Bộ Tài chính).

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 8 Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Nhà thầu đã được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng tại Việt Nam có những thay đổi về tên, địa chỉ của nhà thầu, thay đổi các đối tác trong liên danh hoặc nhà thầu phụ hoặc các nội dung khác đã ghi trong giấy phép hoạt động xây dựng được cấp.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Phụ lục số 8

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Văn bản số:.....

....., ngày.... tháng.... năm....

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn về xây dựng (Bộ Xây dựng)
(Hoặc ông Giám đốc Sở Xây dựng.....)

Tôi: (Họ tên)

Chức vụ:

Được ủy quyền của ông (bà): theo giấy ủy quyền: (kèm theo đơn này)

Đại diện cho:

Địa chỉ đăng ký tại chính quốc:

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam:

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng (Sở Xây dựng) cấp giấy phép hoạt động xây dựng số....., ngày..... để thực hiện gói thầu..... thuộc dự án..... Đề nghị Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp với nội dung:

.....

Lý do đề nghị Điều chỉnh:

Chúng tôi đề nghị Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng (hoặc Sở Xây dựng) xét Điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp cho Công ty chúng tôi với nội dung nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

1- Bản sao Giấy phép hoạt động xây dựng đã được cấp

2- Bản sao các văn bản chứng minh cho nội dung Điều chỉnh

3- Văn bản chấp thuận của chủ đầu tư (thầu chính trường hợp nhà thầu đề nghị Điều chỉnh là thầu phụ)

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)..... có địa chỉ tại Việt Nam..... số điện thoại..... Fax.....
E.mail

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng Điều chỉnh, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Thay mặt (hoặc thừa ủy quyền).....
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)

VI. Thủ tục hành chính về giám định tư pháp xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước cấp tỉnh

1. Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân có nhu cầu là giám định viên tư pháp xây dựng nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương);

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng.

Bước 4: Trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng. Trường hợp từ chối phải thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Bước 5: Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi có quyết định bổ nhiệm, Sở Xây dựng có trách nhiệm công bố danh sách giám định viên tư pháp xây dựng trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh đồng thời gửi Bộ Xây dựng và Bộ Tư pháp để công bố chung.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD;

- Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm; bản sao chứng thực chứng chỉ hành nghề phù hợp với nội dung đề nghị bổ nhiệm;

- Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp;

- Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc;

- Các giấy tờ khác chứng minh người được đề nghị bổ nhiệm đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân có nhu cầu, đáp ứng các điều kiện theo quy định.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng.

1.8. Lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Điều kiện chung đối với giám định viên tư pháp: công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;

- Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.

(2) Điều kiện riêng đối với giám định viên tư pháp xây dựng

- Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng: Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý nhà nước về xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng:

+ Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế, giám sát thi công xây dựng, thi công xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định xây dựng phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề chủ trì khảo sát xây dựng hoặc chủ trì thiết kế xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình;

+ Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình;

+ Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình:

+ Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng theo quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giám định tư pháp năm 2012;

- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

GIẤY ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM /CÔNG BỐ GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP XÂY DỰNG / NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC

Kính gửi:⁽¹⁾

1. Họ và tên người đề nghị:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Địa chỉ thường trú:
4. Đơn vị hiện đang công tác:
5. Đăng ký nội dung giám định tư pháp xây dựng:

TT	Nội dung giám định	Đăng ký	Loại công trình
1	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng	☐	
2	Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình	☐	
3	Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng.	☐	
4	Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản	☐	

	phẩm xây dựng, thiết bị công trình.		
5	Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan	☐	

6. Kinh nghiệm thực tế hoạt động xây dựng trong 05 năm gần nhất:

TT	Công việc đã thực hiện <i>(liệt kê các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng)</i>	Thông tin chung về công trình <i>(Tên, địa điểm xây dựng, loại, cấp công trình)</i>
1		

7. Chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ: *(nêu rõ loại chứng chỉ, lĩnh vực hành nghề, mã số chứng chỉ, ngày cấp, nơi cấp, có bản sao chứng thực kèm theo)*

Tôi xin cam đoan các nội dung kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của cơ quan, tổ chức
quản lý trực tiếp ⁽²⁾

*(Ghi rõ họ tên, chữ ký, chức vụ,
dấu pháp nhân)*

Người đề nghị

(Ghi rõ họ tên, chữ ký)

(1) Cơ quan thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng đối với trường hợp cá nhân là công chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Cơ quan đầu mối thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các cá nhân tại địa phương đăng ký.

(2) đối với cá nhân tại thời điểm đăng ký không làm việc tại cơ quan, tổ chức nào thì phải có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi đã công tác gần nhất hoặc có căn cứ xác nhận về các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng.

2. Thủ tục đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động:

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân cung cấp thông tin theo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD, tổ chức tư vấn, văn phòng giám định tư pháp xây dựng cung cấp thông tin theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương);

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận;

Bước 3: Sở Xây dựng tiếp nhận, tổ chức kiểm tra, xem xét hồ sơ thông tin đăng ký công bố;

- Trường hợp hồ sơ thông tin đăng ký công bố chưa đầy đủ, hợp lệ, trong vòng 7 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Sở Xây dựng gửi văn bản đề nghị cá nhân, tổ chức, bổ sung hoàn thiện theo quy định.

Bước 4: Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng công bố người giám định tư pháp xây dựng, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, Văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh đồng thời gửi Bộ Xây dựng và Bộ Tư pháp để công bố chung.

2.2. Cách thức thực hiện: Cá nhân, tổ chức gửi hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Xây dựng.

2.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với cá nhân: Giấy đề nghị công bố người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD; bản sao chứng thực chứng chỉ hành nghề phù hợp với nội dung đăng ký giám định kèm theo; các tài liệu có liên quan theo quy định.

- Đối với tổ chức: Thông tin đăng ký công bố tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, Văn phòng giám định tư pháp xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD; bản sao chứng thực chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng tổ chức phù hợp với nội dung đăng ký giám định kèm theo; các tài liệu có liên quan theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức có nhu cầu đáp ứng các điều kiện theo quy định, văn phòng giám định tư pháp xây dựng.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông tin được đưa lên trang Thông tin điện tử của Sở Xây dựng

2.8. Lệ phí: Không có

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Giấy đề nghị công bố người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD;

- Thông tin đăng ký công bố tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, văn phòng giám định tư pháp xây dựng quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Đối với người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

(1) Điều kiện chung đối với người giám định tư pháp theo vụ việc: công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ tiêu chuẩn sau:

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;

- Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên;

Trường hợp người không có trình độ đại học nhưng có kiến thức chuyên sâu và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn về lĩnh vực cần giám định thì có thể được lựa chọn làm người giám định tư pháp theo vụ việc.

(2) Điều kiện riêng đối với người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

- Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng: Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý nhà nước về xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng:

+ Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế, giám sát thi công xây dựng, thi công xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định xây dựng phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề chủ trì khảo sát xây dựng hoặc chủ trì thiết kế xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình;

+ Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình;

+ Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình:

+ Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng theo quy định.

b) Đối với tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

(1) Điều kiện chung đối với tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

- Có tư cách pháp nhân;

- Có hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung được trưng cầu, yêu cầu giám định;

- Có điều kiện về cán bộ chuyên môn, cơ sở vật chất bảo đảm cho việc thực hiện giám định tư pháp.

(2) Điều kiện riêng đối với tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

- Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng:

+ Có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, kiểm định xây dựng, giám sát thi công xây dựng phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Cá nhân chủ trì giám định phải đáp ứng điều kiện như đối với giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc thực hiện giám định về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng:

+ Trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình; tổ chức thực hiện phải có đủ điều kiện năng lực để thực hiện một trong các công việc: kiểm định xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình; tổ chức thực hiện phải có đủ điều kiện năng lực để thực hiện một trong các công việc: kiểm định xây dựng, thiết kế xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, giám sát thi công xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng; tổ chức thực hiện phải có đủ điều kiện năng lực để thực hiện một trong các công việc: kiểm định xây dựng, thiết kế xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Cá nhân chủ trì thực hiện giám định các nội dung nêu trên phải đáp ứng điều kiện tương ứng như đối với giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc thực hiện giám định về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình:

+ Có năng lực thực hiện một trong các công việc kiểm định xây dựng, thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Cá nhân chủ trì thực hiện giám định phải đáp ứng điều kiện tương ứng như đối với giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc thực hiện giám định về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình.

c) Đối với văn phòng giám định tư pháp xây dựng

- Được thành lập và được cấp giấy đăng ký hoạt động theo quy định;
- Đáp ứng các yêu cầu về năng lực của tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giám định tư pháp năm 2012;
- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM /CÔNG BỐ
GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP XÂY DỰNG /
NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC**

Kính gửi:⁽¹⁾

1. Họ và tên người đề nghị:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Địa chỉ thường trú:
4. Đơn vị hiện đang công tác:
5. Đăng ký nội dung giám định tư pháp xây dựng:

TT	Nội dung giám định	Đăng ký	Loại công trình
1	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng	☐	
2	Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình	☐	
3	Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng.	☐	
4	Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.	☐	
5	Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan	☐	

6. Kinh nghiệm thực tế hoạt động xây dựng trong 05 năm gần nhất:

TT	Công việc đã thực hiện (liệt kê các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng)	Thông tin chung về công trình (Tên, địa điểm xây dựng, loại, cấp công trình)
1		

7. Chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ: (nêu rõ loại chứng chỉ, lĩnh vực hành nghề, mã số chứng chỉ, ngày cấp, nơi cấp, có bản sao chứng thực kèm theo)

Tôi xin cam đoan các nội dung kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của cơ quan, tổ chức

Người đề nghị

quản lý trực tiếp ⁽²⁾

(Ghi rõ họ tên, chữ ký)

(Ghi rõ họ tên, chữ ký, chức vụ,
dấu pháp nhân)

⁽¹⁾ Cơ quan thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng đối với trường hợp cá nhân là công chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Cơ quan đầu mối thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các cá nhân tại địa phương đăng ký.

⁽²⁾ đối với cá nhân tại thời điểm đăng ký không làm việc tại cơ quan, tổ chức nào thì phải có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi đã công tác gần nhất hoặc có căn cứ xác nhận về các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng.

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20....

**THÔNG TIN ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ
TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC/ VĂN PHÒNG
GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG**

Kính gửi:⁽¹⁾.....

1. Tên tổ chức:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại:

Số fax:

Email:

Website (nếu có):

3. Địa chỉ Văn phòng đại diện, Văn phòng chi nhánh (nếu có):

4. Quyết định thành lập:

Số:, ngày cấp:, cơ quan cấp:

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy đăng ký hoạt động:

Số:, ngày cấp:, cơ quan cấp:

6. Đăng ký nội dung giám định tư pháp xây dựng:

TT	Nội dung giám định	Đăng ký	Loại công trình
1	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng	☐	
2	Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình	☐	
3	Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng.	☐	
4	Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản	☐	

	phẩm xây dựng, thiết bị công trình.		
5	Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan	☐	

7. Thông tin về nhân sự liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng:

a) Số lượng cán bộ, công nhân viên của tổ chức/Văn phòng giám định (chỉ tính người tham gia nộp BHXH) thực hiện công việc liên quan đến hoạt động tư vấn xây dựng:

- Tổng số nhân sự:

- Tổng số giám định viên tư pháp xây dựng (nếu có):

- Tổng số người có trình độ đại học trở lên và có chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ: trong đó tổng số người có năng lực chủ trì trên 10 năm kinh nghiệm theo loại công trình (*dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn và hạ tầng kỹ thuật*):

- Danh sách các cán bộ chuyên môn:

TT	Tên	Chứng chỉ hành nghề/Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ		Số năm kinh nghiệm	Ghi chú
		Mã số chứng chỉ, chứng nhận	Lĩnh vực (Thiết kế, giám sát, ...)/loại CT		
1					

8. Phòng thí nghiệm:

- Mã số Phòng thí nghiệm :

- Số Quyết định công nhận :

- Cơ quan ký quyết định công nhận :

9. Các công việc đã thực hiện trong 05 năm gần nhất:

TT	Công việc thực hiện (<i>liệt kê các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng</i>)	Thông tin chung về công trình (<i>Tên, địa điểm xây dựng, loại, cấp công trình</i>)
1		

Chúng tôi xin cam đoan các nội dung kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Kính đề nghị⁽¹⁾..... xem xét và công bố trên trang thông tin điện tử./.

(Gửi kèm theo các bản sao chứng thực: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định công nhận phòng thí nghiệm, các văn bằng chứng chỉ của các cá nhân, hợp đồng lao động, các hợp đồng đã thực hiện và các tài liệu khác có liên quan theo quy định tại Thông tư số 04 /2014/TT-BXD)

(2)

(Ghi rõ họ tên, chữ ký, chức vụ, dấu pháp nhân)

-
- (1) Cơ quan thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng.
- (2) Tổ chức đăng ký hoạt động giám định tư pháp xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Thủ tục điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Sở Xây dựng đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (đơn vị công tác, địa chỉ thường trú, nội dung giám định tư pháp xây dựng, các bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan đến nội dung giám định tư pháp xây dựng); tổ chức khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (tên tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, địa chỉ, nội dung giám định tư pháp xây dựng) thì cá nhân, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin thay đổi đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương);

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận;

Bước 3: Sau 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ thông tin, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và cập nhật lại thông tin trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh theo quy định.

3.2. Cách thức thực hiện

Cá nhân, tổ chức gửi hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính

3.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị trong đó có thông tin điều chỉnh và các tài liệu chứng minh về thông tin điều chỉnh kèm theo.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, văn phòng giám định tư pháp xây dựng đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Sở Xây dựng

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông tin được đưa lên trang Thông tin điện tử của Sở Xây dựng.

3.8. Lệ phí: Không có

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (đơn vị công tác, địa chỉ thường trú, nội dung giám định tư pháp xây dựng, các bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan đến nội dung giám định tư pháp xây dựng); tổ chức khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (tên tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, địa chỉ, nội dung giám định tư pháp xây dựng).

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giám định tư pháp năm 2012;

- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

VII. Quản lý chất lượng công trình xây dựng:

1. Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trước 10 ngày so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu theo quy định, chủ đầu tư lập báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình/hạng mục công trình tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Xây dựng (tầng 1, tháp A, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối tổ chức thực hiện kiểm tra kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của Chủ đầu tư.

1.2. Cách thức thực hiện: Gửi báo cáo hoàn thành trực tiếp tại cơ quan hoặc gửi qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Báo cáo hoàn thành thi công xây công trình/hạng mục công trình.
- Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

1.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chủ đầu tư phải thực hiện các yêu cầu quy định tại Điểm đ Khoản 4 Điều 32 của Nghị định 46/2015/NĐ-CP thì thời hạn nêu trên được tính từ khi chủ đầu tư hoàn thành các yêu cầu này; Trong trường hợp quá thời hạn trên mà chủ đầu tư chưa nhận được văn bản của Cơ quan có thẩm quyền về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu thì chủ đầu tư được quyền tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. Cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm về việc không có kết luận kiểm tra của mình.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách *(Riêng đối với công trình cấp IV sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, chủ đầu tư tự tổ chức nghiệm thu theo quy định của Nghị định 46/2015/NĐ-CP. Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo về kết quả nghiệm thu nêu trên cho cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại Điểm c Khoản 2 Điều 32 của Nghị định 46/2015/NĐ-CP để tổng hợp, theo dõi).*

- Công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng quy định tại Phụ lục II Nghị định của Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngoài các công trình quy định tại:

- + Điểm a, Khoản 1, Điều 32 của Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

- + Công trình không phân biệt nguồn vốn thuộc cấp I, cấp đặc biệt, công trình do Thủ tướng Chính phủ giao, công trình theo tuyến đi qua 2 tỉnh trở lên, công trình do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư, công trình do các Tập đoàn kinh tế nhà nước quyết định đầu tư hoặc làm chủ đầu tư.

- Công trình có ảnh hưởng lớn đến môi trường ngoài các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c theo Khoản 1 Điều 32 của Nghị định 46/2015/NĐ-CP được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Bình Dương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng. Ngoài ra, căn cứ điều kiện thực tế của các địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ủy quyền thực hiện kiểm tra đối với một số công trình cấp III, IV thuộc trách nhiệm của Sở Xây

dựng cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng.

1.8. Phí, lệ phí: Không có

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014.
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

B. Thủ tục hành chính cấp huyện

I. Lĩnh vực Hoạt động Xây dựng

I.1. Thủ tục hành chính về thẩm định dự án, thiết kế, dự toán

1. Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước):

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người đề nghị thẩm định nộp 01 bộ hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện, các Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

Bước 2: Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.

Bước 3: Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức có năng lực phù hợp theo quy định để ký hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 10 (mười) ngày đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

1.2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi theo đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

- Hồ sơ trình thẩm định theo danh mục tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

- Nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt;

- Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

- Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ (hồ sơ gốc).

1.4. Thời hạn giải quyết: Tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau: Không quá 20 ngày.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đề nghị thẩm định.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện, các Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

1.8. Lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

- Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016.

- Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội;

- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

Mẫu số 04

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp, quy mô công trình:
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
4. Địa điểm xây dựng:
5. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
6. Nguồn vốn đầu tư:
7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
9. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

- Và các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TỔNG HỢP VỀ CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH DỰ ÁN VÀ THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CỦA SỞ XÂY DỰNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

UBND TỈNH/ THÀNH PHỐ...
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Bộ Xây dựng.

(Tên Sở xây dựng địa phương) gửi báo cáo định kỳ tổng hợp số liệu về công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình đã thực hiện thẩm định trên địa bàn tỉnh/thành phố ... đến Bộ xây dựng tổng hợp.

Loại nguồn vốn:

Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (2)	Dự án						Thiết kế cơ sở		Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (nếu có) (Báo cáo cáo kinh tế - kỹ thuật)					
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi (3)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)				Tổng số TKCS thẩm định	Số TKCS phải sửa đổi (4)	Tổng số đã thẩm định	Số phải sửa đổi (3)	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)			
			Trình thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %					Trước thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %
Sở Xây dựng														
Sở Giao thông vận tải														
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn														
Sở Công thương														

Trong đó:

- Tổng mức đầu tư của dự án sau thẩm định có tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất: +....%; -...%.

- Dự toán sau thẩm định của công trình có tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất: +....%; -...%.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.

Ghi chú:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

(1) Bảng mẫu tổng hợp trên được áp dụng cho tổng hợp số liệu theo từng loại nguồn vốn riêng biệt: Vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác

(2): Phòng chuyên môn thuộc Quận, Huyện có trách nhiệm phân loại công trình theo chuyên ngành báo cáo Sở Xây dựng để tổng hợp; các Sở chuyên ngành có trách nhiệm gửi số liệu báo cáo định kỳ về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo.

(3): Số dự án trong quá trình thẩm định phải sửa đổi để đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng.

(4): Số thiết kế cơ sở của dự án trong quá trình thẩm định phải sửa đổi để bảo đảm tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng.

(5): Tổng số thiết kế xây dựng công trình phải sửa đổi để đảm bảo an toàn chịu lực.

- Tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất được tính cho một dự án, một công trình.

Mẫu số 03

Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN VỊ THẨM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự
toán xây dựng công trình

....., ngày ... tháng ... năm.....

**KẾT QUẢ THẨM TRA
THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Công trình:

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định, Thông tư khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc ...;

Các căn cứ khác có liên quan.

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình: ... Loại, cấp công trình: ...
- Thuộc dự án đầu tư: ...
- Chủ đầu tư: ...
- Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...
- Nguồn vốn:...
- Địa Điểm xây dựng:...
- Đơn vị khảo sát xây dựng: ...
- Đơn vị thiết kế, lập dự toán xây dựng: ...

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)

2. Danh Mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:

3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của các hạng Mục công trình)

3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng công trình

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi Tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).
2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.
3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:
 - a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;
 - b) Các cơ sở để xác định các Khoản Mục chi phí;

c) Về đơn giá áp dụng cho công trình;

d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm Tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).

4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;

b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:

- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.

- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận.

5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

7. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các Khoản Mục chi phí khác trong dự toán công trình;

c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm tra	Giá trị sau thẩm tra	Tăng, giảm (+;-)
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí thiết bị (nếu có)			
3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			
5	Chi phí khác			
6	Chi phí dự phòng			
	Tổng cộng			

(có phụ lục chi Tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đủ Điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

-

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐƠN VỊ THẨM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

I.2. Thủ tục hành chính về cấp giấy phép xây dựng

1. Thủ tục cấp giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh.

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và kết quả của UBND cấp huyện.

Bước 2: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

Bước 3: Kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa. Khi thẩm định hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xác định tài liệu còn thiếu, tài liệu không

đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp giấy phép.

- Căn cứ quy mô, tính chất, loại công trình và địa điểm xây dựng công trình có trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm đối chiếu các điều kiện theo quy định để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Đối với công trình kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn quy định, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng.

1.2. Cách thức thực hiện:

Chủ đầu tư gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Trường hợp xây dựng mới:

(1.1) Đối với công trình không theo tuyến; Công trình tín ngưỡng; Công trình của cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế, thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc

nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

- + Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

- + Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- + Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Riêng đối với công trình của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và cơ quan nước ngoài đầu tư tại Việt Nam còn tuân thủ các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam; Đối với công trình tôn giáo bổ sung bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan tôn giáo theo phân cấp.

(1.2) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị, thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

- + Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;
- + Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;
- + Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;
- + Riêng đối với công trình ngầm phải bổ sung thêm: Bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500.

(1.3) Đối với công trình quảng cáo, thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng thuê công trình đối với trường hợp thuê đất hoặc thuê công trình để xây dựng công trình quảng cáo;
- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:
 - Đối với trường hợp công trình xây dựng mới:
 - + Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;
 - + Bản vẽ mặt bằng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;
 - + Bản vẽ mặt cắt móng và mặt cắt công trình tỷ lệ 1/50;
 - + Bản vẽ các mặt đứng chính công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;
 - Đối với trường hợp biến quảng cáo được gắn vào công trình đã được xây dựng hợp pháp:

+ Bản vẽ kết cấu của bộ phận công trình tại vị trí gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50;

+ Bản vẽ các mặt đứng công trình có gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50 - 1/100.

(2) Trường hợp theo giai đoạn:

(2.1) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị, thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân đất thực hiện theo giai đoạn hoặc cả dự án theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;

+ Các bản vẽ theo từng giai đoạn: Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình theo giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; Đối với công trình ngầm yêu cầu phải có bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/100 - 1/500.

(3) Đối với công trình theo dự án:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình xây dựng đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án hoặc tổng mặt bằng từng giai đoạn của dự án tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng từng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+) Bản vẽ các mặt đứng và các mặt cắt chính của từng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 của từng công trình kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

(4) Đối với công trình sửa chữa, cải tạo:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở, theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình, nhà ở theo quy định của pháp luật hoặc bản sao giấy phép xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.

- Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, thì phải có bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.

(5) Di dời công trình:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ tổng mặt bằng, nơi công trình sẽ được di dời tới tỷ lệ 1/50 - 1/500.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200, mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 tại địa điểm công trình sẽ di dời tới.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính phương án di dời gồm

+ Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình;

+ Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.

- Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại mục 3, mục 4 Điểm này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

Ngoài các tài liệu quy định đối với mỗi loại công trình nêu trên, hồ sơ đề nghị cấp hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau:

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định đầu tư đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng.

(6) *Đối với công trình xây dựng có thời hạn:* Hồ sơ như điểm (1.1); (4); (5) mục này.

(7) *Đối với nhà ở riêng lẻ:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/50 - 1/500 kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/50 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 kèm theo sơ đồ đấu nối hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

- Đối với công trình xây chen có tầng hầm, ngoài các tài liệu quy định tại điểm 1, 2, 3 nội dung này, hồ sơ còn phải bổ sung bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận biện pháp thi công móng của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận.

- Đối với công trình xây dựng có công trình liên kế phải có bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn đối với công trình liên kế.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

1.4. Thời hạn giải quyết:

Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế trình xin cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

1.8. Lệ phí: Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)

Kính gửi:.....

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):.....

- Người đại diện:.....Chức vụ (nếu có):.....

- Địa chỉ liên hệ:.....

- Số nhà:..... Đường/phố..... Phường/xã.....

- Quận/huyện..... Tỉnh/thành phố:.....

- Số điện thoại:.....

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:.....

- Lô đất số:.....Diện tích.....m².
- Tại số nhà:..... Đường/phố.....
- Phường/xã.....Quận/huyện.....
- Tỉnh, thành phố:.....

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Đối với công trình không theo tuyến:

- Loại công trình:.....Cấp công trình:.....
- Diện tích xây dựng:.....m².
- Cốt xây dựng:m
- Tổng diện tích sàn:..... m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:.....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình:.....Cấp công trình:.....
- Tổng chiều dài công trình:.....m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính x, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cốt của công trình:.....m (ghi rõ cốt qua từng khu vực)
- Chiều cao tính không của tuyến:.....m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).
- Độ sâu công trình:.....m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)

3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình:.....Cấp công trình:.....
- Diện tích xây dựng:.....m².
- Cốt xây dựng:.....m
- Chiều cao công trình:.....m

3.4. Đối với công trình quảng cáo:

- Loại công trình:.....Cấp công trình:.....
- Diện tích xây dựng:.....m².
- Cốt xây dựng:.....m
- Chiều cao công trình:.....m
- Nội dung quảng cáo:.....

3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình:.....
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):.....m².

- Tổng diện tích sàn:..... m² (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:.....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình:.....Cấp công trình:.....
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):.....m².
- Tổng diện tích sàn:..... m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:.....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:

- Giai đoạn 1:
 - + Loại công trình:.....Cấp công trình:.....
 - + Diện tích xây dựng:.....m².
 - + Cốt xây dựng:.....m
 - + Chiều sâu công trình:.....m (tính từ cốt xây dựng)
- Giai đoạn 2:
 - + Tổng diện tích sàn:..... m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
 - + Chiều cao công trình:.....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
 - + Số tầng:.....(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình:.....Cấp công trình:.....
- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn:..... m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính x, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cốt của công trình:.....m (qua các khu vực theo từng giai đoạn)

- Chiều cao tĩnh không của tuyến:.....m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn).

- Độ sâu công trình:.....m (ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)

3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án:.....

+ Đã được:.....phê duyệt, theo Quyết định số:..... ngày.....

- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

+ Công trình số (1-n): (tên công trình)

* Loại công trình:.....Cấp công trình:.....

* Các thông tin chủ yếu của công trình:.....

3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình:.....Cấp công trình:.....

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):.....m².

- Tổng diện tích sàn:.....m².

- Chiều cao công trình:.....m.

- Địa điểm công trình di dời đến:

- Lô đất số:.....Diện tích..... m².

- Tại:..... Đường:.....

- Phường (xã)..... Quận (huyện).....

- Tỉnh, thành phố:.....

- Số
tầng:.....

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:.....

- Tên đơn vị thiết kế:.....

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
.....

- Tên chủ nhiệm thiết kế:.....

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:.....do Cấp ngày:.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:

- Giấy phép hành nghề số (nếu có):.....cấp ngày.....

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

2. Thủ tục điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh.

2.1. Trình tự thực hiện:

(1) Trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng: trình tự thực hiện như cấp giấy phép xây dựng.

(2) Trường hợp gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng:

- Chủ đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện.

- Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm xem xét gia hạn giấy phép xây dựng hoặc cấp lại giấy phép xây dựng.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Chủ đầu tư gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

(1) Đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng, thành phần hồ sơ gồm:

- Đối với công trình:

- + Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- + Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;

- + Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- + Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Đối với nhà ở riêng lẻ:

- + Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- + Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200. Đối với trường hợp yêu cầu phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thì phải nộp kèm theo báo cáo kết quả thẩm định thiết kế;

- Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại Điểm này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

(2) Đối với trường hợp gia hạn giấy phép xây dựng, thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;

(3) Trường hợp cấp lại giấy phép xây dựng, thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát).

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Điều chỉnh giấy phép xây dựng: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng: Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép xây dựng được điều chỉnh, gia hạn, cấp lại.

2.8. Lệ phí: Theo quy định HĐND tỉnh.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG (Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:

- Số nhà: Đường (phố) Phường (xã)

- Quận (huyện) Tỉnh, thành phố:

- Số điện thoại:

2. Địa Điểm xây dựng:

- Lô đất số: Diện tíchm².

- Tại: Đường:

- Phường (xã) Quận (huyện)

- Tỉnh, thành phố:
.....

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị Điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp (*hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại*):

-

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày

- Tên chủ nhiệm thiết kế:

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:do Cấp ngày:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế Điều chỉnh/gia hạn: tháng.

7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép Điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngày.....tháng năm
Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

II. Lĩnh vực Quy hoạch – Kiến trúc

1. Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện:

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư gửi hồ sơ thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện.

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Phòng Quản lý đô thị sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết (theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP), thành phần hồ sơ gồm: (1) Tờ trình đề nghị thẩm định; (2) thuyết minh nội dung nhiệm vụ; (3) dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; (4) các bản vẽ in màu thu nhỏ; (5) các văn bản pháp lý có liên quan.

- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP), thành phần hồ sơ gồm: (1), (2), (3), (4), (5) và văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ

năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ : 03 (bộ)

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết (theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP): 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP): 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý đô thị.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

1.8. Lệ phí: Bộ Xây dựng quy định chi tiết về chi phí thẩm định nhiệm vụ đồ án quy hoạch xây dựng.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2010/QH12 ngày 17/6/2009;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

2. Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện:

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư gửi hồ sơ thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện.

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Phòng Quản lý đô thị sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết (theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP), thành phần hồ sơ gồm: (1) Tờ trình đề nghị thẩm định; (2) thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; (3) dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch; (4) dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; (5) các phụ lục tính toán kèm theo; (6) các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định; (7) các văn bản pháp lý có

liên quan;

- Đối với thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP), thành phần hồ sơ gồm: (1), (2), (3), (4), (6), (7) và văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng; đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án.

b) Số lượng hồ sơ : 03 (bộ)

2.4. Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý đô thị.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết.

2.8. Lệ phí: Bộ Xây dựng quy định chi tiết về chi phí thẩm định đồ án.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không có.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

3. Thủ tục cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý:

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Căn cứ vào thông tin quy hoạch, chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép quy hoạch theo các trường hợp quy định tại Điều 32 của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Điều 36 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện.

Bước 2: Đối với hồ sơ đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Biên nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận viết Phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ để Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và tiếp nhận.

Bước 3: Căn cứ vào yêu cầu quản lý, kiểm soát phát triển của đô thị, khu

chức năng đặc thù, Quy định quản lý theo quy hoạch chung xây dựng, đề xuất của chủ đầu tư, phòng Quản lý đô thị có trách nhiệm xem xét hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan và báo cáo UBND cấp huyện cấp giấy phép quy hoạch về nội dung giấy phép quy hoạch. Thời gian thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến không quá 30 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép quy hoạch hợp lệ.

Bước 4: UBND cấp huyện xem xét và cấp giấy phép quy hoạch trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định cấp giấy phép quy hoạch của cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng.

Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ tại khu vực trong đô thị chưa có quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế đô thị trừ nhà ở; công trình tập trung hoặc riêng lẻ trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt, nhưng cần điều chỉnh ranh giới hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất, trong quá trình thẩm định hồ sơ cấp giấy phép quy hoạch, cơ quan quản lý quy hoạch phải tổ chức lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư có liên quan về nội dung cấp phép. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép quy hoạch;
- Sơ đồ vị trí địa điểm đề nghị cấp giấy phép quy hoạch;
- Dự kiến phạm vi, ranh giới khu đất, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch;
- Dự kiến nội dung đầu tư, quy mô dự án và tổng mức đầu tư;
- Báo cáo về pháp nhân và năng lực tài chính để triển khai dự án.

b) Số lượng hồ sơ : 01 (bộ)

3.4. Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án đầu tư.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan thực hiện: Phòng Quản lý đô thị.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép quy hoạch sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình

tập trung quy định tại mẫu số 2 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015, mẫu số 2 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010.

- Giấy phép quy hoạch sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ quy định tại mẫu số 4 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015, mẫu số 4 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010

3.8. Phí, Lệ phí: Bộ Tài chính quy định chi tiết về mức thu lệ phí cấp giấy phép quy hoạch.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép quy hoạch (sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung); quy định tại mẫu số 1 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015, mẫu số 1 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010.

- Đơn đề nghị cấp giấy phép quy hoạch (sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ) quy định tại mẫu số 3 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015, mẫu số 1 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

(Ban hành kèm theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung)

Kính gửi:

1. Chủ đầu tư:

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:

- Số nhà: Đường Phường (xã)

- Tỉnh, thành phố:

- Số điện thoại:

2. Vị trí, quy mô khu vực dự kiến đầu tư:

- Phường (xã) Quận (huyện)

- Tỉnh, thành phố:

- Phạm vi dự kiến đầu tư:

- Quy mô, diện tích: (ha).

- Hiện trạng sử dụng đất

..... 3. Nội dung đầu tư:

.....

- Chức năng dự kiến:

- Cơ cấu sử dụng đất dự kiến:

..... 4. Tổng mức đầu tư dự kiến:

.....

5. Cam kết: tôi xin cam đoan thực hiện đúng theo giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm

.....

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

MẪU GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

(Ban hành theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

(Trang 1)

(Màu xanh – khổ A4)

**UBND tỉnh, TP trực
thuộc TW hoặc UBND
quận, huyện, thành phố
thuộc tỉnh, thị xã**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

Số:/GPQH

(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung)

1. Cấp cho chủ đầu tư:
- Địa chỉ:
- Số nhà: ... Đường ... Phường (xã): ... Tỉnh, thành phố:
2. Nội dung cấp phép:
 - Tên dự án:
 - Địa điểm xây dựng:
 - Phạm vi ranh giới:
 - Quy mô đất đai: ha
 - Quy mô dân số (nếu có): người
 - Cơ cấu sử dụng đất:
 - %. (tỷ lệ đất giao thông, cây xanh, công trình công cộng) (Trang 2)
 - Mật độ xây dựng toàn khu vực: %
 - Chiều cao tối đa xây dựng công trình: m.
 - Hệ số sử dụng đất:
 - Các yêu cầu về không gian, kiến trúc, cảnh quan:
 - Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, môi trường:
3. Thời hạn giấy phép quy hoạch:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày ... tháng ... năm
Cơ quan cấp giấy phép quy hoạch
(Ký tên, đóng dấu)

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

(Ban hành theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Chủ đầu tư:
 - Người đại diện: Chức vụ:
 - Địa chỉ liên hệ:
 - Số nhà: Đường Phường (xã)
 - Tỉnh, thành phố:
 - Số điện thoại:
2. Vị trí, quy mô xây dựng công trình:
 - Phường (xã) Quận (huyện)
 - Tỉnh, thành phố:
 - Phạm vi ranh giới:
 - Quy mô, diện tích: (ha).
 - Hiện trạng sử dụng đất
.....
3. Nội dung đầu tư:
.....
 - Chức năng công trình:
 - Mật độ xây dựng: %
 - Chiều cao công trình: m.
 - Số tầng:
 - Hệ số sử dụng đất:
 - Dự kiến tổng diện tích sàn: m².
4. Tổng mức đầu tư dự kiến:
5. Cam kết: tôi xin cam đoan thực hiện đúng theo giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp

luật.

....., ngày ... tháng ... năm

.....

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

MẪU GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

(Ban hành theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)

(Trang 1)

(Màu xanh – khổ A4)

**UBND tỉnh, TP trực
thuộc TW hoặc UBND
quận, huyện, thành phố
thuộc tỉnh, thị xã**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

Số:/GPQH

(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ)

1. Cấp cho chủ đầu tư:

- Địa chỉ:

- Số nhà: ... Đường ... Phường (xã): ... Tỉnh, thành phố:

2. Nội dung cấp phép:

- Tên dự án:

- Địa điểm xây dựng:

- Phạm vi ranh giới:

- Diện tích lô đất: m²

- Mật độ xây dựng đối với lô đất: %

- Chiều cao công trình: m.

- Hệ số sử dụng đất đối với lô đất:

..... (Trang 2)

- Khoảng lùi công trình: m

- Các yêu cầu về kiến trúc công trình:

- Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật và môi trường:

3. Thời hạn giấy phép quy hoạch:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày ... tháng ... năm

Cơ quan cấp giấy phép quy hoạch

(Ký tên, đóng dấu)

III. Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật

1. Thủ tục cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân lấy mẫu đơn Đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện, điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chuẩn bị thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp Hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ:
- + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận nhận hồ sơ viết biên nhận hồ sơ (*ghi rõ ngày đến nhận kết quả*).
- + Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, cán bộ tiếp nhận hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu.
- + Đến ngày hẹn tổ chức đem biên nhận hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận Hồ sơ đã được đóng dấu và nộp lệ phí theo quy định (*đối với trường hợp Văn bản thống nhất đạt yêu cầu*) và ký tên vào sổ giao nhận hồ sơ.

1.2 Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- a) Thành phần hồ sơ bao gồm:
- Đơn đề nghị nêu rõ vị trí chặt hạ, dịch chuyển; kích thước, loại cây và lý do cần chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị;
 - Sơ đồ vị trí cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển;
 - Ảnh chụp hiện trạng cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển.
- b) Số lượng hồ sơ: Do Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, Tổ chức.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định.

1.1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh *(Theo Phụ lục II Ban hành kèm theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị)*.

1.1.8. Phí, lệ phí: Không có.

1.1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị *(Theo Phụ lục I Ban hành kèm theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị)*.

1.1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Quy hoạch đô thị 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị.

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY PHÉP CHẶT HẠ, DỊCH CHUYỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ

Kính gửi: Cơ quan cấp giấy phép

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Xin được chặt hạ dịch chuyển cây tại đường,
xã (phường):, huyện (thành phố, thị xã):

Loại cây:, chiều cao (m): đường kính (m):
.....

Mô tả hiện trạng cây xanh:

.....
...

Lý do cần chặt hạ dịch chuyển, thay thế.....

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý cây xanh đô thị và các quy định khác có liên quan.

....., ngày ... tháng ... năm

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tài liệu kèm theo:

- Ảnh chụp hiện trạng;
- Sơ đồ vị trí cây (nếu có).

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ)

**UBND CẤP HUYỆN
CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY PHÉP CHẶT HẠ, DỊCH CHUYỂN CÂY XANH

Số:/GPCX

Căn cứ Quyết định số/...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm của UBND cấp huyện quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn cấp huyện.

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh của.....

1. Cấp cho:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax:

- Được phép chặt hạ, dịch chuyển cây tại đường
....., xã (phường):, huyện (thành phố, thị xã):
.....

- Loại cây:, chiều cao (m): đường kính (m):

- Hồ sơ quản lý:

- Lý do cần chặt hạ, dịch chuyển:

2. Đơn vị thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển:

3. Thời gian có hiệu lực của giấy phép là 30 ngày kể từ ngày được cấp phép. Quá thời hạn này mà chưa thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển thì giấy phép này không còn giá trị.

4. Đơn vị thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh có trách nhiệm:

- Thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật và tuyệt đối an toàn.

- Thực hiện đúng thời gian quy định.

- Thông báo cho chính quyền địa phương biết thời gian thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh.

....., ngày ... tháng ... năm

(Ký tên đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Cơ quan cấp giấy phép;

- Lưu.